

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI

ĐỊA ĐIỂM: KHÓM 3, THỊ TRẤN LONG THÀNH,
HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH



Huyện Duyên Hải, tháng 6 năm 2022

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI**

ĐỊA ĐIỂM: KHÓM 3, THỊ TRẤN LONG THÀNH,
HUYỆN DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

CHỦ CƠ SỞ

**TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN DUYÊN HẢI**



Nguyễn Hồng Triệu

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



Trần Thị Thu Hiền

Huyện Duyên Hải, tháng 6 năm 2022

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.1. Tên chủ cơ sở	1
1.2. Tên cơ sở	1
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	3
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	3
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	5
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	6
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	16
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt	17
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	25
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	25
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	25
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	26
3.1.3. Xử lý nước thải.....	28
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	36
3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm do hóa chất bay hơi	36
3.2.2. Chống nhiễm khuẩn	36
3.2.3. Giảm thiểu ô nhiễm do bụi và khí thải của máy phát điện dự phòng	37
3.2.4. Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải của các phương tiện vận chuyển	37
3.2.5. Giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải và từ rác thải	38
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	38
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	39

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	42
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	43
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp	47
3.7.1. Nội dung 1	47
3.7.2. Nội dung 2.....	48
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	51
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	51
Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	53
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.....	53
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải.....	54
5.2.1. Quan trắc chất lượng không khí trong khu vực làm việc.....	54
5.2.2. Quan trắc chất lượng không khí xung quanh	55
Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ ..	57
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	57
6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	57
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	58
Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	60
Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	61

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

1	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	BC	Báo cáo
3	CP	Chính phủ
4	BVKĐ	Bệnh viện Đa khoa
5	BYT	Bộ Y tế
6	CSSKSS	Chăm sóc sức khỏe sinh sản
7	CTNH	Chất thải nguy hại
8	GMHS	Gây mê hồi sức
9	HĐND	Hội đồng nhân dân
10	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
11	KHHGD	Kế hoạch hóa gia đình
12	MBR	Membrane Bio-Reactor
13	NĐ	Nghị định
14	PDFV	Polyvinylidene Fluoride
15	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
16	QLMT	Quản lý môi trường
17	QĐ	Quyết định
18	STNMT	Sở Tài nguyên Môi trường
19	STT	Số thứ tự
20	THCS	Trung học cơ sở
21	THPT	Trung học phổ thông
22	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
23	TT	Thông tư
24	TTYT	Trung tâm Y tế
25	XLNT	Xử lý nước thải
26	UBND	Ủy ban nhân dân
27	VP	Văn phòng
28	YHCT	Y học cổ truyền

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 1: Toạ độ các điểm ranh giới của cơ sở.....	2
Bảng 2: Các hạng mục công trình của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải	4
Bảng 3: Máy móc, thiết bị tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải.....	7
Bảng 4: Tổng hợp nhu cầu vật dụng y tế, dược phẩm	14
Bảng 5: Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td}).....	21
Bảng 6: Điều kiện lấy mẫu	22
Bảng 7: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt.....	22
Bảng 8: Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{mn}).....	23
Bảng 9: Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của Kênh Quan Chánh Bó	23
Bảng 10: Kết cấu các hạng mục xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung..	32
Bảng 11: Máy móc, thiết bị phục vụ hệ thống XLNT tập trung.....	32
Bảng 12: Chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý bằng HTXLNT tập trung	34
Bảng 13: Sự cố về nước thải và biện pháp, công trình ứng phó, khắc phục.....	44
Bảng 14: Tổng hợp nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường	50
Bảng 15: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, hệ số K = 1,2)	51
Bảng 16: Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý	53
Bảng 17: Bảng kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực làm việc	55
Bảng 18: Kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh.....	55
Bảng 19: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của Trung tâm	57
Bảng 20: Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện giám sát môi trường trong 01 năm hoạt động của Trung tâm.....	58

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Trang

Hình 1: Sơ đồ vị trí của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải	2
Hình 2: Sơ đồ mặt bằng tổng thể của Trung tâm	5
Hình 3: Quy trình hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải.....	6
Hình 4: Sơ đồ vị trí xả nước thải vào nguồn nước	24
Hình 5: Tuyến thoát nước mưa cạnh khối nhà hành chính – khoa dinh dưỡng..	25
Hình 6: Hồ ga thoát nước mưa trước khi chảy vào giếng tự thấm.....	26
Hình 7: Vị trí hồ ga đầu ra của HTXLNT tập trung	27
Hình 8: Khu vực giếng tự thấm nước thải sau xử lý của Trung tâm	27
Hình 9: Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn.....	28
Hình 10: Sơ đồ quy trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung	29
Hình 11: Vị trí lắp đặt hệ thống XLNT tập trung	31
Hình 12: Khu vực bể lắng cát, bể thu gom và bể chứa bùn.....	31
Hình 13: Thùng chứa chất thải rắn thông thường tại Trung tâm	39
Hình 14: Thùng rác 125L màu vàng và màu đen tại Trung tâm.....	41
Hình 15: Khu vực xử lý nước thải và lưu chứa chất thải rắn của Trung tâm	42
Hình 16: Máy phát điện dự phòng 200KVA và máy bơm sục khí của HTXLNT	43

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải.
- Địa chỉ văn phòng: khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Nguyễn Hồng Triệu.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 02943.738022.
- Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải.
- Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 31/7/2015 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND tỉnh Trà Vinh.
- Quyết định số 353/QĐ-SYT ngày 18/5/2020 của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh về việc bổ sung chức năng khám bệnh, chữa bệnh cho Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải thực hiện mô hình Trung tâm Y tế đa chức năng thuộc Sở Y tế

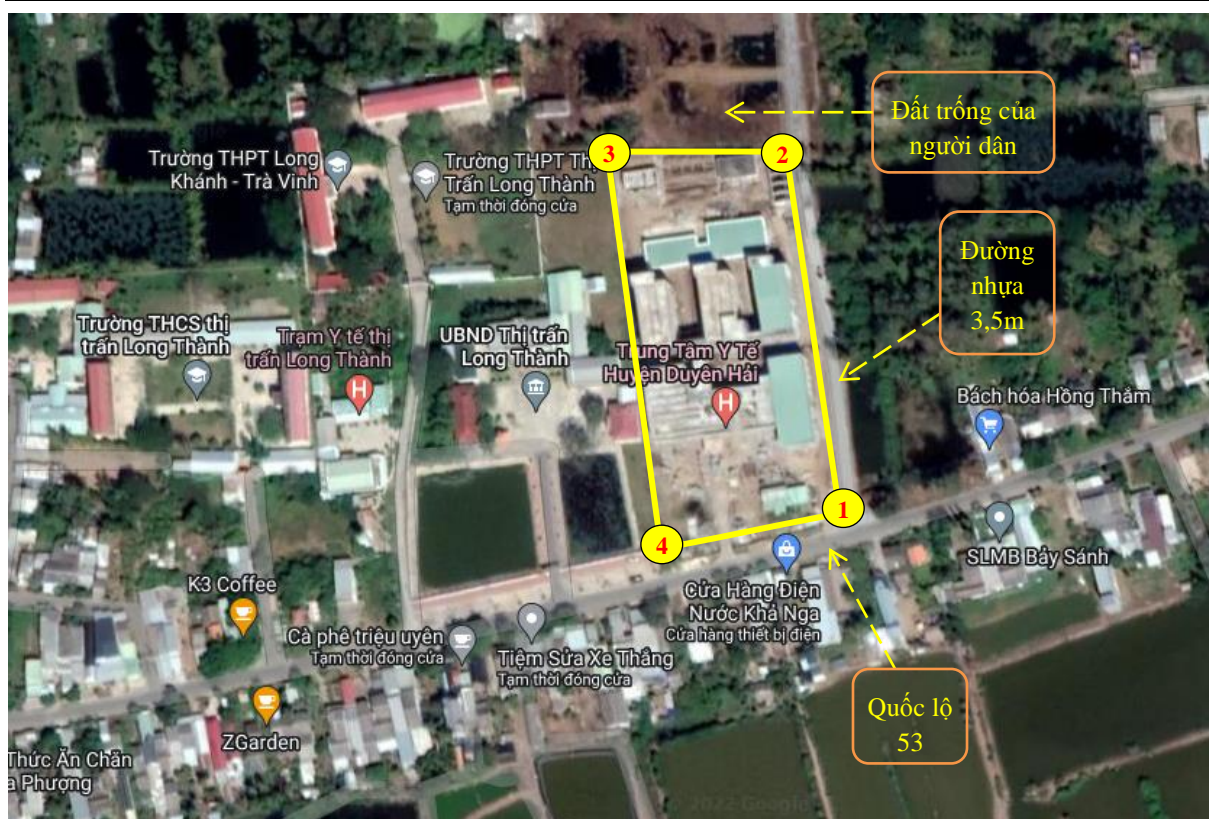
1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải.
- Địa điểm cơ sở: khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943.738022.

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải được xây dựng trên thửa đất số 1773 và 1774, tờ bản đồ số 7, thửa đất số 149, tờ bản đồ số 8 thuộc khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải với tổng diện tích đất là 11.488 m², tứ cận tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông: giáp đường nhựa nhỏ (rộng 3,5m).
- + Phía Tây: giáp với Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành.
- + Phía Nam: giáp Quốc lộ 53.
- + Phía Bắc: giáp đất trống của người dân.



Hình 1: Sơ đồ vị trí của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Bảng 1: Toạ độ các điểm ranh giới của cơ sở

STT	Ký hiệu điểm	Toạ độ VN-2000	
		X (m)	Y (m)
1	Điểm 1	01062777	00603854
2	Điểm 2	01062917	00603836
3	Điểm 3	01062918	00603763
4	Điểm 4	01062759	00603785

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường)

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 84.000128.T (cấp lần 2) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cấp ngày 03/4/2019.

- Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 và khoản 4 Điều 9 của Luật đầu tư công. Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 120.000.000.0000 đồng: thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

+ Cơ sở thuộc nhóm II theo quy định tại STT thứ 2 Mục I Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

→ Căn cứ theo Khoản 2 Điều 39 và Điểm c Khoản 3 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022, Cơ sở đã hoạt động trước ngày Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực và đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường → Cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, trình UBND tỉnh Trà Vinh thẩm định và cấp phép.

Nhằm thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành trong công tác bảo vệ môi trường, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải phối hợp cùng Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (đơn vị tư vấn) lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Trung tâm y tế huyện Duyên Hải để trình Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt.

- Quy mô sản xuất của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải: 50 giường bệnh với đầy đủ các khoa, phòng ban chuyên môn và hạng mục cơ sở hạ tầng.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải (trước đây là Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải) được xây dựng trên diện tích đất là 11.488 m² với quy mô hoạt động là 50 giường bệnh bao gồm các hạng mục sau:

- Phòng chức năng
- + Phòng tổ chức - Hành chính.
- + Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ - Điều dưỡng.
- + Phòng Tài chính – Kế toán.
- Các khoa chuyên môn:
- + Khoa kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS.
- + Khoa y tế công cộng và Dinh dưỡng – An toàn thực phẩm- Dân số.
- + Khoa ngoại – GMHS – CSSKSS - KHHGD.
- + Khoa Khám bệnh - Khoa Hồi sức cấp cứu.
- + Khoa Nội – Nhi – Nhiễm – YHCT.
- + Khoa Dược – Trang thiết bị - Vật tư y tế.
- + Khóá Xét nghiệm và chuẩn đoán hình ảnh.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

- Số lượng nhân viên hiện tại của Trung tâm là 119 người, bao gồm:

+ Tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải: 78 người.

+ Tại các đơn vị trực thuộc (phòng khám đa khoa khu vực Dân Thành, các trạm Y tế các xã trong huyện): 41 người.

- Các hạng mục công trình của Trung tâm như sau:

Bảng 2: Các hạng mục công trình của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
I	Các công trình hạng mục chính	8.756,10
1	Khoa cấp cứu – Khoa phẫu thuật – Khu	2.278,99
	Tầng trệt	1.147,03
	Lầu 1	1.131,96
2	Khối hành chính – Khoa dinh dưỡng	1.009,40
	Tầng trệt	507,00
	Lầu 1	502,40
3	Khối kỹ thuật nghiệp vụ - Cận lâm sàng – Khoa thăm dò chức năng	1.358,71
	Tầng trệt: Khoa chẩn đoán hình ảnh	470,44
	Lầu 1: Khoa xét nghiệm	470,44
	Lầu 2: Khoa thăm dò chức năng	417,83
4	Khu điều trị Nội trú 1	1.264,65
	Tầng trệt: Đơn nguyên điều trị Ngoại trú	428,45
	Lầu 1: Đơn nguyên điều trị Nội – Y học cổ truyền	418,10
	Lầu 2: Đơn nguyên điều trị Tai mũi họng – Răng hàm mặt	418,10
5	Khu điều trị Nội trú 2	1.033,30
	Tầng trệt: Đơn nguyên điều trị Sản	377,28
	Lầu 1: Đơn nguyên điều trị Nhi	336,68
	Lầu 2: Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm, Truyền thông sức khỏe, Y tế công cộng	319,34
6	Khoa Dược – Khoa Quản lý chống nhiễm khuẩn	759,05
	Khoa Dược	245,96
	Khoa Quản lý chống nhiễm khuẩn	513,09
7	Đài nước 30 m ³	43,01
8	Bể nước dưới đất 120 m ³	16,00
9	Khu tang lễ và Giải phẫu bệnh	173,22
10	Phòng cách ly	117,47
11	Nhà xe cấp cứu, Nhà để máy phát điện	229,50
12	Nhà xe nhân viên	76,80
13	Nhà xe khách	96,00

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
14	Căn tin (hiện tại chưa hoạt động)	300,00
II	Hạng mục xử lý môi trường	149,60
15	Nhà bao che Lò đốt rác – Kho chứa rác (nay là kho chứa rác)	96,50
16	Hệ thống xử lý nước thải	53,10
III	Sân đường, cây xanh	7.128,00
17	Sân đường	3.517,00
18	Cây xanh	3.611,00

(Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh)



Hình 2: Sơ đồ mặt bằng tổng thể của Trung tâm

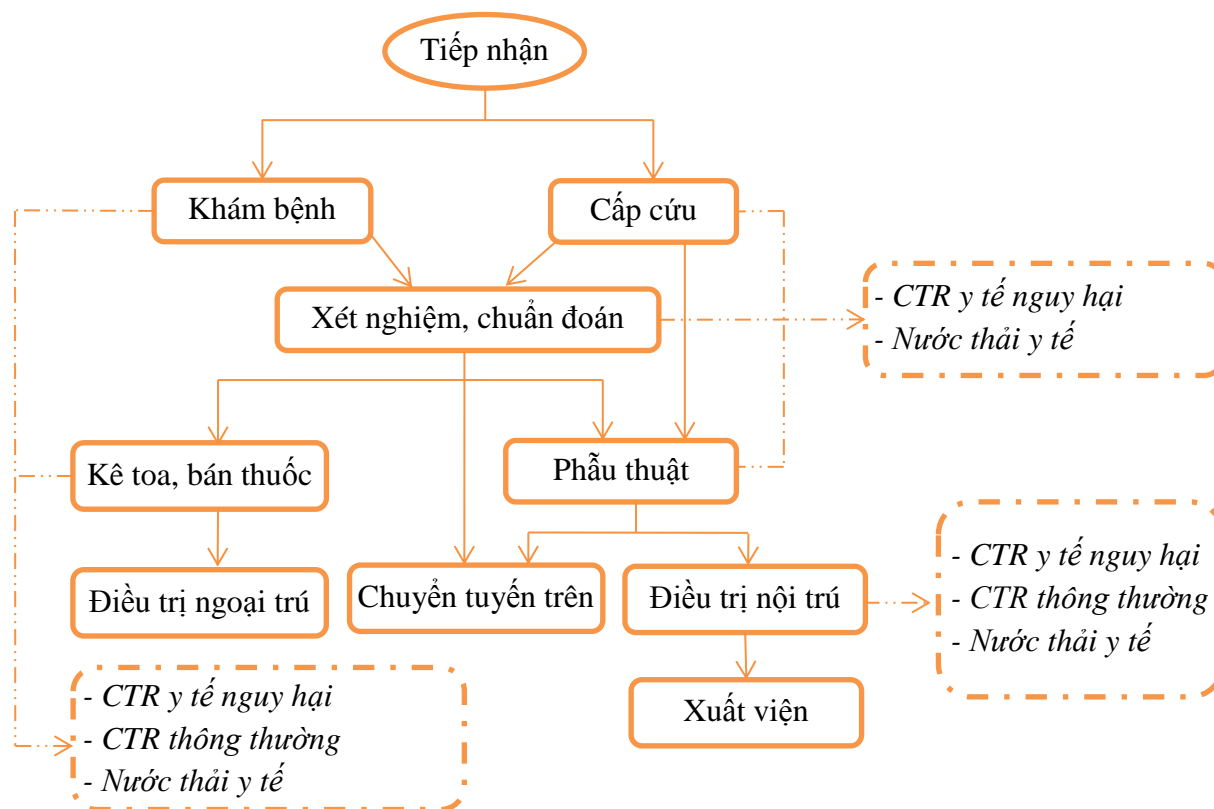
* Ghi chú:

- Vị trí A: Vị trí giếng tự thấm nước thải (nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý)
- B: Vị trí giếng tự thấm nước mưa (nguồn tiếp nhận nước mưa thu gom của cơ sở)

(Bản vẽ mặt bằng tổng thể chi tiết được đính kèm tại Phụ lục 1.4)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải hoạt động theo quy trình như sau:



Hình 3: Quy trình hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

- **Thuyết minh quy trình:** Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải có chức năng khám, điều trị bệnh ngoại trú, nội trú cho bệnh nhân. Khi đến Trung tâm, bệnh nhân sẽ được cán bộ y Bác sĩ tại Trung tâm cấp cứu, tư vấn khám sức khỏe và chữa bệnh. Tùy theo tình trạng sức khỏe và tình trạng bệnh mắc phải mà bệnh nhân được Bác sĩ tiến hành kê toa cấp thuốc, điều trị ngoại trú; phẫu thuật, điều trị nội trú hay chuyển lên Bệnh viện tuyến trên để tiếp tục điều trị.

Trong quá trình hoạt động của Trung tâm có phát sinh chất thải rắn y tế nguy hại, chất thải rắn thông thường, nước thải y tế.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải hoạt động trong lĩnh vực y tế với quy mô hoạt động 50 giường bệnh. Hiện tại, Trung tâm tiếp nhận số lượng người dân đến khám chữa bệnh trung bình khoảng 70 lượt/ngày.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

- Các máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã được lắp đặt được liệt kê theo bảng sau:

Bảng 3: Máy móc, thiết bị tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
1	Bàn mổ đa năng điện –Thủy lực	OT-2000	ST.Francis	Đài Loan	2020	02	Mới 100%
2	Bộ đặt nội khí quản	-	Luxamed GmbH & Co.KG	Đức	2020	06	Mới 100%
3	Bộ dụng cụ mổ quặm, mộng mắt	-	Nopa	Đức	2020	01	Mới 100%
4	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa và phụ kiện tiêu chuẩn	-	Nopa	Đức	2020	01	Mới 100%
5	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa	-	Nopa	Đức	2020	02	Mới 100%
6	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	-	Nopa	Đức	2020	15	Mới 100%
7	Bộ mở khí quản	-	Nopa	Đức	2020	01	Mới 100%
8	Bơm tiêm điện	PG 907s	Progetti S.r.l	Ý	2020	05	Mới 100%
9	Dao mổ điện cao tần 300W HF	Tom 411	Tekno – Medical Optik-Chiruhie GmbH	Đức	2020	01	Mới 100%
10	Đèn mổ treo trần ≥ 120.000 LUX	Atria 5		Đức	2020	02	Mới 100%
11	Hệ thống rửa tay phẫu thuật	TK-LC02LF	Triệu Khang	Việt Nam	2020	01	Mới 100%
12	Máy Gây mê kèm thở + Máy nén khí	Maja X45	MS Westfalia	Đức	2020	01	Mới 100%
13	Máy hút điện	SU-305P	Gemmy Industrial Corporation	Đài Loan	2020	07	Mới 100%
14	Máy hút điện chạy liên tục, áp lực thấp	Model: SU-600 S/N: 200509A		Đài Loan	2020	01	Mới 100%
15	Máy phá rung tim	TEC-5631	Nihon Kohden	Nhật bản	2020	01	Mới 100%
16	Máy phun dung dịch khử trùng	Biospray S/N: 1912543	HSC ILACLAMA MAK.LTD.STI/Macro Teknik	Thổ Nhĩ Kỳ	2019	01	Mới 100%
17	Máy thở CPAP (không xâm nhập,	CPAP 20e	Lowenstein	Đức	2020	01	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
	chạy điện) (máy giúp thở)	S/N: 296022					
18	Máy thở người lớn và trẻ em	Inspiration 7i ventilator	eVent Medical	Mỹ	2020	01	Mới 100%
19	Máy truyền dịch	PG-807i	Progetti S.r.l	Ý	2020	06	Mới 100%
20	MONITOR phòng mổ 6 thông số (không có theo dõi ETCO2) + XE ĐÁY ĐỂ AMONITOR	PG M80	Progetti S.r.l	Ý	2020	03	Mới 100%
21	MONITOR theo dõi bệnh nhân 5 thông số	PG -S70	Progetti S.r.l	Ý	2020	01	Mới 100%
22	MONITOR theo dõi bệnh nhân 05 thông số + xe đẩy để MONITOR	PG -S70	Progetti S.r.l	Ý	2020	06	Mới 100%
23	Bảng thị lực, Chân đế bàn+ Giá đỡ	-	Thành Nhân	Việt Nam	2020	02	Mới 100%
24	Bình oxy 10kg + Van giảm áp kèm đồng hồ	Bình oxy, kiểm định: Soviga; Đồng hồ Model: YR88-15FL-540HT-SET	Morris Precsion	Trung quốc+Việt Nam+ Đài Loan	2020	25	Mới 100%
25	Bộ đo nhãn áp	Schiotz C; Code: 5114	Rudolf Riester GmbH	Đức	2020	01	Mới 100%
26	Bộ kính thử thị lực kèm theo gọng (cận+viễn)	K350A+ K0391	INAMI	Nhật	2020	01	Mới 100%
27	Bộ kit xét nghiệm nhanh nước tiểu tại hiện trường	HI 3817	HANNA	Romania	2020	01	Mới 100%
28	Bộ soi bóng đồng tử bộ đo khúc xạ (Skiascope set)	Ri-scope Code: 3782	Rudolf Riester GmbH	Đức	2020	01	Mới 100%
29	Cân kỹ thuật 0,1 gram (max 6200g)	SPX 6201	Ohaus	Trung Quốc	2020	01	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
30	Cân sức khỏe người lớn, trẻ em + thước đo	TZ 120	Shanghai Guangzheng	Trung quốc	2020	02	Mới 100%
31	Đèn gù (làm tiểu phẫu)		Thành Nhân	Việt Nam	2020	01	Mới 100%
32	Đèn soi đáy mắt	ri-scope L Code: 3723	Rudolf Ries GmbH	Đức	2020	01	Mới 100%
33	Huyết áp kế người lớn, trẻ em+ Ống nghe	FC-100V + FC -200	Focal Nhật	Nhật	2020	05	Mới 100%
34	Kính hiển vi 02 mắt	CXL S/N: 191291618, 191291619	Labotron Instruments Pvt.Ltd./N.K.Jain Instruments Pvt.Ltd	Ấn Độ	2020	02	Mới 100%
35	Kính lúp 2 mắt	DA-5	Donegan	Mỹ	2020	01	Mới 100%
36	Máy đo điện giải Na+, K+, Cl- điện cực chọn lọc Ion	Erba Lyte Ca Plus	Erba Lachema	Trung Quốc	2020	01	Mới 100%
37	Máy đo độ ẩm (Hygromete)	HI 9564	:	Romania	2020	01	Mới 100%
38	Máy đo độ bão hòa ô xy loại để bàn	CLEO	INFINIUM	MỸ	2020	05	Mới 100%
39	Máy đo nhiệt độ môi trường	HI 98509	HANNA	Romania	2020	01	Mới 100%
40	Máy phân tích nước tiểu tự động 10 thông số	CLINITEK – STATUS+	SIEMENS	Anh	2020	01	Mới 100%
41	Máy phun hóa chất	SR-420	STIHL-Đức	Brazil	2020	05	Mới 100%
42	Nhiệt kế	-	Jiangsu Yuyue	Trung Quốc	2020	04	Mới 100%
43	Pipette + giá để 10-100µl, 20- 200µl, 100-1000 µl	-	SARTORIUS	Đức	2020	01	Mới 100%
44	Trang bị phòng hộ chống dịch	-	Thời Thanh Bình	Việt Nam	2020	40	Mới 100%
45	Tủ lạnh 250 lít	AQR-T329MA	AQUA	Thái Lan	2020	02	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
46	Bộ test kiểm tra nhanh về an toàn vệ sinh thực phẩm (độc chất, lý hóa, vi sinh)	-	Viện Khoa học và công nghệ thuộc bộ Công An	Việt Nam	2020	01	Mới 100%
47	Máy cất nước 2 lần 2 lít/giờ + Bộ tiền lọc	WSC/4D S/N: 4360A	HAMILTON	Anh	2020	01	Mới 100%
48	Máy điện từ trường điều trị	MAGNETOMED 7200	EME-Srl	Ý	2020	01	Mới 100%
49	Máy điều trị xung điện	Therapic 9200	EME-Srl	Ý	2020	01	Mới 100%
50	Máy đo bụi	VPC300	EXTECH	Đài Loan	2020	01	Mới 100%
51	Máy đo độ ồn	SDL 600	EXTECH	Đài Loan	2020	01	Mới 100%
52	Máy đo lực bóp tay	Grip-D MS: TTK-5401	TAKEI	Nhật	2020	01	Mới 100%
53	Máy đo tốc độ gió	Testo 480	Testo	Đức	2020	01	Mới 100%
54	Máy giặt, vắt 35kg	W5330N	Electrolux Professional AB	Thụy Điển	2020	02	Mới 100%
55	Máy Laser điều trị 30W	PENTAGON S/N: PT-009	DAEJU MEDITECH ENGINEERING	Hàn Quốc	2020	01	Mới 100%
56	Máy ly tâm đa năng 4000 vòng/phút	ROTOFIX-32A	HETTICH	Đức	2020	01	Mới 100%
57	Máy phát hiện nhanh khí độc	CO240 (CO2 MARTER	EXTECH	Đài Loan	2020	01	Mới 100%
58	Máy sấy đồ vải 34kg	DE-75 Hiệu: IMAGE	Accurate Technologies	Thái Lan	2020	02	Mới 100%
59	Bộ dụng cụ giám sát côn trùng và động vật y học	-	Quang Phách + Zepf Medical Instruments GmbH	Trung quốc+Việt Nam+ Đức	2020	02	Mới 100%
60	Bộ xử lý mẫu thực phẩm (dao,	-	Quang Phách + Zepf	Việt	2020	02	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
	kéo, cối nghiền, khay trộn mẫu bằng inox		Medical Instruments Gmbh	nam+Đức			
61	Búa thử phản xạ	Ms: 02-2808-20	Zepf Medical Instruments Gmbh	Đức	2020	02	Mới 100%
62	Máy phân tích sinh hóa tự động 200 test/giờ	HUMASTAR 200.	Human GmbH - Đức	Ý	2020	01	Mới 100%
63	Máy sóng ngắn điều trị	Intellect Shortwave 100-1602 Hiệu: Chattanooga	DJO France SAS (DJO Global formerly by DJO, LLC)	Mexico	2020	01	Mới 100%
64	Máy phân tích huyết học tự động 20 thông số	XP-100	SYSMEX	Nhật	2020	01	Mới 100%
65	Máy tạo oxy di động 5lít/phút	VisionAire	Caire – Mỹ	Trung Quốc	2020	02	Mới 100%
66	Nồi hấp 77 lít chạy điện	TC-339	Yi Lien Company Ltd/Gemmy Industrial Corp	Đài Loan	2020	02	Mới 100%
67	Tủ âm 37 độ C, 120 lít	EN 120	NUVE	Thổ Nhĩ Kỳ	2020	01	Mới 100%
68	Tủ sấy 250 độ C, 120 lít	FN 120	NUVE	Thổ Nhĩ Kỳ	2020	01	Mới 100%
69	Tủ sấy khô 120 lít	FN 120	NUVE	Thổ Nhĩ Kỳ	2020	01	Mới 100%
70	Bình tích lạnh	T 30	FIOCCHETTI	Ý	2020	50	Mới 100%
71	Hòm lạnh	C41	FIOCCHETTI	Ý	2020	03	Mới 100%
72	Hộp lạnh đựng mẫu bệnh phẩm	C41	FIOCCHETTI	Ý	2020	01	Mới 100%
73	Phích vắc xin	C41	FIOCCHETTI	Ý	2020	07	Mới 100%
74	Tủ bảo quản tử thi	Mortuario 2c	FIOCCHETTI	Ý	2020	01	Mới 100%
75	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	MEDIKA 400 ECT-F TOUCH	FIOCCHETTI	Ý	2020	02	Mới 100%
76	Tủ lạnh trữ máu 128 lít	EMOTECA 140 ECT-F TOUCH	FIOCCHETTI	Ý	2020	01	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
77	Bàn khám bệnh	LFS-BKB	LFS- Việt Nam	Việt Nam	2020	02	Mới 100%
78	Máy phun khí dung	NE - C900	Omron	Trung Quốc	2020	03	Mới 100%
79	Máy điện châm	M8	Trung tâm đào tạo ứng dụng châm cứu VN	Việt Nam	2020	04	Mới 100%
80	Bóng bóp người lớn	S/N: 0142189, 0142188	Galemed-Trung Quốc	Đài Loan	2020	02	Mới 100%
81	Bóp bóng trẻ em	S/N: 0136831	Galemed-Trung Quốc	Đài Loan	2020	01	Mới 100%
82	Bàn tiêu phẫu	LFS-BTP	LFS- Việt Nam	Việt Nam	2020	01	Mới 100%
83	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	LFS-TT04	LFS- Việt Nam	Việt Nam	2020	04	Mới 100%
84	Bộ dụng cụ tiêu phẫu	-	ELCON-Đức	Đức	2020	04	Mới 100%
85	Đèn hồng ngoại	-	TNE-Việt Nam	Việt Nam	2020	02	Mới 100%
86	Bộ Khám mắt-TMH-RHM	ECONOM	Rudolf Riester	Đức	2020	20	Mới 100%
87	Kính hiển vi khám mắt	2ZL	Takagi Seiko	Nhật Bản	2020	01	Mới 100%
88	Lồng áp trẻ sơ sinh	CHS – i1000	JW Bio Science	Hàn Quốc	2020	01	Mới 100%
89	Máy điện tim 3 kênh	FX-8100	Fukuda Denshi	Nhật Bản	2020	06	Mới 100%
90	Máy điện tim 6 kênh+ xe đẩy điện tim	FX-8200	Fukuda Denshi	Nhật Bản	2020	03	Mới 100%
91	Máy đo cường độ ánh sáng	LX-50	Kimo	Pháp	2020	01	Mới 100%
92	Máy khí dung	NE –C900	Omron	Trung Quốc	2020	12	Mới 100%
93	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	CBW -1100	JW Bio Science	Hàn Quốc	2020	01	Mới 100%
94	Xe cứu thương	Ford Transit Custom	RMA Automotive	Thổ Nhĩ Kỳ	2020	01	Mới 100%
95	Bàn Khám bệnh inox	-	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	15	Mới 100%
96	Bộ khám điều trị RHM+ ghế+ lấy cao răng bằng siêu âm	Cheese Easy	Chirana	Slovakia	2020	01	Mới 100%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
97	Bộ khám điều trị TMH + ghế	Bộ khám: IU-3000 Ghế: IC-3000	M.I One	Hàn Quốc	2020	01	Mới 100%
98	Giá (cây) để chai dịch truyền	CT-03	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	15	Mới 100%
99	Giường cấp cứu	GC-02ABS	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	5	Mới 100%
100	Giường điều trị nội trú + nệm	GC-02	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	50	Mới 100%
101	Máy đo chỉ số khúc xạ	2WAJ	Optika	Ý	2020	01	Mới 100%
102	Máy phát điện dự phòng 200KVA	TC200T	WestinPower	Trung Quốc	2020	01	Mới 100%
103	Máy siêu âm màu 3 chiều 2 đầu dò kèm máy in + xe đẩy	F37	Hitachi	Nhật bản	2020	01	Mới 100%
104	Máy X – quang cao tăng $\geq 300\text{mA}$	ANTHEM	Del Medical	Mỹ	2020	01	Mới 100%
105	Monitor sản khoa hai chức năng	MT-610	ToiTu	Nhật Bản	2020	01	Mới 100%
106	Tủ đầu giường Inox	TG-02	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	50	Mới 100%
107	Xe chuyển đồ vải có nắp	XE-02	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	5	Mới 100%
108	Xe đẩy cấp phát thuốc	XD-03	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	6	Mới 100%
109	Xe đẩy dụng cụ	XD-03.1	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	5	Mới 100%
110	Xô đựng đồ nhiễm khuẩn	-	Hoàng Nguyễn	Việt Nam	2020	3	Mới 100%

(Nguồn: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải)

- Nhu cầu về vật dụng y tế cho bệnh nhân và dược phẩm của Trung tâm:

Bảng 4: Tổng hợp nhu cầu vật dụng y tế, dược phẩm

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bông y tế	kg	11
2	Băng keo chỉ thị nhiệt	Cuộn	1
3	Băng keo lụa y tế	Cuộn	125
4	Băng keo lụa y tế (Young Plaster – Silk)	Cuộn	48
5	Băng vải cuộn y tế	Cuộn	706
6	Bơm tiêm 3ml	Cái	100
7	Bơm tiêm sử dụng một lần 5mm/cc	Chiếc	100
8	Bơm tiêm sử dụng một lần Tanaphar 3ml (đầu côn hoặc đầu xoắn)	Cái	2.945
9	Bơm tiêm sử dụng một lần Tanaphar 5ml (đầu côn hoặc đầu xoắn)	Cái	2.963
10	Bộ máy đo huyết áp người lớn	Bộ	5
11	Chỉ Chromic 3/0 – Kim tròn	Tép	50
12	Chỉ Nylon 2/0 – Kim tam giác	Sợi	10
13	Chỉ Nylon 3/0 – Kim tam giác	Sợi	230
14	Chỉ Nylon 4/0 – Kim tam giác	Sợi	170
15	Chỉ Polyglycolic acid 3/10 – Kim tròn	Tép	50
16	Cồn 70 ⁰	Lít	65
17	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ	Lít	10
18	Dây oxy 2 nhánh người lớn	Sợi	100
19	Dây oxy 2 nhánh trẻ em	Sợi	60
20	Dây garo lấy máu	Cái	12
21	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	Sợi	16
22	Dây thở oxy người lớn	Sợi	30
23	Dây truyền dịch 20 giọt	Sợi	1.100
24	Gel siêu âm	Can	3
25	Giấy điện tim 3 cân	Cuộn	50
26	Găng tay y tế chưa tiệt trùng	Đôi	9.708
27	Khẩu trang giấy	Cái	8.423
28	Kim châm cứu số 4	Cây	4.000
29	Kim châm cứu số 5	Cây	500
30	Kim châm cứu số 6	Cây	1.000
31	Kim châm cứu số 8	Cây	1.000
32	Kim chích máu (lancec lấy máu xét nghiệm)	Cây	140
33	Kim luôn tĩnh mạch	Cây	354
34	Kéo cắt chỉ	Cây	10
35	Lưỡi dao mổ số 11	Cái	220
36	Mask khí dung người lớn	Cái	20
37	Mask khí dung trẻ em	Cái	10
38	Que thử đường huyết	Cái	140
39	Vải mùng khô 0,8m	Mét	500

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng
40	Đầu côn vàng	Cái	1.000
41	Đầu côn xanh	Cái	3.000
42	Ống nghe, tai nghe y tế 2 dây	Cái	3
43	Ống nghiệm nắp trắng	Ống	2.500
44	Ống nghiệm nắp xanh có chất chống đông EDTA	Ống	1.000
45	Ống nghiệm nắp đỏ SERUM Plast (Có hạt)	Ống	2.500

(Nguồn: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải)

- Nhu cầu về điện:

+ Điện năng tiêu thụ được tính toán trên cơ sở công suất của tất cả các máy móc, thiết bị và thời gian hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải. Nguồn điện được sử dụng tại Trung tâm chủ yếu là điện dùng để chiếu sáng, cung cấp cho các máy móc, thiết bị phục vụ cho quá trình hoạt động. Nhu cầu tiêu thụ điện bình quân vào khoảng 14.000 Kwh/tháng và nguồn điện được sử dụng từ mạng lưới điện Quốc gia.

+ Để cung cấp nguồn điện liên tục cho hoạt động sản xuất, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã đầu tư 01 máy phát điện 200 kVA dự phòng. Nhiên liệu sử dụng chủ yếu để cung cấp cho hoạt động của máy phát điện dự phòng là dầu DO, lượng sử dụng khoảng 42 lít/giờ, chỉ sử dụng khi có sự cố mất điện từ mạng lưới điện Quốc gia.

- **Nhu cầu về nước:** nguồn nước được sử dụng chủ yếu vào các hoạt động sinh hoạt nhân viên, người điều trị nội trú, khám chữa bệnh cho người bệnh,... Nước được sử dụng cấp từ nước cấp của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn với lưu lượng trung bình khoảng 300 m³/tháng.

- **Nhu cầu sử dụng hóa chất cho công tác xử lý môi trường:** Nhu cầu về hóa chất sử dụng cho hệ thống XLNT là Cloramine B cho công tác khử trùng khoảng 30kg/tháng.

Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Việc đầu tư xây dựng và thành lập Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải (nay là Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải) phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện và đất nhà nước do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành quản lý, không có bồi thường thu hồi đất và phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của ngành.

- Bên cạnh đó, vị trí xây dựng dự án cũng đã được chấp thuận theo công văn số 902/UBND-KTKT ngày 25/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và Công văn số 92/HĐND-VP ngày 25/3/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải).

- Hiện nay, tại khu vực hoạt động của Trung tâm chưa có quy hoạch phân vùng môi trường nên Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường chưa có cơ sở để so sánh, đối chiếu sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường. Tuy nhiên, nước thải phát sinh tại cơ sở được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B (K = 1,2) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là giếng tự thấm. Khi hệ thống thoát nước công cộng dọc Quốc lộ 53 hoàn thiện, Trung tâm sẽ lập công văn thỏa thuận đấu nối và tiến hành đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước công cộng của khu vực. Riêng giếng tự thấm có thể tích 120 m³ (5m x 8m x 3m) đảm bảo tiếp nhận hoàn toàn nước thải sau xử lý của Trung tâm. Do đó, Trung tâm phù hợp với các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước nguồn tiếp nhận, cụ thể: Theo quy định trong Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B (K = 1,2) quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Mô tả các đối tượng tự nhiên, kinh tế xã hội xung quanh cách ranh giới Trung tâm khoảng 2,0 km:

+ Trung tâm y tế huyện Duyên Hải có mặt tiền tiếp giáp Quốc lộ 53 về phía Nam.

+ Về phía Tây, Trung tâm cách trường THPT Long Khánh khoảng 50m, cách trường THCS thị trấn Long Thành khoảng 150m, cách Nhờ thờ Giáo xứ Cái Đôi và chợ thị trấn Long Thành khoảng 700m.

+ Về phía Bắc: Trung tâm cách Kênh Quan Chánh Bó khoảng 1.700m.

- Trong phạm vi bán kính khoảng 2,0 km xung quanh Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải chủ yếu là vùng sản xuất nông nghiệp, bao gồm đất nuôi trồng thủy sản và đất trồng cây lâu năm, một số cơ sở sản xuất kinh doanh với quy mô nhỏ, trong khu vực không có các công trình trọng điểm như: khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử, văn hóa, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí...

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước mặt

Hiện tại do hệ thống thoát nước công cộng dọc Quốc lộ 53 chưa được xây dựng hoàn thiện. Nước mưa và nước thải sau xử lý của Trung tâm theo hệ thống thu gom nước mưa, nước thải chảy vào Giếng tự thấm có thể tích 120 m³ (5m x 8m x 3m) được xây dựng trong khuôn viên Trung tâm.

Khi hệ thống thoát nước công cộng dọc Quốc lộ 53 hoàn thiện. Trung tâm sẽ tiến hành đấu nối từ Giếng tự thấm vào vệ thống thoát nước chung. Khi đó, nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý và nước mặt của Trung tâm sẽ là Kênh Nhà Thờ (kênh nội đồng) đoạn dài 1,5km nối với Kênh Quan Chánh Bó. Do vậy, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải phối hợp với đơn vị tư vấn Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tiến hành đánh giá sức chịu tải của môi trường nước mặt của Kênh Quan Chánh Bó để đảm bảo sự phù hợp của Trung tâm đối với khả năng chịu tải của môi trường. Trình tự, phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Đặc trưng nguồn nước thải và hoạt động xả nước thải:

- Các hoạt động phát sinh nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, bệnh nhân và thân nhân của bệnh nhân thăm nuôi bệnh.

+ Nước thải y tế từ hoạt động khám, điều trị bệnh của các khoa phòng trong Trung tâm.

- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và nước thải y tế phát sinh sau khi xử lý sơ bộ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột B (K = 1,2) trước khi thải vào **giếng tự thấm** (sau này là nguồn tiếp nhận). Trong quá trình lập báo cáo, Trung tâm và đơn vị tư vấn đã tiến hành khảo sát thực tế và thu thập thông tin cho thấy, hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường của Trung tâm đã được đầu tư xây dựng đồng bộ, hạ tầng kỹ thuật thu gom nước thải và nước mưa của Trung tâm đã được xây

dựng hoàn thiện và hoạt động ổn định. Chi tiết các công trình thu gom và xử lý nước mưa, nước thải được trình bày tại **Mục 3.1, Chương 3** của Báo cáo.

- Theo số liệu sử dụng nước cấp hiện tại, lưu lượng nước cấp sử dụng cho tất cả các hoạt động bên trong Trung tâm là khoảng $300\text{m}^3/\text{tháng}$ ($\approx 10\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$).

+ Ước tính 100% lượng nước cấp sau sử dụng đều được thải ra bên ngoài, đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm thì lưu lượng xả nước thải trung bình của Trung tâm là $Q_a = 10\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

+ Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $Q_{\max} = 50\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

b) Đặc trưng nguồn tiếp nhận nước thải:

- **Điều kiện chế độ thủy văn:** Do nằm sát biển nên huyện Duyên Hải chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ triều biển Đông và thông qua sông Nguyễn Văn Phò và kênh Đào Trà Vinh chi phối toàn bộ hệ thống sông rạch trên địa bàn huyện. Đây là hệ thống chính qua trung tâm huyện theo hướng Đông - Tây. Ngoài ra còn có mạng lưới sông, rạch phân phối nguồn nước đến sâu trong nội đồng.

- Sông Rạch Cỏ (Long Vĩnh); sông Vĩnh Lợi, sông Phước Thiện, sông Động Cao (Đông Hải).

- Sông La Bang, kênh 3 tháng 2, kênh Thầy Nại (Đôn Châu); sông Láng Sắc, sông Khoen, sông Bào Sáu (Đôn Xuân).

Các sông rạch này sâu và rộng, có chế độ bán nhật triều Biển Đông (nước lên - xuống 2 lần/ngày), biên độ triều khá cao và có lưu lượng chảy mạnh là điều kiện thuận lợi cung cấp nguồn nước mặt cho sản xuất nông nghiệp.

(Nguồn: Báo cáo thuyết minh tổng hợp điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh)

- Cơ sở lựa chọn và sự phù hợp của nguồn tiếp nhận nước thải

+ Tiếp giáp xung quanh Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải không có tuyến kênh, mương nội đồng nào dùng để tiếp nhận nước thải sau xử lý của Trung tâm. Trung tâm đang sử dụng giếng tự thấm được xây dựng trong khuôn viên làm nơi tiếp nhận nước thải sau xử lý. Hiện tại, UBND thị trấn Long Thành đang xây dựng hệ thống cống thoát nước công cộng đi ngang qua phía trước cổng Trung tâm. Khi hệ thống thoát nước công cộng hoàn thiện, Trung tâm sẽ thỏa thuận với cơ quan quản lý và tiến hành đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước này.

+ Hệ thống thoát thước công cộng sẽ tiếp nhận nước thải sau xử lý của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải, nước thải sinh hoạt của người dân thị trấn Long Thành,... đổ ra Kênh Nhà Thờ (kênh nội đồng) cách Trung tâm khoảng 800m về phía Tây Bắc. Đoạn Kênh Nhà Thờ (kênh nội đồng) dài khoảng 1.500 m, chiều rộng từ 05 - 06 m, mực nước sâu khoảng 1,5 - 02 m. Không chọn Kênh nhà Thờ (kênh nội đồng) này làm nguồn tiếp nhận vì độ dài chỉ khoảng 1.500m và chức năng chính của kênh là tiêu thoát nước ra Kênh Quan Chánh Bó.

+ Nước từ Kênh Nhà Thờ (kênh nội đồng) chảy ra Kênh Quan Chánh Bó, kênh này là một nhánh của sông Hậu nên mỗi ngày phụ thuộc vào thủy triều của sông Hậu. Kênh Quan Chánh Bó có chiều rộng trung bình 200 m, độ sâu mực nước trung bình từ 4 - 5 m, đoạn từ Ngã ba Kênh Quan Chánh Bó – Kênh Tắt đến Ngã ba sông Hậu – kênh Quan Chánh Bó có chiều dài 20km. Cơ sở lựa chọn Kênh Quan Chánh Bó làm nguồn tiếp nhận nước thải vì có vị trí gần điểm xả nước thải nhất, nguồn nước thải này được sử dụng cho mục đích tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và không có hoạt động khai thác nước mặt dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ Theo Báo cáo tổng hợp dự án “Nghiên cứu đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và xả thải vào các nguồn tiếp nhận chính – Phân vùng khí thải tại một số điểm nóng trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” thì sông Hậu (đoạn đi qua tỉnh Trà Vinh) có bề mặt rộng trung bình 2,5 – 3 km, độ sâu thấp nhất là 7m, lưu lượng bình quân thấp nhất là 20.000 m³/s. Kênh Quan Chánh Bó là một nhánh nhỏ của sông Hậu, chiều rộng chỉ bằng khoảng 2/25 lần và chiều sâu bằng khoảng 4/7 lần so với sông Hậu, do vậy ước tính chọn lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của Kênh Quan Chánh Bó là 1.000 m³/s. Lưu lượng xả thải lớn nhất của hệ thống xử lý nước thải tập trung là 50 m³/ngày đêm, tương đương 0,00058 m³/s, rất nhỏ so với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh Quan Chánh Bó. Bên cạnh đó, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý đạt giá trị giới hạn cho phép quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (Cột B, K = 1,2). Do đó, việc xả thải của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải là kênh Quan Chánh Bó không ảnh hưởng lớn đến lưu lượng, chất lượng cũng như mục đích sử dụng nguồn nước tiếp nhận.

- Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước cụ thể như sau:

+ Xác định mục đích sử dụng nước của nguồn tiếp nhận: Tại thời điểm lập báo cáo, nước mặt kênh Quan Chánh Bó dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, sản xuất nông nghiệp và không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. Chất lượng nước kênh Quan Chánh Bó tương đối tốt, không có màu sắc lạ, không có

mùi hôi thối, các thủy sinh vật phát triển bình thường và không có hiện tượng bất thường nào, nhiều loài cá phát triển mạnh trên đoạn kênh này.

+ Xác định thông số đánh giá: Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải được lựa chọn đúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, QCVN 28:2010/BTNMT và các quy định hiện hành. Các thông số được lựa chọn cụ thể như sau: COD, BOD₅, NH₄⁺-N, Tổng N, Tổng P.

+ Xác định phương pháp đánh giá: Đoạn sông cần đánh giá dài khoảng 2km, là đoạn bắt đầu từ vị trí tiếp giáp giữa Kênh Nhà Thờ (kênh nội đồng) và Kênh Quan Chánh Bó kéo dài đến vị trí tiếp giáp giữa Sông Long Toàn và Kênh Quan Chánh Bó. Qua điều tra khảo sát không có các nguồn thải trực tiếp vào đoạn kênh nên theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, phương pháp đánh giá được lựa chọn là phương pháp đánh giá trực tiếp. Đây là phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận.

✚ Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là Kênh Quan Chánh Bó bằng phương pháp đánh giá trực tiếp cụ thể được trình bày qua các bước như sau:

(1) Công thức đánh giá: $L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$

Trong đó:

L_{tn} : khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải đối với từng thông số ô nhiễm, đơn vị tính là kg/ngày;

L_{td} : tải lượng tối đa của từng thông số chất lượng nước mặt đối với đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

L_{nn} : tải lượng của từng thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước của đoạn sông và được xác định theo quy định tại Điều 11 Thông tư này, đơn vị tính là kg/ngày;

F_s : hệ số an toàn, được xem xét, lựa chọn trong khoảng từ 0,7 đến 0,9 trên cơ sở mức độ đầy đủ, tin cậy, chính xác của các thông tin, số liệu sử dụng để đánh giá do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định tại khoản 2 Điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

(2) Xác định tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

Công thức xác định: $L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$;

C_{qc} : Giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông, đơn vị tính là mg/L. Áp dụng, QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B₁.

+ Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s. Ước tính chọn $Q_s = 1.000$ m³/s tương ứng với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của Kênh Quan Chánh Bó.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

Bảng 5: Tải lượng tối đa của thông số chất lượng nước mặt (L_{td})

STT	Thông số	C_{qc} mg/l	Q_s m ³ /s	Hệ số thứ nguyên	L_{td} (kg/ngày)
1	COD	30	1.000	86,4	2.592.000
2	BOD ₅	15	1.000	86,4	1.296.000
3	NH ₄ ⁺ -N	0,9	1.000	86,4	77.760
4	Tổng N	10 ^(*)	1.000	86,4	864.000
5	Tổng P	0,3 ^(*)	1.000	86,4	25.920

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

Ghi chú: ^(*) - Giá trị giới hạn của thông số Tổng N lấy theo Nitrat; Giá trị giới hạn của thông số Tổng P lấy theo Phosphat.

(3) Xác định tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{mn})

- Công thức xác định: $L_{mn} = C_{mn} \times Q_s \times 86,4$; Trong đó:

+ C_{mn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/L;

+ Q_s : Lưu lượng dòng chảy của đoạn sông đánh giá, đơn vị tính là m³/s. Chọn $Q_s = 1.000$ m³/s tương ứng với lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất của kênh Quan Chánh Bó.

+ Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/L, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày).

- Nhằm có cơ sở tính toán tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước Kênh Quan Chánh Bó, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải
phối hợp với Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường (đơn vị tư vấn) tiến
hành lấy và thử nghiệm 04 mẫu nước:

+ 01 mẫu nước mặt tại vị trí tiếp giáp giữa kênh nội đồng và Kênh Quan
Chánh Bó (M_1)

+ 03 mẫu nước mặt Kênh Quan Chánh Bó cách vị trí M_1 khoảng 2km về
phía hạ nguồn (M_2).

+ Thời gian và điều kiện lấy mẫu cụ thể như sau:

Bảng 6: Điều kiện lấy mẫu

TT	Ký hiệu mẫu	Ngày lấy mẫu	Giờ lấy mẫu	Đặc điểm thời tiết	Điều kiện lấy mẫu	Tên người lấy mẫu
1	M_1	27/5/2022	10h40	Trời mát, nước lớn,	Trung tâm đang hoạt động bình thường	Lê Nhật Bình
2	M_2	27/5/2022	10h55	Trời mát, nước lớn,		
3		30/5/2022	10h15	Trời mát, nước lớn, gió nhẹ		
4		02/6/2022	09h10	Trời nắng, nước ròng		

(Nguồn: Biên bản lấy mẫu số 055/22/TTKT của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên
và môi trường)

+ Kết quả thử nghiệm 04 mẫu nước mặt như sau:

Bảng 7: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Kết quả trung bình
			M_1	M_2 (Lần 1)	M_2 (Lần 2)	M_2 (Lần 3)	
1	COD	mg/L	35	28	21	32	29
2	BOD ₅	mg/L	2,2	2,4	1,4	KPH (LOD=1,3)	1,8
3	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	0,06	0,07	0,04	KPH (LOD=0,03)	0,05
4	Tổng N	mg/L	KPH (LOD=1,7)	KPH (LOD=1,7)	KPH (LOD=1,7)	KPH (LOD=1,7)	1,7
5	Tổng P	mg/L	KPH (LOD=0,06)	KPH (LOD=0,06)	KPH (LOD=0,06)	KPH (LOD=0,06)	0,06

(Nguồn: Các phiếu KQTN số 22348/KQTN-TTKT, 22349/KQTN-TTKT và
22350/KQTN-TTKT ngày 16/6/2022 của Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi
trường)

- Như vậy, giá trị của C_{nn} được tính trên cơ sở giá trị trung bình của kết quả phân tích 04 mẫu nước mặt (01 mẫu đầu đoạn kênh và 03 mẫu cuối đoạn kênh được chọn để đánh giá). Vậy tải lượng của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước cụ thể như sau:

Bảng 8: Bảng tính tải lượng trung bình của thông số chất lượng nước hiện có trong nguồn nước (L_{nn})

STT	Thông số	C_{nn} mg/L	Q_s m^3/s	Hệ số thứ nguyên	L_{nn} (kg/ngày)
1	COD	29	1.000	86,4	2.505.600
2	BOD ₅	1,8	1.000	86,4	155.520
3	NH ₄ ⁺ -N	0,05	1.000	86,4	4.320
4	Tổng N	1,7	1.000	86,4	146.880
5	Tổng P	0,06	1.000	86,4	5.184

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

- Từ đó, khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải là Kênh Quan Chánh Bó được thể hiện trong bảng sau:

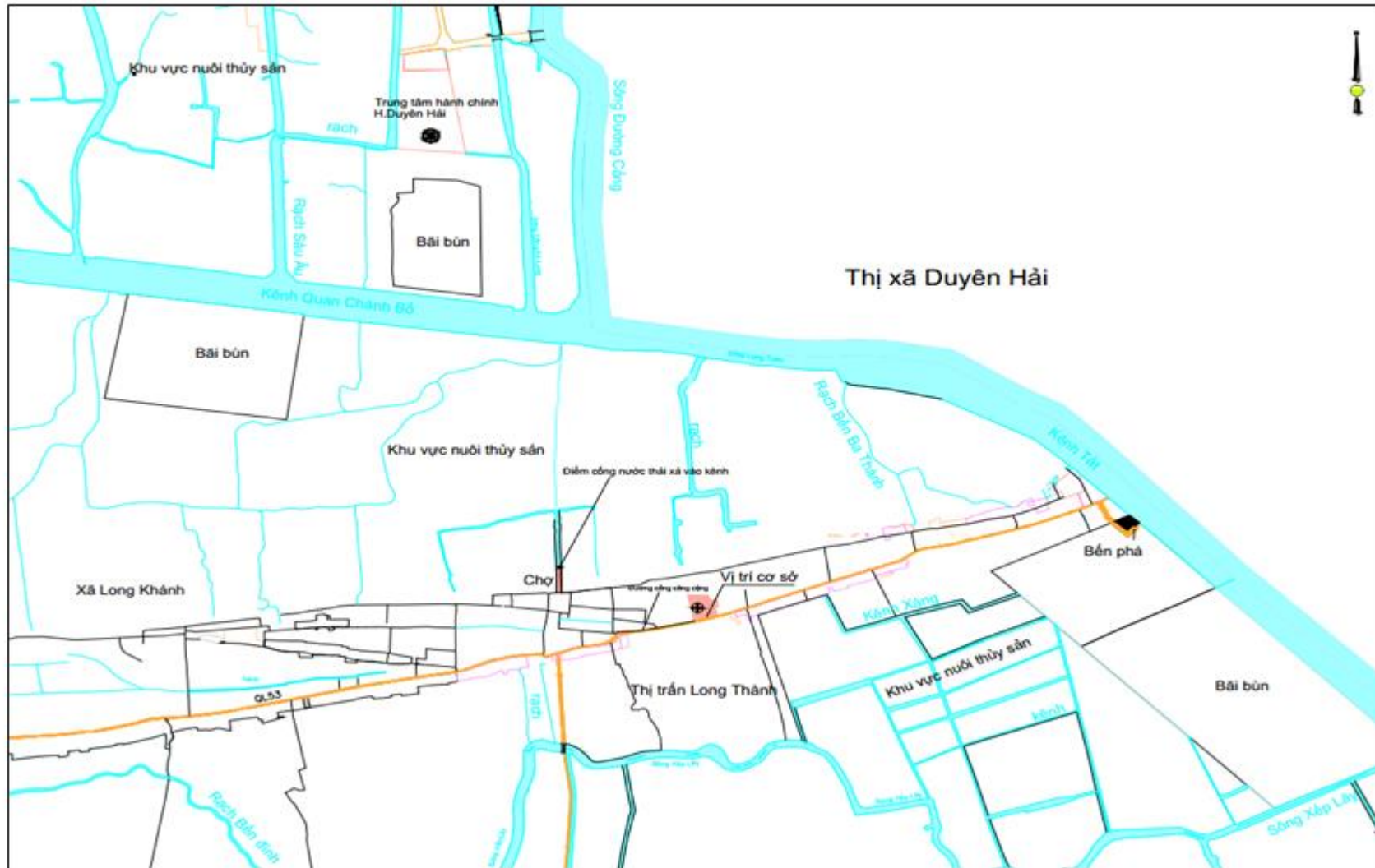
Bảng 9: Khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của Kênh Quan Chánh Bó

TT	Thông số	L_{td}	L_{nn}	F_s	$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$
1	COD	2.592.000	2.505.600	0,7	60.480
2	BOD ₅	1.296.000	155.520	0,7	798.336
3	NH ₄ ⁺ -N	77.760	4.320	0,7	51.408
4	Tổng N	864.000	146.880	0,7	501.984
5	Tổng P	25.920	5.184	0,7	14.515

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

Nhận xét: Căn cứ vào bảng trên, cho thấy tất cả các thông số ô nhiễm đặc trưng đều có giá trị $L_{tn} > 0$, từ đó có thể kết luận nguồn nước mặt Quan Chánh Bó có khả năng tiếp nhận 05 thông số đặc trưng được đánh giá của nước thải.

Sơ đồ vị trí xả nước thải vào nguồn nước (dự kiến)
Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải



Hình 4: Sơ đồ vị trí xả nước thải vào nguồn nước

Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải bao gồm các tuyến sau:

- Tuyến thoát nước mưa xây dựng xung quanh các khối nhà xây dựng bên trong Trung tâm:

+ Cống bê tông cốt thép: đường kính 500mm dài 330m.

+ Cống bê tông cốt thép: đường kính 800m dài 1285m.

+ Rãnh hở rộng 300mm, sâu 0,5 – 0,7m dài 178m.



Hình 5: Tuyến thoát nước mưa cạnh khối nhà hành chính – khoa dinh dưỡng

- Các cống, rãnh thoát nước này đều nối vào giếng tự thấm được xây dựng bên trong Trung tâm. Giếng tự thấm có kích thước 5m x 8m x 3m, được xây dựng kiên cố bằng bê tông cốt thép đảm bảo khả năng chứa mưa nước mưa chảy tràn bên trong Trung tâm. Khi hệ thống thoát nước chung dọc theo Quốc lộ 53 được hoàn thiện, Trung tâm sẽ tiến hành đấu nối từ giếng tự thấm vào hệ thống thoát nước chung để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.



Hình 6: Hố ga thoát nước mưa trước khi chảy vào giếng tự thấm

- Bên cạnh đó, trên các tuyến thoát nước mưa và hệ thống cống Trung tâm đã xây dựng 47 hố ga nhằm giữ lại các chất rắn lơ lửng do nước mưa cuốn trôi gồm:

+ 10 hố ga kích thước 1.600mm x 1.600mm x sâu 2.070 – 2.310mm.

+ 27 hố ga kích thước 1.400mm x 1.400mm x sâu 1.500 – 1.790mm.

+ 10 hố ga kích thước 1.000mm x 1.000mm x sâu 850 – 950mm.

Với hệ thống thu gom nước mưa hiện có đảm bảo thu gom và tiêu thoát toàn bộ lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải.

(Bản vẽ mặt bằng hệ thống thu gom thoát nước mưa đính kèm ở phần phụ lục 1.4 của Báo cáo).

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- **Công trình thu gom nước thải:** Hệ thống thu gom nước thải bao gồm hệ thống các ống uPVC, các tuyến ống dẫn nước thải này đều được lắp đặt nằm bên dưới mặt đất. Nước thải từ các nhà vệ sinh tại phòng ban sẽ được xử lý sơ

bộ bằng hầm tự hoại, sau đó được thu gom bằng ống PVC đường kính 400 dày 19,1mm và ống PVC đường kính 250 dày 11,9mm. Tổng chiều dài hệ thống thu gom là 523m. Tại mỗi vị trí đầu nổi đều có bố trí 01 hố ga, có tổng cộng 58 hố ga thoát nước bản kích thước 800mm x 800mm x sâu 1.200 – 2.000mm. Nước thải chảy theo hệ thống thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung.



Hình 7: Vị trí hố ga đầu ra của HTXLNT tập trung

- **Công trình thoát nước thải:** Đường ống thoát nước thải sau xử lý (sau bể khử trùng) đến giếng tự thấm là hệ thống ống cống bê tông cốt thép hình tròn có đường kính 300; dày 50 mm; tổng chiều dài 132,5m. Sau đó nước thải thoát vào giếng tự thấm có kích thước 8m x 5m x 3m.



Hình 8: Khu vực giếng tự thấm nước thải sau xử lý của Trung tâm

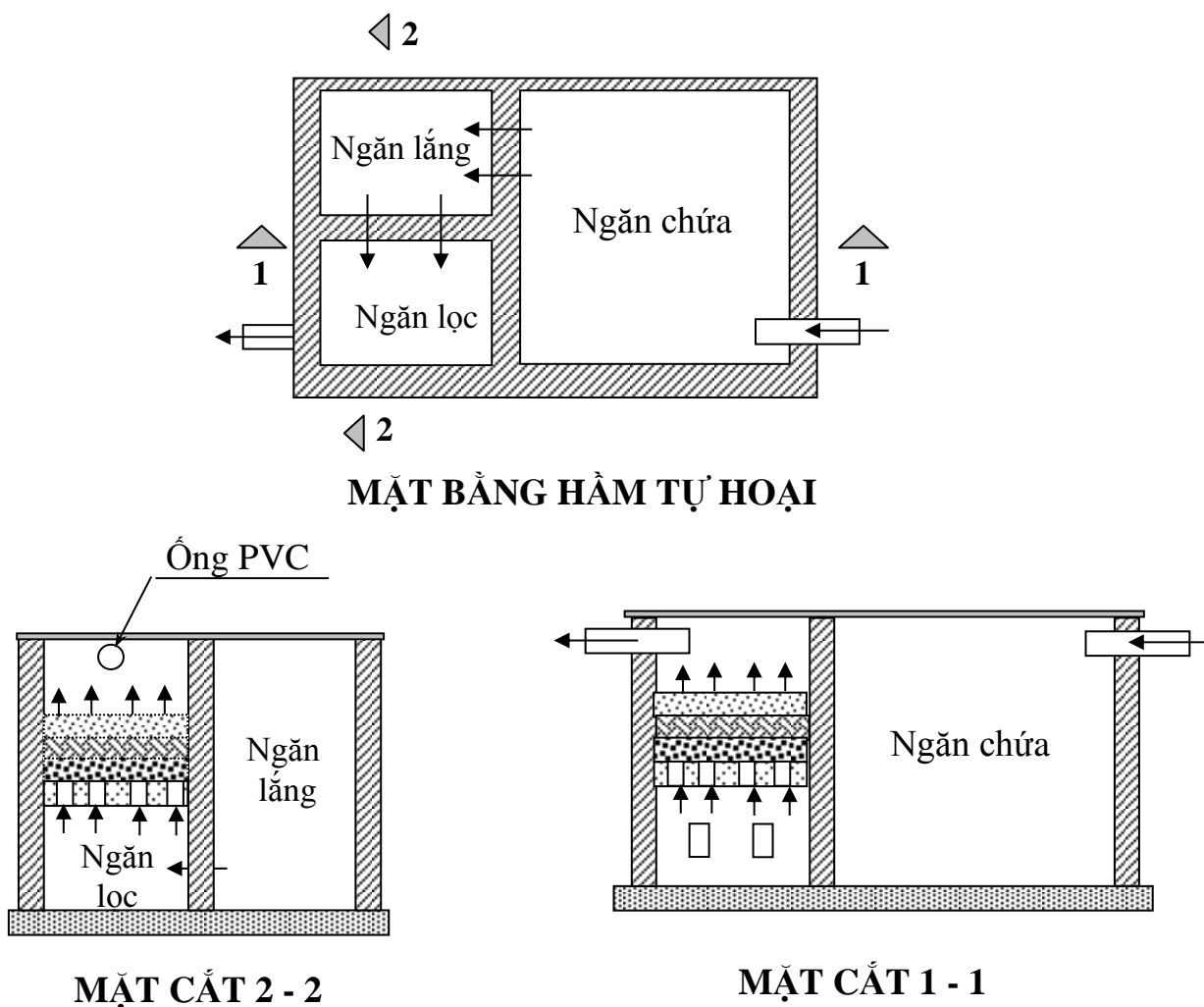
- **Điểm xả nước thải sau xử lý:** Do hiện tại hệ thống thoát nước chung dọc theo Quốc lộ 53 đang được xây dựng và chưa hoàn thành nên điểm xả nước thải sau xử lý hiện tại của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải là giếng tự thấm được xây dựng bằng bê tông cốt thép, có kích thước 8m x 5m x 3m bên trong Trung tâm. Sau khi hệ thống thoát nước chung dọc Quốc lộ 53 hoàn thiện, Trung tâm sẽ tiến hành đấu nối hệ thống nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

(Bản vẽ mặt bằng tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải đính kèm Phụ lục 1.4 của Báo cáo).

3.1.3. Xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt, nước thải từ các phòng y tế được thu gom và xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại ba ngăn, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 50 m³/ngày đêm, tại đây nước thải được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

a) Hầm tự hoại 03 ngăn:

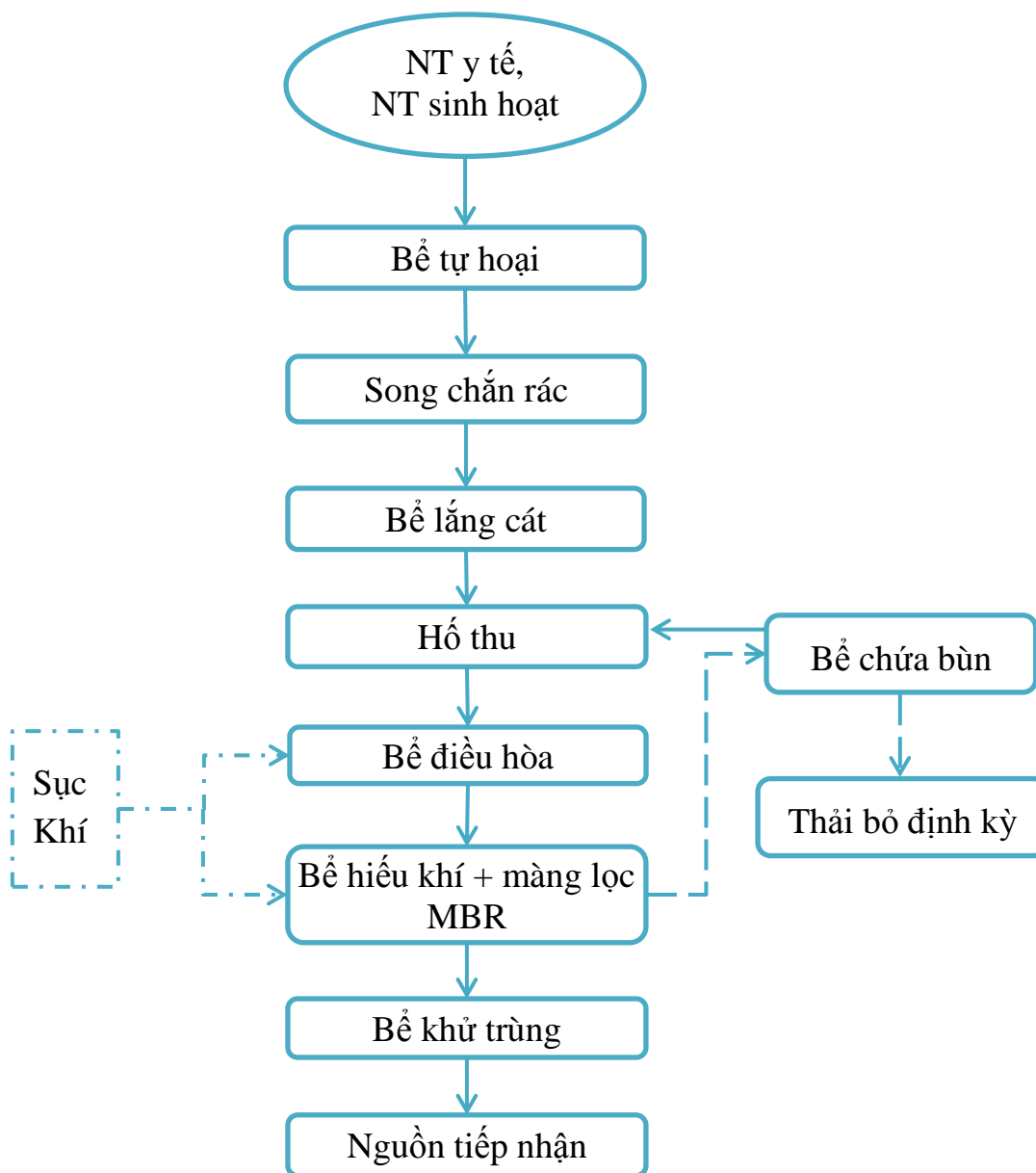


Hình 9: Sơ đồ cấu tạo hầm tự hoại 03 ngăn

- Hiện tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã bố trí các khu nhà vệ sinh tại các khối nhà của Trung tâm. Toàn bộ nước thải của tất cả nhà vệ sinh, phòng y tế đều được xử lý bằng hầm tự hoại. Vai trò của hầm tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong ngăn lắng và chứa cặn. Hiệu suất xử lý của hầm tự hoại làm giảm khoảng 60 % - 80 % hàm lượng BOD so với đầu vào. Nước thải sau khi xử lý bằng hầm tự hoại được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

b) Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Để xử lý lượng nước thải sau khi qua hầm tự hoại, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế 50 m³/ngày đêm (Bản vẽ đính kèm ở phần phụ lục 1.4) với quy trình công nghệ hoạt động được mô tả như sau:



Hình 10: Sơ đồ quy trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thuyết minh quy trình:

- Nước thải từ các phòng y tế và các phòng vệ sinh sẽ chảy xuống bể tự hoại 3 ngăn. Sau đó, nước sau bể tự hoại sẽ được thu gom bằng hệ thống đường ống, trong quá trình chảy về hệ thống xử lý, cát trong đường ống sẽ bị nước cuốn đi, sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống xử lý. Nước thải sẽ được chặn các cặn lơ lửng bằng song chắn rác và xử lý cát bằng bể lắng cát trước khi chảy vào hố thu.

- Tại hố thu, nước thải được bơm lên bể điều hòa bằng bơm chìm, bơm tại hố thu có chế độ hoạt động theo phao mực nước.

- Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải. Tại bể này có lắp đặt hệ thống phân phối khí để tránh khả năng xảy ra tình trạng kị khí phát sinh ra mùi hôi thối, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và công nhân vận hành hệ thống. Sau một thời gian lưu trong bể điều hòa, nước thải được bơm chìm chuyển qua bể hiếu khí MBR.

- Trong bể hiếu khí MBR có lắp đặt các modul màng siêu lọc MBR. Bể hiếu khí + màng lọc MBR được thiết kế theo công nghệ bùn hoạt tính sinh trưởng lơ lửng kết hợp công nghệ lọc màng nhằm tách hai pha rắn lỏng ở đầu ra. Vì thế nồng độ bùn duy trì được rất cao, thời gian lưu bùn kéo dài để đạt hiệu quả tối ưu trong việc khử nitơ và ammonia. Nhằm đảm bảo lượng oxy hòa tan trong nước thải > 2mg/L, tại đáy bể có lắp đặt hệ thống phân phối khí. Màng MBR có cấu tạo từ PDFV, có kích thước mao màng cực nhỏ 0,01 – 0,02 μm nên dễ dàng tách giữa pha rắn và lỏng, do vậy các chất lơ lửng được giữ lại trong bể MBR, chỉ có nước được đi qua màng lọc.

- Nước thải trong bể MBR được thẩm thấu qua màng nhờ máy bơm, sau đó được khử trùng bằng Clorine trước khi theo hệ thống thoát nước thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2).

- Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý hiện tại của Trung tâm là giếng tự thấm (5m x 8m x 3m). Đến khi hệ thống thoát nước chung dọc Quốc lộ 53 hoàn thiện thì Trung tâm sẽ tiến hành đầu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống cống thoát chung, khi đó nguồn tiếp nhận sẽ là hệ thống cống thoát chung dọc Quốc lộ 53 chảy ra kênh Quan Chánh Bó.

- Bể chứa bùn là nơi chứa bùn được bơm từ các bể xử lý trước. Hiện tại vẫn chưa phát sinh bùn thải tại HTXLNT tập trung của Trung tâm.

Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng tiến hành thử nghiệm đối với loại bùn thải này, so sánh với QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại và QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

thuật Quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, nếu là chất thải nguy hại, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để xử lý, nếu là chất thải thông thường sẽ được xử lý như chất thải rắn sinh hoạt thông thường, phần nước từ bể chứa bùn được tuần hoàn lại hồ thu để tiếp tục xử lý.



Hình 11: Vị trí lắp đặt hệ thống XLNT tập trung



Hình 12: Khu vực bể lắng cát, bể thu gom và bể chứa bùn

- Khối lượng hệ thống xử lý nước thải:

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung được xây dựng bằng bê tông cốt thép, thành các bể xử lý có bề dày từ 200mm, nền đất được gia cố đảm bảo an toàn chống sụp, lún. Đa số các hạng mục của hệ thống được thiết kế thành một khối thống nhất, tiết kiệm được diện tích và an toàn trong vận hành.

Bảng 10: Kết cấu các hạng mục xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Hạng mục	Thông số	Kết cấu
1	Bể lắng cát, nơi đặt song chắn rác	- Chiều dài ngăn: L = 1,2 m - Chiều rộng ngăn: B = 1,2 m - Chiều cao ngăn: H = 1,8 m - Thể tích chứa nước: $V_n = L \times B \times H = 2,592 \text{ m}^3$	Bê tông cốt thép
2	Bể thu gom	- Chiều dài bể: L = 2,4 m - Chiều rộng bể: B = 1,2 m - Chiều cao bể: H = 3,3 m - Thể tích chứa nước: $V_n = L \times B \times H = 9,504 \text{ m}^3$	Bê tông cốt thép
3	Bể điều hòa	- Chiều dài bể: L = 5,2 m - Chiều rộng bể: B = 2,3 m - Chiều cao bể: H = 3,0 m - Thể tích chứa nước: $V_n = L \times B \times H = 35,88 \text{ m}^3$	Bê tông cốt thép
4	Bể sinh học MBR	- Chiều dài bể: L = 4,0 m - Chiều rộng bể: B = 3,5 m - Chiều cao bể: H = 3,0 m - Thể tích chứa nước: $V_n = L \times B \times H_n = 42,0 \text{ m}^3$	Bê tông cốt thép
5	Bể khử trùng	- Chiều dài bể: L = 3,5 m - Chiều rộng bể: B = 1,0 m - Chiều cao bể: H = 3,0 m - Thể tích chứa nước: $V_n = L \times B \times H_n = 10,5 \text{ m}^3$	Bê tông cốt thép
6	Bể chứa bùn	- Chiều dài bể: L = 1,2 m - Chiều rộng bể: B = 1,2 m - Chiều cao bể: H = 3,0 m - Thể tích: $V_n = L \times B \times H = 4,32 \text{ m}^3$	Bê tông cốt thép

(Nguồn: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải)

+ Các thiết bị phụ trợ công trình xử lý nước thải tập trung:

Bảng 11: Máy móc, thiết bị phục vụ hệ thống XLNT tập trung

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ
1	Song chắn rác	- Vật liệu: inox 304 - Kích thước khe hở: 0,2 – 0,5 mm	01 bộ	Việt Nam
2	Bơm hồ thu (bơm chìm)	- Công suất: 0,75 kW (1HP) - Điện áp: 380V/50Hz - Cột áp max: 13,7m - Lưu lượng max: 13,7 m ³ /phút	02 bộ	Italy

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ
3	Bơm nước thải (bơm chìm)	- Công suất: 0,15 kW (0,2HP) - Điện áp: 380V/50Hz - Cột áp max: 5,9 m - Lưu lượng max: 0,2 m ³ /phút.	04 bộ	Italy
4	Bơm trục ngang	- Công suất: 0,37 kW (0,5HP) - Điện áp: 380V/50Hz - Cột áp: 12 – 20,5m - Lưu lượng max: 1,2 – 5,4 m ³ /giờ	02 bộ	Italy
5	Bơm trục ngang	- Công suất: 1,5 kW (2HP) - Điện áp: 380V/50Hz - Cột áp: 8 – 29,5m - Lưu lượng max: 6 – 30 m ³ /giờ	01 bộ	Italy
6	Máy thổi khí	- Công suất: 4,1 kW (5,5HP) - Điện áp: 380V/3pha/50Hz - Cột áp: 3,0m - Lưu lượng max: 2,74 m ³ /phút	02 bộ	Đài Loan
7	Bơm định lượng hóa chất	- Công suất: 250W - Điện áp: 380V - Lưu lượng: 30 lít/giờ - Vật liệu: Đầu bơm PP, màng bơm Polypropylene	02 bộ	Italy
8	Bồn hóa chất	- Vật liệu: PE - Dung tích: 500lít	02 Cái	Việt Nam
9	Màng MBR	- Kích thước màng: 1.015 x 600 x 30 mm - Nặng: 5 kg - Diện tích màng: 6m ² . - Kích thước lỗ màng: 0,03 µm - Vật liệu: PDFV	02 bộ	Nhật Bản
10	Đĩa thổi khí thô	Kích thước đường kính: 4 inches (105 mm) Lưu lượng lớn nhất: 0 – 12 m ³ /giờ Vật liệu: PVDF	12 Cái	Đức
11	Đĩa thổi khí tinh	- Kích thước: 265mm - Lưu lượng: 8 – 10 m ³ /giờ - Diện tích bề mặt hoạt động: 0,055 m ² - Đầu nối: ren 27mm - Vật liệu màng: Flexion - Vật liệu khung: PP + GF	20 cái	Đức
12	Hệ thống tủ điều khiển trung tâm,	-	01 hệ thống	Việt Nam
13	Hệ thống dây cable động lực cấp nguồn cho thiết bị	-	01 hệ thống	Việt Nam

STT	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ
14	Hệ thống đường ống công nghệ và phụ kiện lắp đặt HTXLNT	-	01 hệ thống	Việt Nam

(Nguồn: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải)

- Hiệu quả xử lý của hệ thống XLNT tập trung (trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận):

+ Nước thải sinh hoạt: Đặc điểm cơ bản của nước thải sinh hoạt là có hàm lượng các chất hữu cơ cao, cặn lơ lửng và hòa tan, các chất dễ bị phân hủy sinh học (như cacbohydrat, protein, mỡ), các chất dinh dưỡng (phosphat, nitơ), vi sinh vật.... toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt này sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại 03 ngăn trước khi đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Nước thải y tế phát sinh tại các khâu như: súc rửa các dụng cụ y khoa, dụng cụ xét nghiệm, hóa chất thải bỏ sau xét nghiệm, nước vệ sinh lau chùi làm sạch các phòng bệnh và phòng làm việc ... Tùy theo từng khâu và quá trình cụ thể mà tính chất nước thải và mức độ ô nhiễm khác nhau. Nước thải y tế chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh, các chất hữu cơ, chất dịch và máu từ bệnh nhân. Nếu không được xử lý tốt trước khi thải ra môi trường sẽ làm ô nhiễm môi trường nguồn nước tiếp nhận.

Theo kết quả thử nghiệm vận hành của Hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 50m³/ngày đêm), nồng độ trung bình của các thông số trong nước thải phát sinh trước và sau khi xử lý có giá trị như sau:

Bảng 12: Chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý bằng HTXLNT tập trung

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
			Trước xử lý	Sau xử lý	
1	pH	-	6,36	6,61	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/L	112	26	120
3	BOD ₅	mg/L	80	22,4	60
4	COD	mg/L	217	46,9	120
5	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	33,5	2,65	60
6	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	5,74	0,15	12
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	17,9	3,97	12

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
			Trước xử lý	Sau xử lý	
8	H ₂ S	mg/L	1,28	0,08	4,8
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	KPH	KPH	24
10	Tổng Coliforms	MPN/100mL	1,4.10⁴	1.728	5.000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	KPH	KPH	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100mL	KPH	KPH	KPH
13	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100mL	KPH	KPH	KPH

(Nguồn: Báo cáo số 311/BC-TTYT ngày 27/4/2022 của Trung tâm y tế huyện Duyên Hải)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.
- Giá trị tối đa cho phép áp dụng theo công thức $C_{max} = C \times K$ của QCVN 28:2010/BTNMT. Trong đó:
 - + C_{max} : Là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải vào nguồn tiếp nhận.
 - + C: Là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm (cột B).
 - + K: Là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở y tế (Bệnh viện có quy mô < 300 giường, chọn K = 1,2). Không áp dụng hệ số K đối với thông số pH và tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae.

Nhận xét:

- Chất lượng nước thải trước hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải cho thấy: 08/13 thông số thử nghiệm có giá trị đạt giới hạn cho phép so với QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2). Bên cạnh đó còn có các thông số vượt nhẹ so với giới hạn như sau: BOD₅ vượt 1,33 lần, COD vượt 1,81 lần, NH₄⁺-N vượt 1,49 lần và tổng Coliform vượt 2,80 lần. Riêng pH thấp hơn giới hạn cho phép so với quy chuẩn.

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép với QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2). Điều này cho thấy hệ thống XLNT tập trung của Trung tâm hoạt động khá ổn định và hiệu quả.

Khả năng xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung cho thấy hệ thống XLNT tập trung của Trung tâm hoạt động khá ổn định và hiệu quả.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giảm thiểu ô nhiễm do hóa chất bay hơi

Hơi alcohol phát sinh từ khâu sát trùng vết thương, hơi các dung môi khử trùng như: Alcol, Ete, Chlorine, Formalin sinh ra từ các khu vực phòng khám, điều trị, phòng thanh trùng, phòng xét nghiệm,... được kiểm soát bằng cách trang bị đầy đủ các dụng cụ trang thiết bị như khẩu trang, bao tay cho các nhân viên khu vực khám chữa bệnh và trang bị hệ thống quạt trần thông gió, cửa sổ, hệ thống thông khí làm giảm nhanh nồng độ các chất sát trùng; có bộ phận phụ trách quản lý vệ sinh khu vực phòng khám

- Tăng cường công tác vệ sinh Trung tâm, lau rửa thường xuyên những nơi phát sinh mùi.

3.2.2. Chống nhiễm khuẩn

Công tác chống nhiễm khuẩn được thực hiện đúng quy trình kỹ thuật vô trùng, khử khuẩn đối với các dụng cụ y tế, vệ sinh khoa, phòng, vệ sinh cá nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm,... Cụ thể như sau:

- Kỹ thuật vô khuẩn:

+ Dụng cụ y tế nhiễm khuẩn sau khi dùng xong phải được ngâm vào dung dịch tẩy uế trước khi loại bỏ hoặc dùng lại.

+ Khử trùng, tiệt khuẩn dụng cụ, vật dụng bằng sức nóng hoặc hóa chất phải đảm bảo đúng quy định, đủ thời gian, đúng nồng độ hoặc đúng nhiệt độ.

- Trật tự, vệ sinh khoa và buồng bệnh:

+ Các phòng được cấp đủ điện, nước, găng tay vệ sinh, chổi, xô chậu, xà phòng, dung dịch khử khuẩn,...

+ Mỗi khoa đường nước cọ rửa dụng cụ, có đủ giá kệ bảo quản dụng cụ vệ sinh và đồ vải chớ mang đi giặt.

+ Các thiết bị, dụng cụ y tế được bố trí, sắp xếp thuận tiện cho việc phục vụ người bệnh và vệ sinh tẩy uế.

+ Có đủ thùng rác có nắp đậy, để trên hành lang, đủ để sử dụng cho người bệnh và các thành viên trong khoa.

+ Trần nhà, tường, bệ cửa, cánh cửa các khoa, buồng luôn được giữ gìn sạch sẽ, không có mạng nhện.

+ Nền các buồng được lót gạch men hoặc vật liệu tương đối nhẵn, khô, không thấm nước, luôn được giữ sạch. Tường các buồng phẫu thuật, buồng hậu phẫu, buồng đẻ, buồng trẻ sơ sinh, chăm sóc đặc biệt, xét nghiệm, phòng tiêm được lót gạch men kín đến sát trần nhà.

+ Tổ chức giặt là tập trung, tuy nhiên sẽ tách ra giặt riêng các loại đồ sau: quần áo nhân viên Trung tâm, quần áo đồ vải của bệnh nhân, quần áo đồ vải của khoa truyền nhiễm.

+ Khi có người bệnh chuyển khoa, chuyên viện, ra viện, đặc biệt là người mắc các bệnh truyền nhiễm thì công tác vệ sinh tẩy uế buồng bệnh, đồ dùng cá nhân ngay khi người bệnh rời khỏi phòng.

+ Khi người bệnh tử vong, thi thể của bệnh nhân được vận chuyển và bảo quản theo quy chế giải quyết người bệnh tử vong, buồng bệnh và đồ dùng cá nhân sẽ được tẩy uế và khử trùng ngay.

+ Trường hợp được ở lại để phối hợp chăm sóc, phục vụ người bệnh, người nhà phải thực hiện nội quy, giữ gìn vệ sinh chung.

3.2.3. Giảm thiểu ô nhiễm do bụi và khí thải của máy phát điện dự phòng

Nồng độ bụi và các loại khí thải của máy phát điện chỉ trong giai đoạn ngắn và thường gián đoạn, tuy nhiên các biện pháp kiểm soát ô nhiễm từ hoạt động máy phát điện vẫn được áp dụng như:

- Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải sẽ ưu tiên sử dụng điện từ mạng lưới điện Quốc gia vì lý do kinh tế và hạn chế lượng khí thải từ máy phát điện ra môi trường.

- Máy phát điện được đặt trong phòng kín, có chế độ bảo trì định kỳ như: bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các phụ tùng hư hỏng để đảm bảo an toàn hoạt động của máy phát điện và an toàn cho công nhân trong quá trình vận hành.

- Sử dụng lượng dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%).

3.2.4. Giảm thiểu ô nhiễm do khí thải của các phương tiện vận chuyển

Khí thải của các phương tiện vận chuyển có thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO₂, CO, CO₂... Để giảm thiểu ô nhiễm gây ra do khí thải của các phương tiện giao thông vận tải, phương tiện đi lại của khách hàng và nhân viên, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã thực hiện các biện pháp sau:

- Bố trí cây xanh xung quanh khuôn viên Trung tâm (tỷ lệ khoảng 30%).

- Định kỳ vệ sinh sân bãi, phun nước tạo độ ẩm hạn chế bụi phát tán vào môi trường không khí.

- Trang bị đầy đủ các các dụng cụ trang thiết bị như khẩu trang, bao tay cho các nhân viên khu vực khám chữa bệnh và trang bị hệ thống quạt trần thông gió, cửa sổ, hệ thống thông khí làm giảm nhanh nồng độ các chất sát trùng; có bộ phận phụ trách quản lý vệ sinh khu vực phòng khám.

- Tại Trung tâm, hầu như không có nguồn ồn nào đáng kể, tiếng ồn phát sinh chủ yếu là do giao tiếp giữa bệnh nhân với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cán bộ nhân viên của Trung tâm và các phương tiện giao thông trên Quốc lộ 53. Tuy nhiên với các nguồn phát sinh trên thì tiếng ồn hầu như không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh và các đối tượng lân cận

3.2.5. Giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải và từ rác thải

- Việc phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải là không đáng kể, do nước thải đã được xử lý sơ bộ bằng hầm tự hoại. Tuy nhiên, để giảm thiểu nguồn thải này Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã bố trí hệ thống xử lý nước thải ở một góc riêng của Trung tâm, không gắn liền với các khối nhà khám chữa bệnh. Các bể xử lý nước thải ngoài trời được đậy kín bằng nắp bê tông cốt thép, Hệ thống xử lý nước thải tập trung được lắp mái che và tường bao quanh bằng tole, đảm bảo hoạt động của hệ thống xử lý nước thải không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Chất thải rắn thông thường và các loại chất thải y tế phát sinh được cho vào thùng chứa rác được ghi chú rõ ràng theo từng loại, nhằm hạn chế nước rỉ ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và phát sinh mùi hôi, bố trí cán bộ theo dõi việc thực hiện thu gom và đem rác sinh hoạt đi xử lý của đơn vị có chức năng theo hợp đồng đã ký kết.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải bao gồm:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh,...

- Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng CTNH.

- Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hóa chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất. Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực.

- Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn thông thường khác, chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế.

Trung tâm tiến hành thu gom chất thải loại này bằng cách đặt thùng rác đựng chất thải rắn thông thường (màu xanh) và thùng rác đựng chất thải rắn thông thường để tái chế (màu trắng), bố trí tại khu vực công cộng, sân đường trong khuôn viên Trung tâm và tại khu vực các phòng khám và buồng bệnh. Số lượng thùng chứa rác thông thường hiện tại ở Trung tâm là:

- Thùng xanh 125L: 16 cái.
- Thùng xanh đạp chân 20L: 50 cái
- Thùng trắng đạp chân 20L: 20 cái.



Hình 13: Thùng chứa chất thải rắn thông thường tại Trung tâm

Để xử lý chất thải sinh hoạt, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã ký hợp đồng giao khoán với Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành thu gom vận chuyển rác và xử lý định kỳ 1 lần/ngày.

(Đính kèm hợp đồng thu gom và vận chuyển tại Phụ lục 1.7).

Theo thống kê thực tế, trong năm 2021 lượng chất thải rắn thông thường phát sinh và thu gom tại Trung tâm là 8.775 kg và trong quý I/2022 là 4.080 kg, với thành phần chủ yếu là thực phẩm dư thừa, bao bì, nylon, giấy vụn.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải y tế nguy hại phát sinh tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm. Trong đó:

- Khối lượng chất thải lây nhiễm phát sinh tại Trung tâm trong năm 2021 là 4.938kg, trong quý I/2022 là 1.102kg, bao gồm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn (130101): kim tiêm, bơm liềm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim châm cứu, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh,.....

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (130101): bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh, vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ,...

Để thu gom lượng chất thải này, Trung tâm tiến hành phân loại như sau:

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: bỏ vào thùng có lót túi và có màu vàng.

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: bỏ vào thùng hoặc hộp kháng trùng và có màu vàng.

- Số lượng thùng chứa chất thải y tế bố trí tại các phòng khám và buồng bệnh hiện tại của Trung tâm:

+ Thùng vàng đạp chân 20L: 50 cái.

+ Thùng vàng 125L: 4 cái.

- Bên cạnh đó, trong năm 2021 và quý I/2022 không phát sinh chất thải nguy hại không lây nhiễm như hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có thành phần nguy hại (kể cả nước rửa phim X-quang), dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất, thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng, chất hàn răng amalgam thải bỏ,... Tuy nhiên, Trung tâm vẫn bố trí thùng đựng rác thải y tế nguy hại không lây nhiễm (màu đen) trong khuôn viên Trung tâm với số lượng như sau:

+ Thùng đen 125L: 01 cái.

+ Thùng đen đạp chân 20L: 10 cái.

- Toàn bộ chất thải được lưu giữ trong kho chứa riêng biệt theo quy định của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Trung tâm đã làm thủ tục đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và được cấp sổ đăng ký có mã số quản lý là 84.000128.T cấp lần 2 ngày 03 tháng 4 năm 2019.

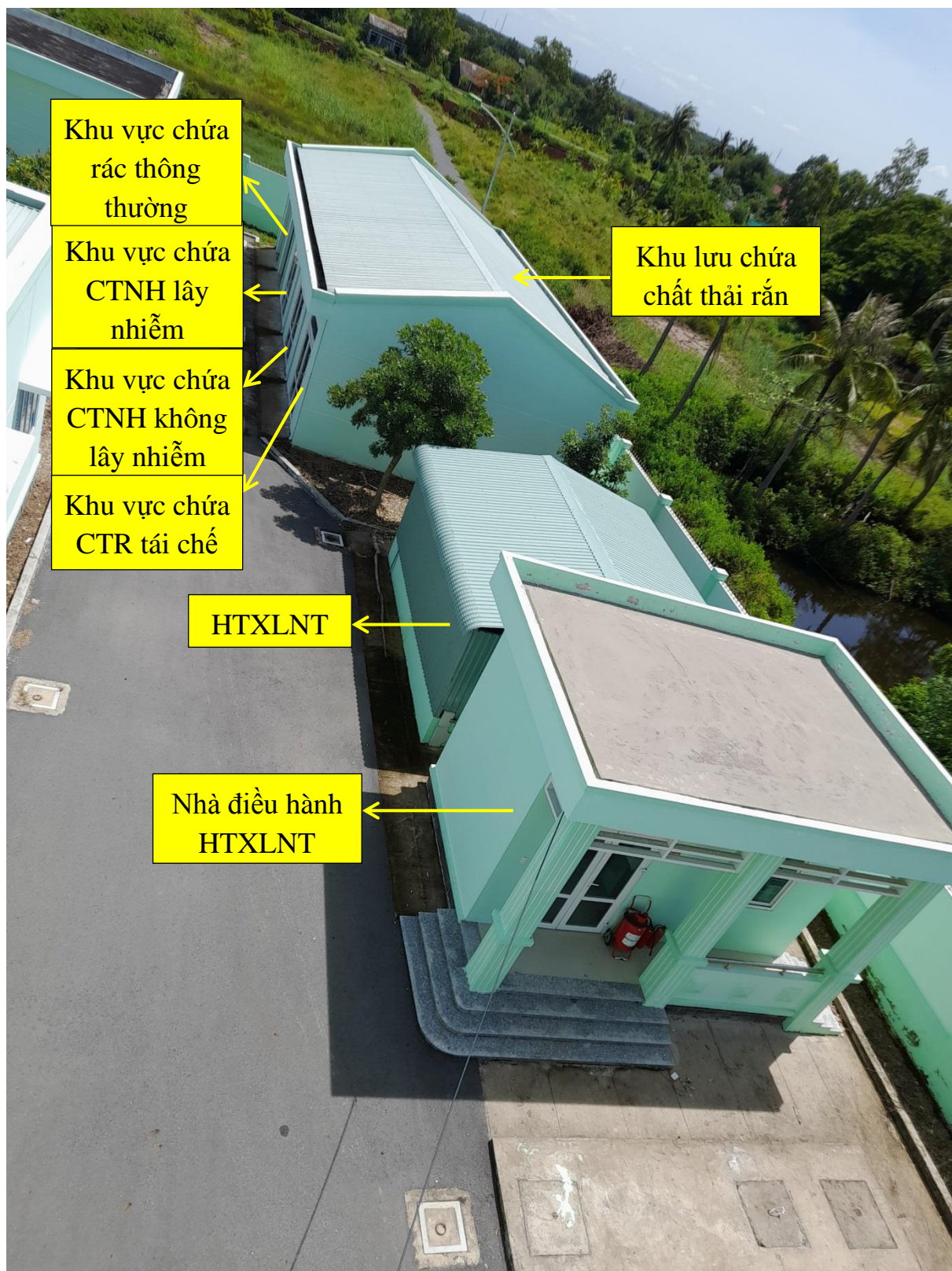
Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

- Để xử lý chất thải lây nhiễm, Trung tâm đã ký hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định về xử lý chất thải y tế nguy hại.

(Đính kèm hợp đồng thu gom và xử lý tại Phụ lục 1.7).



Hình 14: Thùng rác 125L màu vàng và màu đen tại Trung tâm



Hình 15: Khu vực xử lý nước thải và lưu chứa chất thải rắn của Trung tâm

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để hạn chế tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã áp dụng các biện pháp sau:

- Máy phát điện và các máy móc khác được đặt trên nền bằng bê tông, nền

nhà phân phối điện, nhà để máy phát điện được tráng bê tông kiên cố, có vách che chắn kín đáo nhằm hạn chế tiếng ồn, độ rung phát tán ra khu vực xung quanh, tác động đến khu vực nhà làm việc làm ảnh hưởng đến chất lượng công việc.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế hoặc bổ sung các đệm cao su và lò xo chống rung cho nền các máy móc, thiết bị nếu chưa có hoặc có dấu hiệu hỏng hóc; có chế độ kiểm tra bảo dưỡng định kỳ như: bôi trơn, sửa chữa hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Bố trí nhân công thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị, nếu có phát sinh tiếng ồn quá lớn để kịp thời sửa chữa.

- Các loại máy bơm, máy thổi khí dành cho hệ thống xử lý nước thải có công suất lớn được đặt ở trong phòng kín, thường xuyên được công nhân phụ trách kiểm tra, có chế độ bảo trì khi cần thiết.

- Ngoài ra, hệ thống cây xanh trong khuôn viên Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải ngoài việc tạo cảnh quan, giảm khả năng phát tán bụi, cây xanh còn có tác dụng làm giảm độ ồn đáng kể.



Hình 16: Máy phát điện dự phòng 200KVA và máy bơm sục khí của HTXLNT

- Tại Trung tâm, hầu như không có nguồn ồn nào đáng kể, tiếng ồn phát sinh chủ yếu là do giao tiếp giữa bệnh nhân với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cán bộ nhân viên của Trung tâm và các phương tiện giao thông trên Quốc lộ 53. Tuy nhiên với các nguồn phát sinh trên thì tiếng ồn hầu như không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường xung quanh và các đối tượng lân cận

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống chống sét, cho các vị trí cao của dự án.

- Huấn luyện thường xuyên cho cán bộ công nhân viên và đội phòng chống sự cố của Trung tâm nhằm duy trì khả năng giải quyết tại chỗ.

- Tại các khu vực hóa chất dễ cháy, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện phòng cháy chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ cao và áp suất cao có hồ sơ lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.

- Các loại nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ trong các kho cách lý riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát tia lửa điện.

- Cán bộ, nhân viên không được hút thuốc, không mang các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực có thể gây cháy. Các hoạt động sửa chữa hàn cắt phải được giám sát nghiêm ngặt.

- Trung tâm đã xây dựng hoàn thiện hệ thống cấp nước cứu hỏa.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra từ hệ thống xử lý nước thải, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã đưa ra kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố, cụ thể như sau:

- Khi phát hiện có sự cố, cán bộ phụ trách tiến hành xác định nguyên nhân và thực hiện hành động khắc phục, sửa chữa.

- Khi sự cố vượt khả năng xử lý thì nhanh chóng báo cho Ban Lãnh đạo. Ban Lãnh đạo tiến hành họp và đưa ra phương án giải quyết cụ thể, tiến hành thông báo và phối hợp với các cơ quan chức năng để kiểm tra và có biện pháp khắc phục nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động xấu đến môi trường.

Bảng 13: Sự cố về nước thải và biện pháp, công trình ứng phó, khắc phục

STT	Sự cố	Biện pháp ứng phó/ khắc phục
1	Sự cố máy móc, thiết bị vận hành	<p>- Thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Trong trường hợp có hư hỏng, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải sẽ thay thế máy móc, thiết bị mới nhanh chóng để tránh tình trạng ứ đọng nước thải tại hệ thống xử lý.</p> <p>- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố cần khắc phục thì sẽ báo cáo cơ quan chức năng bằng văn bản, lưu chứa nước thải lại và tranh thủ khắc phục trong thời gian sớm nhất.</p> <p>- Huấn luyện nâng cao kỹ năng vận hành cho công nhân được phân công quản lý hệ thống xử lý.</p>

STT	Sự cố	Biện pháp ứng phó/ khắc phục
2	Nguồn điện sử dụng bị đơn vị cấp điện ngắt đột ngột hay theo kế hoạch	Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã trang bị máy phát điện dự phòng. Khi mất điện sẽ sử dụng các máy phát điện để cung cấp điện cho sản xuất và vận hành hệ thống xử lý nước thải.
3	Song chắn rác bị tắc nghẽn	Kiểm tra thường xuyên và định kỳ vệ sinh song chắn rác.
4	Đường cống, hố ga thu gom bị tắc nghẽn hoặc bị rò rỉ	Kiểm tra thường xuyên hệ thống đường ống của hệ thống xử lý nước thải, nạo vét các hố ga đảm bảo tiêu thoát triệt để nước mưa và nước thải.
5	Nước thải đầu vào có các thông số ô nhiễm quá cao	Hệ thống xử lý đã xây dựng với bể điều hòa có kích thước hợp lý, có khả năng lưu chứa, điều hòa lưu lượng và nồng độ các thông số ô nhiễm có trong nước thải.
6	Lưu lượng nước thải tăng đột biến do mưa lớn	Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn chỉnh và tách riêng với hệ thống thu gom nước thải, nên lưu lượng nước mưa đi vào hệ thống là không đáng kể.
7	Sự cố nghẽn màng MBR	- Tạm ngưng cho nước vào bể, vệ sinh hoặc thay thế vật liệu lọc nếu cần thiết - Kiểm tra thường xuyên, tiến hành rửa ngược vật liệu lọc.
8	Sự cố chết vi sinh	- Do ảnh hưởng của pH, định kỳ kiểm tra pH, trung hòa nước thải đầu vào. - Do thiếu dinh dưỡng, bổ sung thêm dưỡng chất cho nước thải đầu vào. - Kiểm tra bổ sung vi sinh. - Kiểm tra cân bằng chất ô nhiễm và vi sinh vật.
9	Sự cố cháy nổ, rò rỉ hóa chất	- Thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị, đảm bảo hoạt động đúng công suất thiết kế, các hóa chất xử lý nước thải đảm bảo luôn được lưu chứa trong các dụng cụ chuyên dùng và được đậy nắp kín đáo. - Tăng cường giáo dục ý thức công nhân viên về công tác phòng chống cháy nổ. - Bố trí các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định.

(Nguồn: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải)

3.6.3. Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Tại kho lưu trữ: tất cả các thiết bị phải được bảo vệ bằng lớp vật liệu chống nổ.

+ Các thông tin trên bồn chứa, thùng chứa hóa chất phải có tem nhãn được dán nhãn mác rõ ràng.

+ Các thùng chứa hóa chất phải luôn đậy nắp kín khi không sử dụng.

- Biện pháp ứng phó:

+ Khi xảy ra sự cố thì nhân viên sẽ báo động, sơ tán nhân sự, thông báo trực tiếp cho người chịu trách nhiệm.

+ Nếu có người bị nạn thì phải tiến hành di chuyển ngay lập tức người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cứu trước khi di chuyển đến cơ sở y tế khác trong khu vực.

+ Sơ tán ngay những nguồn có thể gây nguy hiểm hoặc là các tác nhân gây ra sự cố tiếp theo (nguồn lửa, cắt cầu dao điện, ...).

+ Cô lập vùng nguy hiểm, cảnh báo người không phận sự không được tập trung tại khu vực xảy ra sự cố.

+ Khi hóa chất bị tràn, không dùng nước cũng như không được phép để hóa chất chảy vào hệ thống cống.

3.6.4. Biện pháp phòng chống, giảm thiểu phóng xạ và ứng phó sự cố tác động của tia bức xạ từ phòng chụp X-quang

- Hiện tại, Trung tâm được bố trí 01 máy chụp X – quang cao tần. Tuy nhiên tại vẫn chưa tiến hành thực hiện công tác chụp hình X – quang cho bệnh nhân do chưa bố trí được nhân viên vận hành. Tuy vậy, Trung tâm cũng đã có những biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ phòng chụp X – quang. Biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

+ Phòng đặt máy X – quang đáp ứng các yêu cầu như thuận tiện cho việc lắp đặt, vận hành thao tác máy, di chuyển an toàn cho bệnh nhân.

+ Có đèn, biển cảnh báo bức xạ bên ngoài phòng.

+ Phòng chụp X – quang được thiết kế đảm bảo không cho tia X lọt ra bên ngoài như bọc chì cho toàn bộ các mặt tường và cửa bên trong các phòng có sử dụng phóng xạ.

+ Phòng chụp X quang có diện tích khoảng 28 m² (6,23m x 4,45m), kích thước một chiều không nhỏ hơn 3m. Phòng điều khiển nằm bên ngoài phòng chứa máy chụp X – quang có diện tích khoảng 8,68 m².

- Biện pháp, phương án ứng phó sự cố:

+ Trong tình huống chụp sai chế độ gây hỏng phim: kỹ thuật viên xem xét lại việc đặt thông số trước khi chụp. Nếu việc thực hiện lại lần hai vẫn gây ra

hiện tượng hỏng phim tương tự cần dừng ngay hoạt động chụp lại và báo với bác sĩ cũng như người phụ trách an toàn bức xạ của Trung tâm để kịp thời có phương án khác như gửi bệnh nhân sang cơ sở y tế khác chụp đồng thời cho dừng máy để mờ cán bộ kỹ thuật về hiệu chỉnh lại chế độ của máy.

+ Trong trường hợp máy phát tia không ngừng hoặc bệnh nhân bị chụp quá lâu: Kỹ thuật viên phải ngay lập tức tắt nguồn điện cung cấp cho máy và báo cáo với người phụ trách an toàn bức xạ. Người phụ trách an toàn báo cáo với Lãnh đạo Trung tâm để đưa bệnh nhân đi kiểm tra sức khỏe, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe bệnh nhân bị tia theo sự cố.

3.6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lây lan dịch bệnh

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Các nhân viên, y bác sĩ trong Trung tâm được trang bị đầy đủ các vật dụng bảo hộ theo đúng tiêu chuẩn ngành y tế quy định.

+ Khi bệnh nhân được bác sĩ chuẩn đoán có nghi ngờ về các dịch bệnh dễ lây lan trong cộng đồng sẽ được đưa đi xét nghiệm, nếu phát hiện dương tính sẽ được đưa đi cách ly, điều trị tại khoa lây nhiễm.

+ Ngăn ngừa lây chéo: Tổ chức phòng khám bệnh và tiếp nhận bệnh nhân khoa học, khám và chuẩn đoán chính xác, cảnh giác đối với những bệnh đang trong thời gian nung bệnh; không để bệnh nhân tiếp xúc bừa bãi trong khi chờ khám bệnh; sắp xếp bệnh nhân vào các buồng bệnh cho hợp lý.

+ Quy định chế độ làm việc cho nhân viên, không để mang mầm bệnh từ bên ngoài vào Trung tâm, từ bệnh nhân này sang bệnh nhân kia,...

- Biện pháp ứng phó:

+ Khi phát hiện bệnh truyền nhiễm, ngay lập tức đưa người nhiễm bệnh đi cách ly, điều trị tại khoa nhiễm.

+ Tiến hành công tác khử trùng, tẩy uế buồng bệnh, các dụng cụ, đồ đạc, chất thải để tiêu diệt mầm bệnh.

+ Báo cáo với người chịu trách nhiệm Trung tâm để tiến hành các biện pháp ứng phó kịp thời, chính xác.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp

3.7.1. Nội dung 1

- Tên nội dung thay đổi: Bỏ bể thiếu khí trong hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất: 50 m³/ngày đêm), đồng thời thay đổi hóa chất khử trùng từ tia UV thành cloramin B.

- Thời gian thay đổi: Từ năm 2017.

- Chi tiết các nội dung thay đổi:

+ Trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt theo Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 thì hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 50 m³/ngày đêm) có **bể thiếu khí** trong quy trình xử lý nước, đồng thời nước thải trong bể MBR được thẩm thấu qua màng lọc MBR nhờ áp suất của bơm trục ngang, sau đó được **khử trùng bằng tia UV** tại bể khử trùng trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

+ Nhưng theo hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công năm 2017 thì đơn vị thiết kế đã loại **bỏ bể thiếu khí** ra khỏi quy trình xử lý nước thải tập trung và thay tác nhân khử trùng nước thải từ tia UV thành **hóa chất Cloramin B**.

- Bể thiếu khí không có khả năng xử lý các chất độc hại mà chỉ xử lý được các chất hữu cơ, đồng thời phải bổ sung bùn, các chất hữu cơ thường xuyên giúp bể hoạt động hiệu quả. Do nước thải phát sinh tại Trung tâm đã được xử lý sơ bộ qua hầm tự hoại 03 ngăn trước khi đi vào HTXLNT tập trung, hàm lượng các chất hữu cơ đã được giảm bớt một phần. Lượng chất hữu cơ còn lại sẽ được xử lý triệt để thông qua hoạt động của Bể sinh học + màng MBR (xử lý BOD₅, COD đạt 90 – 95%). Vì thế, việc xây dựng bể thiếu khí trong HTXLNT là không cần thiết. Quá trình xây dựng hệ thống xử lý nước thải trong thực tế được thực hiện theo hồ sơ thiết kế thi công được phê duyệt năm 2017. Tuy có sự thay đổi về công nghệ xử lý nước thải nhưng kết quả thử nghiệm nước thải sau xử lý của Trung vẫn đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B (K = 1,2). Điều này cho thấy việc thay đổi công nghệ xử lý nước thải không làm ảnh hưởng đến hiệu suất xử lý của HTXLNT tập trung (công suất 50 m³/ngày đêm) của Trung tâm.

3.7.2. Nội dung 2

- Tên nội dung thay đổi: thay đổi phương án thu gom, lưu chứa và xử lý chất thải rắn y tế.

- Thời gian thay đổi: Từ năm 2017.

- Khi lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, do tỉnh chưa lập kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm, mô hình tập trung nên đơn vị chủ dự án phải tiến hành thiết kế phương án thu gom, lưu chứa và xử lý tại cơ sở y tế bằng hình thức tự xử lý tại lò đốt chất thải rắn y tế trong khuôn viên Trung tâm.

- Tuy nhiên theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ

sung mục 2 và phụ lục 3 của Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh thì hình thức tự xử lý chất thải rắn y tế tại lò đốt chất thải rắn y tế trong khuôn viên Trung tâm là không phù hợp. Vì lí do trên, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải hủy bỏ hạng mục xây dựng lò đốt rác y tế tại Trung tâm.

- Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải tiến hành ký hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại với tần suất thu gom vào buổi sáng từ 7h30 -11h00 thứ hai và thứ sáu hàng tuần (02 lần/tuần).

➤ **Như vậy, Trung tâm xin tổng hợp các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp, như sau:**

Bảng 14: Tổng hợp nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Nội dung thay đổi/ Thời gian	Phát sinh thêm chất thải	Theo báo cáo ĐTM được phê duyệt	Theo thực tế
1	<p>- Bỏ bể thiếu khí trong hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất: 50 m³/ngày đêm), đồng thời thay đổi hóa chất khử trùng từ tia UV thành cloramin B.</p> <p>- Thời gian: Từ năm 2017</p>	Không phát sinh thêm chất thải	Nước thải phát sinh → Bể tự hoại → Song chắn rác → Bể lắng cát → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí + Màng lọc MBR → Bể khử trùng (tia UV) → Nguồn tiếp nhận	Nước thải phát sinh → Bể tự hoại → Song chắn rác → Bể lắng cát → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể hiếu khí + Màng lọc MBR → Bể khử trùng (cloramin B) → Nguồn tiếp nhận
2	<p>- Thay đổi phương án thu gom, lưu chứa và xử lý chất thải rắn y tế.</p> <p>- Thời gian: Từ năm 2017</p>	Không phát sinh thêm chất thải	<p>Xây dựng lò đốt chất thải rắn y tế phù hợp với phương án thu gom, lưu chứa và xử lý tại cơ sở y tế bằng hình thức tự xử lý tại lò đốt chất thải rắn y tế trong khuôn viên Trung tâm.</p> <p>- Khu vực xây dựng nhà xử lý chất thải y tế nguy hại diện tích 48 m².</p>	<p>- Bỏ việc xây dựng lò đốt rác y tế tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải.</p> <p>- Ký Hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 và Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh đối với chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động tại trung tâm.</p> <p>- Khu vực chứa rác thông thường.</p>

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nước thải y tế phát sinh từ các phòng y tế.
 - + Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh trong Trung tâm.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 50 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung 50 m³/ngày đêm.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Áp dụng theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải:

Bảng 15: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (Cột B, hệ số K = 1,2)

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2)
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	60
3	COD	mg/L	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	120
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,8
6	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	12
7	NO ₃ ⁻ (Tính theo N)	mg/L	60
8	PO ₄ ³⁻ (Tính theo P)	mg/L	12
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,2
12	Tổng coliforms	MPN/100mL	5.000
13	Salmonella	Vi khuẩn/100mL	KPH
14	Shigella	Vi khuẩn/100mL	KPH
15	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100mL	KPH

(Nguồn: QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, hệ số K = 1,2))

- Vị trí xả thải:

+ Tọa độ điểm xả thải từ hệ thống xử lý vào **công thoát nước chung** trong khuôn viên Trung tâm (hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°30'): X = 1062895, Y = 603834.

+ Khi hệ thống thoát nước công cộng của dọc Quốc lộ 53 chưa hoàn thiện: Vị trí xả thải vào **giếng tự thấm** được xây dựng bên trong Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải thuộc địa phận khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°30'): X = 1062789, Y = 603844.

+ Khi hệ thống thoát nước công cộng của dọc Quốc lộ 53 hoàn thiện, Trung tâm sẽ tiến hành đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống thoát nước công cộng dọc Quốc lộ 53, khi đó vị trí xả thải vào **hệ thống thoát nước công cộng** của thị trấn Long Thành thuộc địa phận khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ (hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3°, kinh tuyến trực 105°30'): X = 1062763, Y = 603846.

- Phương thức xả nước thải:

+ Khi hệ thống thoát nước công cộng của dọc Quốc lộ 53 chưa hoàn thiện: Nước thải sau khi xử lý được xả vào **giếng tự thấm** (bên trong Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải) theo phương thức tự chảy.

+ Khi hệ thống thoát nước công cộng của dọc Quốc lộ 53 hoàn thiện: Nước thải sau xử lý của Trung tâm được xả thải vào **hệ thống thoát nước công cộng dọc Quốc lộ 53**, hòa lẫn với nước thải của khu vực dân cư tiếp tục thải vào Kênh nhà Thờ (kênh nội đồng) chảy ra Kênh Quan Chánh Bó theo phương thức tự chảy; nước thải xả mặt hay xả ngầm phụ thuộc vào thủy triều của Kênh nhà Thờ (kênh nội đồng) và kênh Quan Chánh Bó.

- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

+ **Giếng tự thấm** khi hệ thống thoát nước công cộng của dọc Quốc lộ 53 chưa hoàn thiện.

+ **Hệ thống thoát nước công cộng** dọc Quốc lộ 53 khi hệ thống thoát nước công cộng dọc Quốc lộ 53 hoàn thiện.

Chương V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

- Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của Trung tâm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải (nay là Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải) đã được phê duyệt tại Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh. Theo chương trình giám sát môi trường đã được phê duyệt, trong giai đoạn hoạt động Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải phải tiến hành quan trắc các mẫu sau:

+ 01 mẫu nước thải tại vị trí đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải y tế với tần suất 03 tháng/lần.

+ 02 mẫu không khí tại bên trong khuôn viên và trước công Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải với tần suất 06 tháng/lần.

+ 01 mẫu khí thải tại ống khói đầu ra sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải rắn y tế với tần suất 03 tháng/lần.

+ 01 mẫu nước dưới đất tại giếng khoan Trung tâm với tần suất 06 tháng/lần.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và hoạt động có một số thay đổi so với lúc dự án được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường như: không tiến hành xây dựng lò đốt chất thải rắn y tế tại Trung tâm và khi hoạt động Trung tâm sử dụng nước cấp từ Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn cung cấp, không có hoạt động khai thác nước dưới đất tại khu vực dự án. Do vậy, từ đầu năm 2022 đến nay Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã thực hiện 01 đợt quan trắc vào ngày 28/3/2022 bao gồm:

+ 01 mẫu nước thải tại vị trí đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải y tế.

+ 02 mẫu không khí tại bên trong khuôn viên và trước công Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải.

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

- Vị trí quan trắc: tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT, Cột B (K = 1,2).

- Kết quả quan trắc nước thải đầu ra ngày 28/3/2022 như sau:

Bảng 16: Kết quả quan trắc nước thải sau xử lý

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2)
1	pH	-	8,36	6,5 – 8,5

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K = 1,2)
2	TSS	mg/L	28	120
3	BOD ₅	mg/L	19	60
4	COD	mg/L	53	120
5	NH ₄ ⁺ -N	mg/L	1,10	12
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	12,4	60
7	PO ₄ ³⁻ -P	mg/L	0,615	12
8	Sulfua (H ₂ S)	mg/L	0,026	4,8
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	KPH (MDL = 0,6)	24
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	KPH (MDL = 0,029)	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	KPH (MDL = 0,029)	1,2
12	Coliform	MPN/100mL	1.800	5.000

(Nguồn: KQTN số 22.01.4680 ngày 05/4/2022 của Công ty TNHH môi trường Dương Huỳnh)

*** Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện.
- MDL: giới hạn phát hiện.

* **Nhận xét:** Kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước thải sau HTXLNT tập trung (Công suất 50 m³/ngày đêm) có chất lượng tốt, tất cả các thông số thử nghiệm đều có giá trị thấp và nằm trong giới hạn cho phép so QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2).

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

5.2.1. Quan trắc chất lượng không khí trong khu vực làm việc

- Vị trí quan trắc: bên trong khuôn viên.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
 - + QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- Kết quả quan trắc không khí khu vực làm việc ngày 28/3/2022 như sau:

Bảng 17: Bảng kết quả quan trắc chất lượng không khí khu vực làm việc

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Tiếng ồn	dBA	52,7	55 ^(*)
2	Bụi hô hấp	mg/m ³	0,1244	4 ^(**)
3	SO ₂	mg/m ³	0,0571	5,0
4	NO ₂	mg/m ³	0,0439	5,0
5	CO	mg/m ³	KPH (MDL = 3,8)	40

(Nguồn: KQTN số 22.04.4678 ngày 05/4/2022 của Công ty TNHH môi trường Dương Huỳnh)

*** Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện.
- MDL: giới hạn phát hiện.
- Giá trị^(*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT: Giới hạn tối đa cho phép tại khu vực đặc biệt từ 6 giờ đến 21 giờ.
- Giá trị^(**) áp dụng QCVN 02:2019/BYT.

*** Nhận xét:** Qua kết quả thử nghiệm không khí trong khu vực làm việc của Trung tâm cho thấy tại điểm lấy mẫu có chất lượng tốt, tất cả các thông số thử nghiệm có giá trị rất thấp và đều nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 02:2019/BYT và QCVN 03:2019/BYT.

5.2.2. Quan trắc chất lượng không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc: trước cổng Trung tâm.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- Kết quả quan trắc nước thải đầu ra ngày 28/3/2022 như sau:

Bảng 18: Kết quả quan trắc chất lượng không khí xung quanh

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	53,3	70 ^(*)
2	Bụi lơ lửng	µg/m ³	141	300
3	SO ₂	µg/m ³	79,5	350

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
4	NO ₂	µg/m ³	66,2	200
5	CO	µg/m ³	KPH (MDL = 3.800)	30.000

(Nguồn: KQTN số 22.04.4679 ngày 05/4/2022 của Công ty TNHH môi trường Dương Huỳnh)

*** Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện.
- MDL: giới hạn phát hiện.
- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Giới hạn tối đa cho phép tại khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ.

*** Nhận xét:** Chất lượng không khí xung quanh của Trung tâm rất tốt, các thông số thử nghiệm có giá trị nằm trong giới hạn cho phép so với QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã tiến hành vận hành thử nghiệm Công trình xử lý chất thải của Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải (nay là Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải), quy mô 50 giường bệnh – Hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm như sau:

- Thời gian vận hành: từ ngày 20/12/2021 đến ngày 20/4/2022.

- Công suất đạt được tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm: 50 m³/ngày đêm.

- Kết quả vận hành thử nghiệm Công trình xử lý chất thải của Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, quy mô 50 giường bệnh – Hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm đã được Trung tâm y tế huyện Duyên Hải gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh trong Báo cáo số 311/BC-TTYT ngày 27/4/2022.

Ngày 11/5/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh có Công văn số 1252/STNMT-QLMT phúc đáp Báo cáo kết quả lấy mẫu vận hành thử nghiệm Công trình xử lý chất thải của dự án “Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” xác nhận Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã hoàn thành và đã báo cáo về Sở kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

(Đính kèm Báo cáo số 311/BC-TTYT ngày 27/4/2022 tại Phụ lục 1.7)

6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

- Căn cứ Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Căn cứ theo tình hình hoạt động thực tế của cơ sở. Trung tâm xin đề xuất thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ như sau Cụ thể như sau:

Bảng 19: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của Trung tâm

Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	QCVN so sánh
Nước thải	- Tại đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (NT ₁) - Tọa độ: X = 1062895; Y = 603834	pH, TSS, BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ -N, NO ₃ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ -P, H ₂ S, Dầu mỡ động thực vật, tổng hoạt độ phóng xạ α, tổng	03 tháng/lần	- QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, K = 1,2)

Nội dung quan trắc	Điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	QCVN so sánh
		hoạt độ phóng xạ β , Salmonella, Shigella, Vibrio Cholerae, tổng Coliforms.		
Nước mặt (chỉ thực hiện khi Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống cống công cộng dọc Quốc lộ 53)	- Nước mặt tại kênh nội đồng cách điểm tiếp giáp với cống thoát nước thải công cộng 100m theo hướng dòng chảy (NM) - Tọa độ: X = 1063212, Y = 603036.	pH, DO, COD, BOD ₅ , TSS, NH ₄ ⁺ -N, NO ₃ ⁻ -N, PO ₄ ³⁻ -P, tổng dầu mỡ, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β và Coliform.	06 tháng/lần	- QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B ₁)
Không khí xung quanh	- Trước công cơ sở (KK ₁) - Tọa độ: X = 1062763; Y = 603823	Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO ₂ , NO ₂ , CO	06 tháng/lần	- QCVN 05:2013/BTNMT - QCVN 26:2010/BTNMT
Giám sát khác	- Giám sát chất thải rắn y tế		03 tháng/lần	-

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh, chi phí lấy mẫu giám sát môi trường như sau:

Bảng 20: Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện giám sát môi trường trong 01 năm hoạt động của Trung tâm

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
I	Giám sát chất lượng nước thải				18.474.796
1	pH	mẫu	4	63.567	254.268
2	TSS	mẫu	4	219.403	877.612
3	BOD ₅	mẫu	4	184.232	736.928
4	COD	mẫu	4	195.775	793.100
5	NH ₄ ⁺ -N	mẫu	4	189.193	756.772
6	NO ₃ ⁻ -N	mẫu	4	317.654	1.270.616

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

STT	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
7	PO ₄ ³⁻ -P	mẫu	4	271.234	1.084.936
8	H ₂ S	mẫu	4	212.872	851.488
9	Dầu mỡ động thực vật	mẫu	4	467.926	1.871.704
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mẫu	4	525.000	2.100.000
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mẫu	4	525.000	2.100.000
12	Salmonella	mẫu	4	210.000	840.000
13	Shigella	mẫu	4	210.000	840.000
14	Vibrio Cholerae	mẫu	4	210.000	840.000
15	Tổng Coliforms	mẫu	4	816.843	3.267.372
II	Giám sát chất lượng nước mặt				7.199.690
1	pH	mẫu	2	82.749	165.498
2	DO	mẫu	2	76.123	152.246
3	COD	mẫu	2	195.683	391.366
4	BOD ₅	mẫu	2	183.155	366.310
5	TSS	mẫu	2	140.373	280.746
6	NH ₄ ⁺ -N	mẫu	2	174.419	348.838
7	NO ₃ ⁻ -N	mẫu	2	235.360	470.720
8	PO ₄ ³⁻ -P	mẫu	2	217.868	435.736
9	Tổng dầu mỡ	mẫu	2	389.769	779.538
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	mẫu	2	525.000	1.050.000
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	mẫu	2	525.000	1.050.000
12	Coliform	mẫu	2	854.346	1.708.692
III	Giám sát chất lượng không khí và tiếng ồn				4.519.794
1	Tiếng ồn	mẫu	2	127.110	254.220
2	Bụi	mẫu	2	262.620	525.240
3	SO ₂	mẫu	2	895.978	881.896
4	NO ₂	mẫu	2	440.948	1.791.956
5	CO	mẫu	2	533.241	1.066.482
Trước thuế					30.194.280
Thuế VAT 8%					2.415.542
Tổng cộng					32.609.822

(Nguồn: Trung tâm Kỹ thuật tài nguyên và môi trường tổng hợp)

Chương VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm qua, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải có đợt kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của dự án “BVĐK huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (hạng mục HTXLNT công suất 50 m³/ngày đêm) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh (gọi tắt là Sở) chủ trì vào ngày 13/01/2022. Kết quả kiểm tra được Sở thông báo đến Trung tâm theo Công văn số 11/STNMT-QLMT ngày 14/01/2022 với nội dung cho phép Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đủ điều kiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải (Công suất 50 m³/ngày đêm).

Ngày 27/4/2022, khi đã kết thúc công tác vận hành thử nghiệm, Trung tâm đã gửi Báo cáo số 311/BC-TTYT về Kết quả lấy mẫu vận hành thử nghiệm Công trình xử lý chất thải của Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, quy mô 50 giường bệnh – Hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm.

Ngày 11/5/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh có Công văn số 1252/STNMT-QLMT phúc đáp Báo cáo kết quả lấy mẫu vận hành thử nghiệm Công trình xử lý chất thải của dự án “Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” xác nhận Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã hoàn thành và đã báo cáo về Sở kết quả vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

Chương VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải xin cam kết:

- Cam kết đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của cơ sở nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, xử lý nước thải y tế đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B, áp dụng hệ số K=1,2) trước khi thải vào giếng tự thấm (sau này là Kênh Quan Chánh Bó).

+ Chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm được quản lý tuân thủ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Cam kết thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ 01 lần/năm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh theo đúng quy định pháp lý hiện hành.

Chúng tôi cam kết về tính chính xác, trung thực của thông tin trình bày trong toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường này của cơ sở. Kính đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, phê duyệt./.

PHỤ LỤC

*(Đính kèm báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của
Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải)*

Phụ lục 1.1:

- Công văn thống nhất vị trí xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải.
- Các công văn phê duyệt chủ trương đầu tư.
- Bản sao các Quyết định Quy định chức năng nhiệm vụ của Trung tâm.
- Bản sao Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình.

Phụ lục 1.2: Các giấy tờ về đất đai của cơ sở.

Phụ lục 1.3:

- Bản sao Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Phụ lục 1.4: Các giấy tờ và bản vẽ công trình bảo vệ môi trường.

Phụ lục 1.5: Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.

Phụ lục 1.6:

- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại thời điểm lập báo cáo.
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường của cơ sở trong năm 2022.

Phụ lục 1.7:

- Các văn bản kiểm tra, thanh tra về môi trường của cơ sở.
- Các tài liệu khác có liên quan: Các hợp đồng thu gom, xử lý chất thải năm 2021, 2022.

PHỤ LỤC 1.1

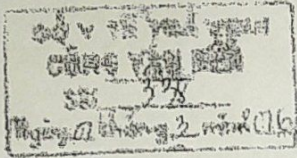
**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN DUYÊN HẢI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 89 /UBND-KT

Duyên Hải, ngày 26 tháng 02 năm 2016

V/v thông nhất vị trí xây dựng
Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải



Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Công văn số 3358/UBND-KTTH ngày 16/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc đăng ký nguồn vốn ODA của Ngân hàng thế giới (WB) cho dự án Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 19/02/2016, Sở Y tế tỉnh Trà Vinh phối hợp cùng Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải tiến hành khảo sát một số vị trí dự kiến xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải tại thị trấn Long Thành. Qua quá trình khảo sát, Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải thống nhất vị trí xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, cụ thể như sau:

- Diện tích khoảng 11.488 m², thuộc thửa đất số 149, chiết thửa số 221 và 1341, tờ bản đồ số 07;

- Tọa lạc tại khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (kèm theo sơ đồ vị trí khu đất).

- Nguồn gốc đất: Do Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải quản lý.

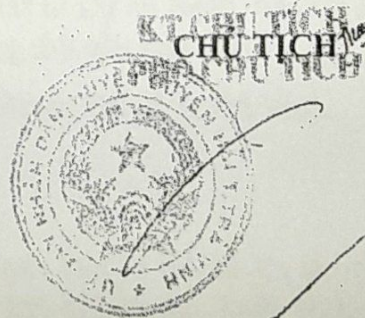
Về quy hoạch sử dụng đất: Khu đất trên được quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2020 là đất xây dựng Trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp (CTS). Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải sẽ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cơ sở y tế ở lần điều chỉnh quy hoạch tiếp theo.

Về trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải đề nghị Sở Y tế tỉnh Trà Vinh liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thủ tục xin chấp thuận vị trí, nhu cầu sử dụng đất theo quy định.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về vị trí xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, báo đến Sở Y tế tỉnh Trà Vinh năm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT-P,CT UBND huyện;
- Lưu: VT.

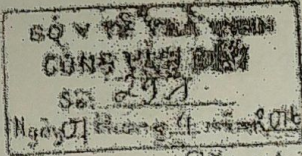


Trần Quốc Hoàn

Số: 902/UBND-KTKT

Trà Vinh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải,
tỉnh Trà Vinh.



Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 10638/BKHĐT-TH ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thời gian phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và phân bổ vốn năm 2016 cho dự án khởi công mới;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 11/3/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ủy quyền cho Thường trực HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C giữa các kỳ họp HĐND tỉnh và việc kéo dài thực hiện và thanh toán vốn đầu tư năm 2015 đối với vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương và vốn đầu tư công khác do địa phương quản lý;

Xét Tờ trình số 79/TTr-SYT ngày 23/3/2016 của Giám đốc Sở Y tế về quyết định chủ trương đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh và Báo cáo số 23/BC-HĐTD của Hội đồng thẩm định chủ trương đầu tư về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Y tế.

3. Mục tiêu đầu tư:

- Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải nhằm tạo cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật khang trang và trang thiết bị hiện đại, hoàn chỉnh của một Bệnh viện cấp huyện, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân huyện Duyên Hải;

- Kéo giảm tỷ lệ mắc bệnh và nguy cơ tử vong, từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng, đặc biệt là giải quyết khó khăn trong việc khám và điều trị bệnh cho người dân các xã cù lao mới bị chia cắt bởi dự án luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào sông Hậu.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

- Xây dựng bệnh viện quy mô: 50 giường bệnh (Nội dung và quy mô diện tích xây dựng cho từng khoa, phòng chi tiết của bệnh viện được áp dụng theo quy định tại TCVN 9213:2012 và Quyết định số 2367/QĐ-BYT ngày 04/7/2007 của Bộ Y tế) gồm các khoa:

- + Khoa khám đa khoa và điều trị ngoại trú;
- + Khoa cấp cứu;
- + Khoa điều trị tích cực và chống độc;
- + Khoa chẩn đoán hình ảnh;
- + Khoa xét nghiệm;
- + Khoa phẫu thuật;
- + Khu thăm dò chức năng;
- + Khu dịch vụ tổng hợp;
- + Khoa nội;
- + Khoa ngoại;
- + Khoa phụ sản;
- + Khoa nhi;
- + Khoa răng hàm mặt - tai mũi họng - mắt;
- + Khoa y dược cổ truyền;
- + Khoa truyền nhiễm;
- + Khoa dược;
- + Khoa dinh dưỡng;
- + Khoa y tế công cộng;
- + Khoa kiểm soát dịch bệnh - HIV;
- + Khoa an toàn thực phẩm;
- + Khoa quản lý nhiễm khuẩn;
- + Khu hành chính;
- + Khu tang lễ và giải phẫu bệnh;
- + Các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật,....

- Trang thiết bị y tế: Danh mục theo Quyết định số 3333/QĐ-BYT ngày 08/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

5. Nhóm dự án và loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B;
- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp II.

6. Địa điểm đầu tư: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải.

7. Ước tổng mức đầu tư: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).

8. Nguồn vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, cân đối vốn và mức vốn bố trí từng năm cho dự án: 4

8.1. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh và vốn vay ODA Ngân hàng thế giới (WB).

8.2. Cơ cấu nguồn vốn:

- Ngân sách tỉnh: 12.000.000.000 đồng;
- Vốn vay ODA Ngân hàng thế giới (WB): 108.000.000.000 đồng.

8.3. Cân đối vốn và mức vốn bố trí từng năm:

- Năm 2016: Ngân sách tỉnh tạm ứng kế hoạch vốn 24 tỷ đồng để triển khai trước dự án bức xúc, khi có vốn vay ODA Ngân hàng thế giới (WB) hoàn trả lại ngân sách tỉnh;

- Năm 2017 - 2020: Tiếp tục bố trí nguồn vốn đảm bảo thực hiện dự án hoàn thành.

9. Phương án giải phóng mặt bằng: Không thực hiện giải phóng mặt bằng.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016 - 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt./u

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, XD, YT;
- Ban LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NC: KTTT;
- Lưu: VT, KTKT 136.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Hoàng

quy định tại TCVN 9213:2012 và Quyết định số 2367/QĐ-BYT ngày 04/7/2007 của Bộ Y tế) gồm các khoa:

- * Khoa khám đa khoa và điều trị ngoại trú;
 - * Khoa cấp cứu;
 - * Khoa điều trị tích cực và chống độc;
 - * Khoa chẩn đoán hình ảnh;
 - * Khoa xét nghiệm;
 - * Khoa phẫu thuật;
 - * Khu thăm dò chức năng;
 - * Khu dịch vụ tổng hợp;
 - * Khoa nội;
 - * Khoa ngoại;
 - * Khoa phụ sản;
 - * Khoa nhi;
 - * Khoa răng hàm mặt - tai mũi họng - mắt;
 - * Khoa y dược cổ truyền;
 - * Khoa truyền nhiễm;
 - * Khoa dược;
 - * Khoa dinh dưỡng;
 - * Khoa y tế công cộng;
 - * Khoa kiểm soát dịch bệnh - HIV;
 - * Khoa an toàn thực phẩm;
 - * Khoa quản lý nhiễm khuẩn;
 - * Khu hành chính;
 - * Khu tang lễ và giải phẫu bệnh;
 - * Các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật,....;
- + Trang thiết bị y tế: Danh mục theo Quyết định số 3333/QĐ-BYT ngày 08/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Nhóm dự án: Dự án nhóm B.
 - Tổng mức đầu tư dự án: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng).
 - Cơ cấu nguồn vốn:
 - + Ngân sách tỉnh: 12.000.000.000 đồng;
 - + Vốn vay ODA Ngân hàng thế giới (WB): 108.000.000.000 đồng.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92 /HĐND-VP

V/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải,
tỉnh Trà Vinh

Trà Vinh, ngày 25 tháng 3 năm 2016

D Ề N	UBND TỈNH TRÀ VINH
	Số ngày.../.../2016
	Chuyển: KTKT

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công; Công văn số 10638/BKHĐT-TH ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thời gian phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và phân bổ vốn năm 2016 cho dự án khởi công mới; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 11/3/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ủy quyền cho Thường trực HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, dự án trọng điểm nhóm C giữa các kỳ họp HĐND tỉnh và việc kéo dài thực hiện và thanh toán vốn đầu tư năm 2015 đối với vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương và vốn đầu tư công khác do địa phương quản lý.

Xét Công văn số: 902/UBND-KTKT ngày 25 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, Thường trực HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung cụ thể như sau:

- Mục tiêu đầu tư:

+ Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải nhằm tạo cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật khang trang và trang thiết bị hiện đại, hoàn chỉnh của một bệnh viện cấp huyện, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân huyện Duyên Hải.

+ Kéo giảm tỷ lệ mắc bệnh và nguy cơ tử vong, từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống cộng đồng, đặc biệt là giải quyết khó khăn trong việc khám và điều trị bệnh cho người dân các xã cù lao mới bị chia cắt bởi Dự án Luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào sông Hậu.

- Quy mô đầu tư:

+ Xây dựng bệnh viện quy mô: 50 giường bệnh (Nội dung và quy mô diện tích xây dựng cho từng khoa, phòng chi tiết của bệnh viện được áp dụng theo

- Địa điểm thực hiện dự án: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải.

- Thời gian thực hiện dự án: Năm 2016 - 2020.

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Năm 2016: Ngân sách tỉnh tạm ứng kế hoạch vốn 24 tỷ đồng để triển khai trước do dự án bức xúc, khi có vốn vay ODA Ngân hàng thế giới (WB) sẽ hoàn trả lại ngân sách tỉnh;

+ Năm 2017 - 2020: Tiếp tục bố trí nguồn vốn đảm bảo thực hiện dự án hoàn thành.

- Tổ chức thực hiện:

+ Sở Y tế tỉnh Trà Vinh chịu trách nhiệm: Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan. Đồng thời, phải phù hợp với yêu cầu quản lý chuyên ngành theo quy định tại Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

+ Sở Y tế tỉnh Trà Vinh và các cơ quan khác có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện dự án này.

+ Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án này.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT, các Ban HĐND tỉnh;
- BLD Văn phòng;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

TM. THƯỜNG TRỰC HĐND

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Tâm

Số: 301/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 23 tháng 02 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy
Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 03/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 25/4/2008 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 16/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề án tổ chức bộ máy và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Y tế;

Xét Tờ trình số 15/SYT-TCCB ngày 15/01/2010 của Giám đốc Sở Y tế và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 31/TTr-SNV ngày 27/01/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh như sau:

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

1.1. Vị trí, chức năng:

- Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh, chịu sự quản lý toàn diện của Sở Y tế và chỉ đạo chuyên môn, kỹ thuật của các Trung tâm thuộc hệ dự phòng tuyến tỉnh.

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải có tư cách pháp nhân, có trụ sở, có con dấu riêng theo tên gọi và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để giao dịch công tác.

1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kỹ thuật về y tế dự phòng, phòng - chống HIV/AIDS và phòng - chống bệnh xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe sinh sản, truyền thông giáo dục sức khỏe, dân số, kế hoạch hóa gia đình, trên cơ sở kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế trên địa bàn huyện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

- Triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về phòng - chống dịch bệnh, HIV/AIDS, các bệnh xã hội, tai nạn thương tích, sức khỏe lao động và bệnh nghề nghiệp; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe môi trường, sức khỏe học đường, dinh dưỡng cộng đồng, an toàn vệ sinh thực phẩm và truyền

thông giáo dục sức khỏe, công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình theo phân cấp và theo quy định của pháp luật.

- Trực tiếp quản lý và hướng dẫn, giám sát chuyên môn, kỹ thuật về các hoạt động thuộc lĩnh vực phụ trách đối với phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế xã, thị trấn, các cơ sở y tế trên địa bàn huyện.

- Tham gia đào tạo, đào tạo lại, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực phụ trách cho cán bộ y tế cấp xã, nhân viên y tế ấp, khám và các cán bộ khác.

- Nghiên cứu và tham gia nghiên cứu, ứng dụng khoa học về lĩnh vực liên quan.

- Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế quốc gia và các dự án khác được Sở Y tế phân công.

- Thực hiện quản lý cán bộ, chế độ chính sách, khen thưởng kỷ luật đối với công chức, viên chức, và quản lý tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các chế độ thông kê, báo cáo theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ về quyền hạn khác do Giám đốc Sở Y tế và UBND huyện giao.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy:

2.1. Lãnh đạo trung tâm:

- Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải có Giám đốc và 02 Phó Giám đốc; Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm; Phó Giám đốc là người giúp Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo phân cấp của UBND tỉnh.

2.2. Các phòng, khoa chuyên môn giúp việc:

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải trình Giám đốc Sở Y tế quyết định thành lập phòng, khoa cho phù hợp, bảo đảm tinh gọn, không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các phòng, khoa.

2.3. Về biên chế:

Biên chế Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải do Giám đốc Sở Y tế quyết định theo chỉ tiêu được duyệt năm 2010; quá trình tổ chức thực hiện, Giám đốc Sở Y tế xem xét sẽ điều tiết biên chế chung của toàn ngành cho phù hợp.

3. Các đơn vị trực thuộc Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải, gồm:

- Phòng khám Đa khoa khu vực Dân Thành.

- Trạm Y tế thị trấn Duyên Hải.

- Trạm Y tế thị trấn Long Khánh.

- Trạm Y tế xã Long Vĩnh.

- Trạm Y tế xã Long Toàn.

- Trạm Y tế xã Long Hòa.
- Trạm Y tế xã Đông Hải.
- Trạm Y tế xã Hiệp Thành.
- Trạm Y tế xã Long Hữu.
- Trạm Y tế xã Ngũ Lạc.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký; các quyết định trước đây quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Y tế phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải và các ngành có liên quan tổ chức bàn giao về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản,...

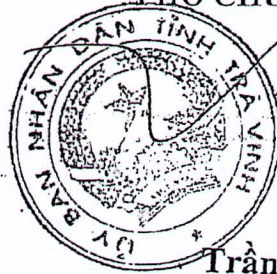
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải, Thủ trưởng các Sở - Ban ngành tỉnh và Chủ tịch UBND huyện Duyên Hải chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU; TT.HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Ban TC Tỉnh ủy;
- Như điều 4;
- LĐVP + Phòng NC.NC
- Lưu: VT.

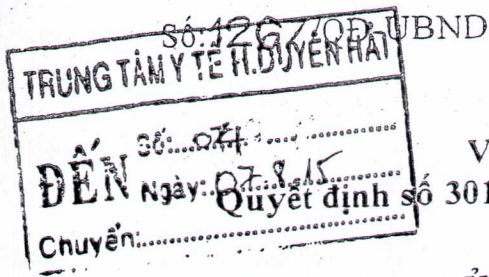
Đã 2007/UBND Thành lập Trung tâm Đầu số KHGD huyện Duyên Hải

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Khiêu

Trà Vinh, ngày 31 tháng 7 năm 2015



QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 1

Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND tỉnh Trà Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BYT-BNV ngày 25/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế, Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải;

Xét Tờ trình số 157/SYT.TCCB ngày 08/7/2015 của Giám đốc Sở Y tế, Tờ trình số 311/TTr-SNV ngày 17/7/2015 của Giám đốc Sở Nội vụ và đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh như sau:

“3. Các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải:

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải có các Trạm Y tế đặt trên địa bàn các xã, thị trấn, gồm:

- Trạm Y tế thị trấn Long Thành
- Trạm Y tế xã Long Khánh.
- Trạm Y tế xã Long Vĩnh.
- Trạm Y tế xã Ngũ Lạc.
- Trạm Y tế xã Đông Hải.
- Trạm Y tế xã Đôn Châu.
- Trạm Y tế xã Đôn Xuân.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 556/..... Quyền số: 02/SCT/BS
TT.Long Thành, ngày 09 tháng 9 năm 2015

CHỦ TỊCH



Dặng Văn Mười

Các Trạm Y tế xã, thị trấn là đơn vị chuyên môn kỹ thuật, có trụ sở, có con dấu riêng theo quy định của pháp luật.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.../.

Nơi nhận:

- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTC Tỉnh ủy;
- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (02 bản);
- Sở Y tế (06 bản);
- BLĐVP;
- Phòng NCVX;
- Lưu: VT, NCNC. 27 bản

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đông Văn Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH
Số: 681/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Trà Vinh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình
Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Công văn số 92/HĐND-VP ngày 25/3/2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 122/TTr-SKHĐT ngày 29/3/2016 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, với những nội dung chính như sau:

- 1. Tên Dự án:** Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải.
- 2. Chủ đầu tư:** Sở Y tế.
- 3. Tổ chức tư vấn lập dự án:** Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Trà Vinh.
- 4. Chủ nhiệm lập dự án:** KS. Phạm Hữu Phúc.
- 5. Mục tiêu đầu tư:** Tạo cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật khang trang và trang thiết bị hiện đại, hoàn chỉnh của một Bệnh viện cấp huyện, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân huyện Duyên Hải; đặc biệt là giải quyết khó khăn trong việc khám và điều trị bệnh cho người dân các xã cù lao mới bị chia cắt bởi dự án luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào sông Hậu, giảm rủi ro khi chuyển bệnh lên tuyến trên.

6. Nội dung và quy mô đầu tư: Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải được đầu tư xây dựng với quy mô 50 giường bệnh, gồm các hạng mục sau:

- Khoa cấp cứu - Khoa phẫu thuật - Khoa khám đa khoa và điều trị ngoại trú: Tổng diện tích sàn xây dựng 2.278,99 m²;

- Khối hành chính - Khoa dinh dưỡng: Tổng diện tích sàn xây dựng 1.009,40 m²;

- Khối kỹ thuật nghiệp vụ - Cận lâm Sàn - Khoa thăm dò chức năng: Tổng diện tích sàn xây dựng 1.358,71 m²;

- Khu điều trị nội trú 1: Tổng diện tích sàn xây dựng 1.264,65 m²;

- Khu điều trị nội trú 2: Tổng diện tích sàn xây dựng 1.033,30 m²;

- Khoa dược - Khoa quản lý chống nhiễm khuẩn: Tổng diện tích sàn xây dựng 759,05 m²;

- Đài nước 30 m³;

- Bể nước ngầm 200 m³;

- Khu tang lễ và giải phẫu bệnh: Tổng diện tích xây dựng 173,22 m²;

- Nhà bao che Hệ thống xử lý rác thải y tế - Kho chứa rác: Tổng diện tích xây dựng 160,20 m²;

- Khoa truyền nhiễm: Tổng diện tích xây dựng 117,47 m²;

- Nhà xe cấp cứu - nhà để máy phát điện: Tổng diện tích xây dựng 229,50 m²;

- Nhà xe nhân viên: Tổng diện tích xây dựng 76,80 m²;

- Nhà xe khách: Tổng diện tích xây dựng 96 m²;

- Hàng rào, cổng, nhà bảo vệ: Tổng chiều dài hàng rào 470,54 m; diện tích xây dựng nhà bảo vệ 8,4 m² (một nhà);

- Sân đường: Tổng diện tích 3.517 m² (sân bê tông nhựa nóng diện tích 3.117 m² và sân bê tông xi măng diện tích 400 m²);

- Hệ thống thoát nước - giếng thăm (03 giếng thăm);

- Sàn lắp mặt bằng: Diện tích sàn lắp 12.351 m²;

- Cây xanh, thảm cỏ: Diện tích 3.611 m²;

- Hệ thống cấp nước bên ngoài công trình (mạng ngoài);

- Hệ thống cấp điện và chiếu sáng ngoài nhà;

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy;

- Hệ thống chống sét và nổi đất;

- Hệ thống xử lý nước thải: Công suất 50 m³/ngày đêm;

- Trang thiết bị của dự án: Danh mục chi tiết từng loại trang thiết bị theo hồ sơ dự án.

7. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở): Giải pháp kỹ thuật của các hạng mục nêu tại khoản 6 thực hiện theo văn bản số 91/KQTĐ-SXD ngày 28/3/2016 của Sở Xây dựng và hồ sơ dự án.

8. Địa điểm xây dựng: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải.

9. Diện tích khu đất: 11.475 m².

10. Nhóm dự án và loại, cấp công trình:

- Nhóm dự án: Dự án nhóm B;

- Loại và cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III. ~~II~~

11. Thiết bị công nghệ:

- Hệ thống xử lý khử trùng chất thải rắn y tế;
- Hệ thống xử lý nước thải.

12. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Theo phương án của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải (chủ đầu tư sẽ trình bổ sung vào dự án khi có chủ trương của Hội đồng nhân dân tỉnh).

13. Tổng mức đầu tư: 119.609.451.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ, sáu trăm lẻ chín triệu, bốn trăm năm mươi một ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 53.581.683.978 đ;
- Chi phí thiết bị: 40.733.885.100 đ;
- Chi phí quản lý dự án: 1.550.547.956 đ;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 4.385.547.992 đ;
- Chi phí khác: 3.941.851.503 đ;
- Chi phí dự phòng: 15.415.934.471 đ.

14. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh và vốn vay ODA Ngân hàng Thế Giới.

- Ngân sách tỉnh: 11.960.945.100 đồng;
- Vốn vay ODA Ngân hàng Thế Giới: 107.648.505.900 đồng.

15. Hình thức quản lý: Theo quy định Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ.

16. Thời gian thực hiện: Năm 2016 - 2020.

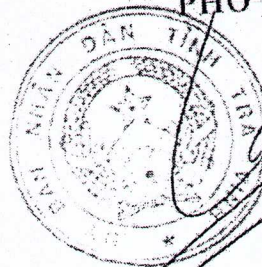
Điều 2. Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm trực tiếp về quy mô, hiệu quả của dự án, quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, yêu cầu, tổ chức thực hiện đạt tiêu chuẩn, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật của từng hạng mục công trình như hồ sơ được duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải; Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *TL*

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Kho Bạc NN TV;
- Ban LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng NC: KTTH;
- Lưu: VT, KTKT *h.ban*

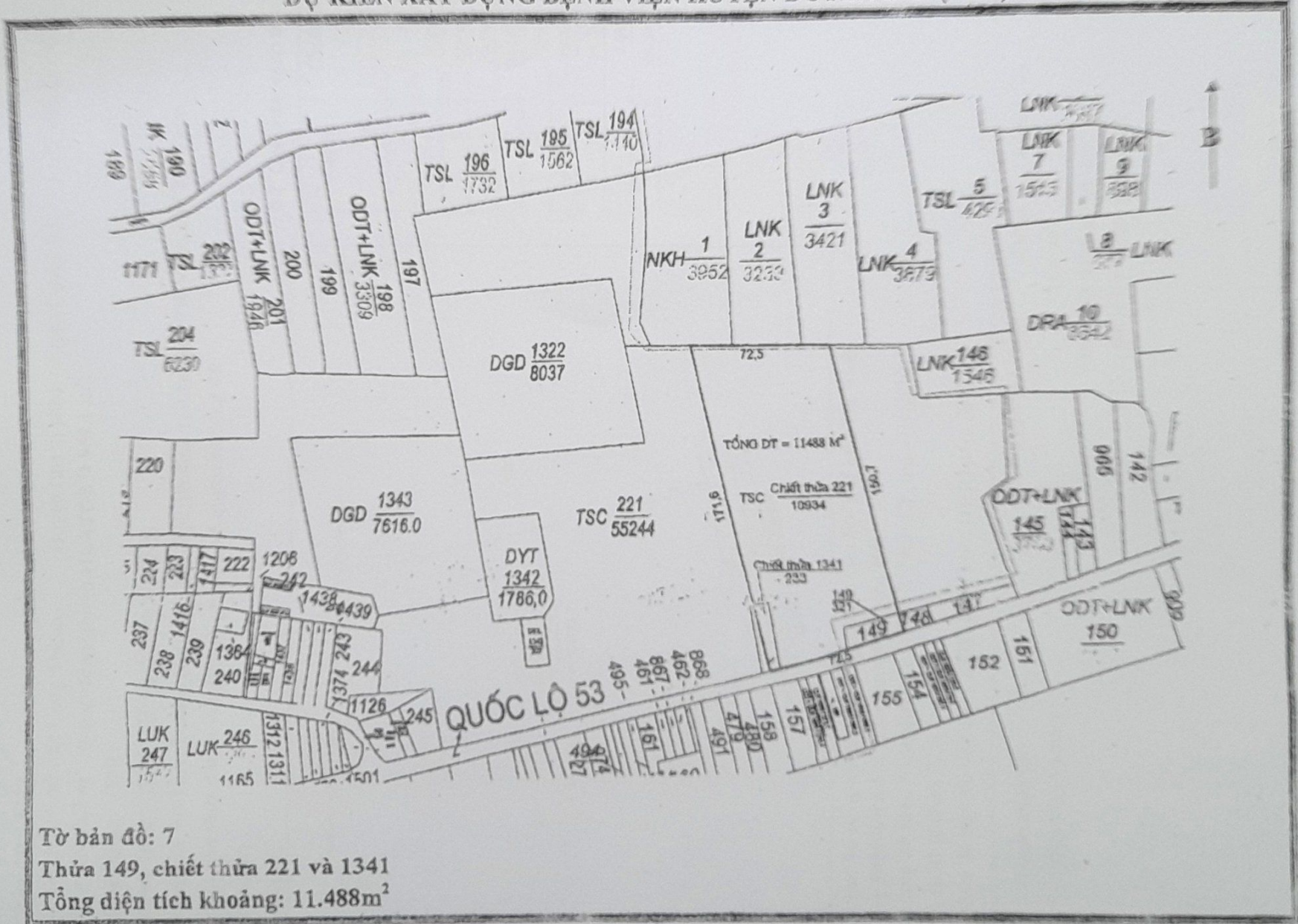


**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trung Hoàng

PHỤ LỤC 1.2

SƠ ĐỒ KHU ĐẤT
DỰ KIẾN XÂY DỰNG BỆNH VIỆN HUYỆN DUỖN HẢI (MỚI)



Tờ bản đồ: 7

Thửa 149, chiết thửa 221 và 1341

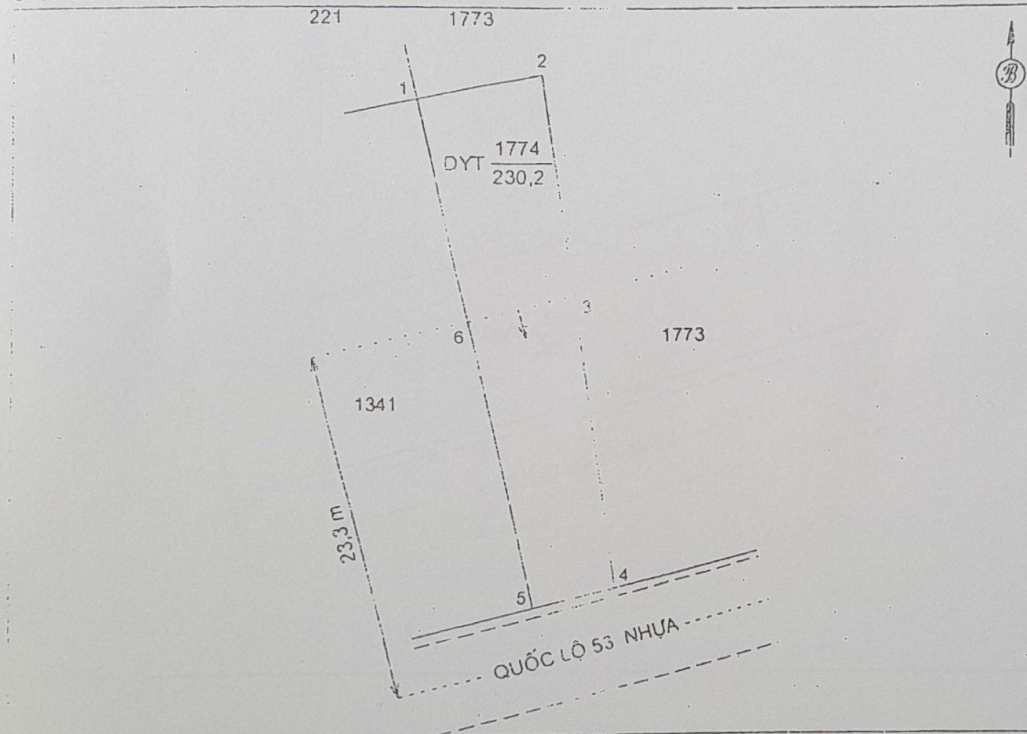
Tổng diện tích khoảng: 11.488m²

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số:/TL-VPĐKĐĐ

Tỷ lệ: 1/500

- 1. Số hiệu thửa đất: 1774 Tờ bản đồ số: 7
- Xã (phường, thị trấn): thị trấn Long Thành Huyện (thành phố): huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh
- 2. Diện tích: 230,2 m² (trong đó diện tích HŁATĐB là 120,5 m²)
- 3. Mục đích sử dụng: DYT
- 4. Tên người sử dụng: SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH
- Địa chỉ thường trú: Số 16A, Đường Nguyễn Thái Học, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- 5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất
- 6. Bản vẽ thửa đất:
- 6.1. Sơ đồ thửa đất



6.2. Chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)
1 - 2	7,88
2 - 3	14,76
3 - 4	19,97
4 - 5	5,41
5 - 6	19,77
6 - 1	15,12

- Trích lục phục vụ công tác lập hồ sơ giao đất cho Sở Y tế tỉnh Trà Vinh để xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải.
- Chỉ giới đường đỏ theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP, ngày 24/2/2010.
- Thửa 1774 chiết từ thửa 1341.
- Trích lục theo tài liệu đo đạc năm 1998, được biên tập lại năm 2012.

Người trích lục
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Hữu Thọ

Trà Vinh, ngày ... tháng ... năm 2016

Giám đốc

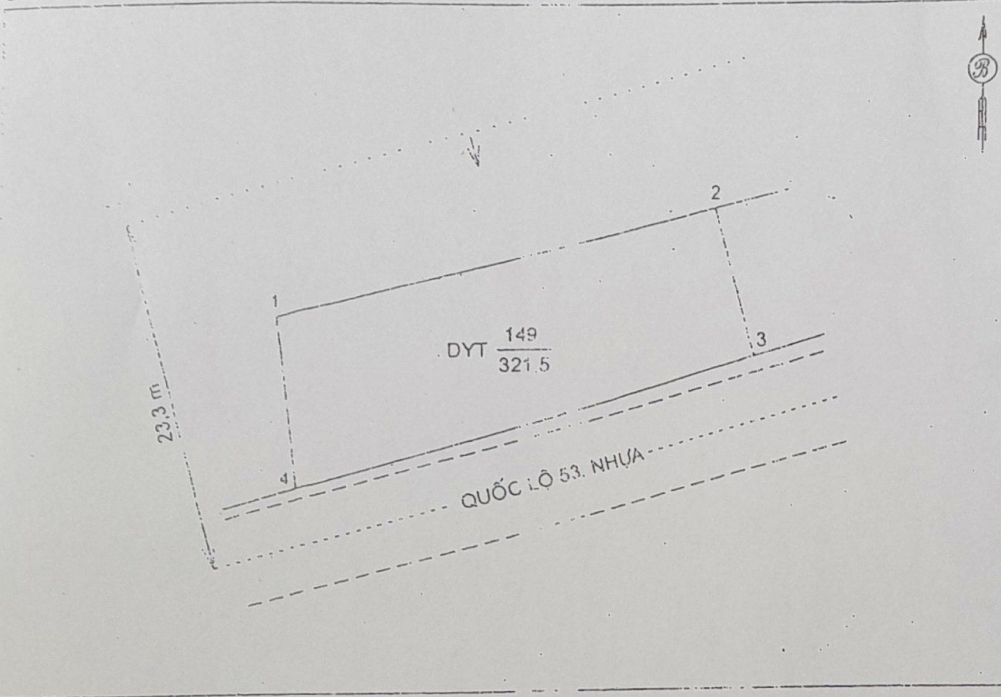
Văn phòng đăng ký đất đai
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số/TL VPĐKĐĐ

Tỷ lệ: 1/500

- Số hiệu thửa đất: 149 Tờ bản đồ số: 8
- Xã (phường, thị trấn): thị trấn Long Thành Huyện (thành phố): huyện Duyên Hải tỉnh: Trà Vinh
- Diện tích: 321,5 m² (trong đó diện tích H/LATĐB là: 321,5 m²)
- Mục đích sử dụng: DYT
- Tên người sử dụng: SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH
- Địa chỉ thường trú: Số 16A, Đường Nguyễn Thái Học, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
- Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất
- Bản vẽ thửa đất:
 - Sơ đồ thửa đất
 - Chiều dài cạnh thửa



6.2. Chiều dài cạnh thửa

Cạnh	Chiều dài (m)
1-2	29,42
2-3	9,96
3-4	31,14
4-1	11,38

- Trích lục phục vụ công tác lập hồ sơ giao đất cho Sở Y tế tỉnh Trà Vinh để xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải.
- Chỉ giới đường đỏ theo Nghị định số: 11/2010/NĐ-CP, ngày 24/02/2010
- Trích lục theo tài liệu đo đạc năm 1998, được biên tập lại năm 2012.

Người trích lục
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Hữu Thọ

Trà Vinh, ngày .. tháng .. năm 2016

Giám đốc

Văn phòng đăng ký đất đai
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 1.3

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

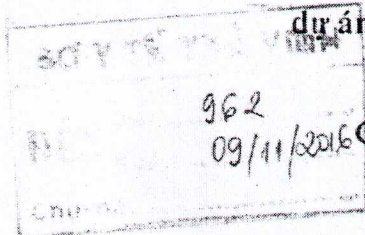
Số: 2327/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 27 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
dự án "Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH



Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh" họp ngày 09/9/2016;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh" đã được bổ sung, chỉnh sửa gửi kèm Công văn số 1425/SYT-KHTC ngày 14/10/2016 của Sở Y tế;

Xét Tờ trình số 509/TTr-STNMT ngày 24 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh",

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Bệnh viện Đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh" (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Sở Y tế tỉnh Trà Vinh (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô và công suất của Dự án:

1.1. Vị trí thực hiện: Thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

1.2. Diện tích: 11.488 m² (do UBND thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải quản lý, đã được ghi nhận điều chỉnh Quy hoạch tại Công văn số 89/UBND-KT ngày 26/02/2016 của UBND huyện Duyên Hải về việc thống nhất vị trí xây dựng Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải).

1.3. Quy mô và công suất: 50 giường bệnh.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Thiết kế, xây dựng, vận hành liên tục và giám sát chặt chẽ các công trình xử lý môi trường đảm bảo xử lý chất thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn thông thường, y tế, nguy hại phát sinh từ sinh hoạt và hoạt động của bệnh viện đảm bảo không để phát tán gây ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh dự án; quản lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định.

2.3. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường; ứng phó rủi ro, sự cố phát sinh; chương trình giám sát môi trường và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra.

2.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe của công nhân, người dân xung quanh khu vực dự án phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Đồng thời, chủ dự án phải thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ Dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân

huyện Duyên Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 5;
- PCVP Nguyễn Thanh Tâm;
- Lưu: VT, PNC NN, *4260/01*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng

Trà Vinh, ngày 03 tháng 4 năm 2019

SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI
Mã số QLCTNH: **84.000128.T**
(Cấp lần: 2)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

- Tên: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI
- Địa chỉ văn phòng: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.
- Điện thoại: 0294.3738.022;
- E-mail: hcthttytduyenhai@gmail.com.
- Quyết định thành lập số: Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 23/02/2010 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH) đã đăng ký các cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách chất thải nguy hại tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Chịu trách nhiệm và đảm bảo tính chính xác của việc kê khai các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của đơn vị (cơ sở).

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động và thay thế Sổ đăng ký có mã số QLCTNH: 84.000073.T cấp lần 01 ngày 25/9/2014 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải. *hct*

Nơi nhận:

- Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải;
- Lưu: VT, MT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đặng Văn Điền

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số **QLCTNH: 84.000128.T**
do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh
cấp lần 2, ngày 03 tháng 4 năm 2019)

1. Cơ sở phát sinh CTNH

TT	Tên cơ sở phát sinh CTNH	Địa chỉ	Quyết định thành lập	Điện thoại
01	Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải	Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải	Số 301/QĐ-UBND ngày 23/02/2010	0294.3738022
02	Trạm Y tế thị trấn Long Thành	Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải	Số 364/QĐ-UBND ngày 23/03/2012	0294.3837018
03	Trạm Y tế xã Long Khánh	Áp Tân Thành, xã Long Khánh, huyện Duyên Hải	Số 1267/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	0294.3837175
04	Trạm Y tế xã Đông Hải	Áp Định An, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải	Số 1267/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	0294.3737119
05	Trạm Y tế xã Long Vĩnh	Áp Kênh Đào, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải	Số 1267/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	0294.3830035
06	Trạm Y tế xã Ngũ Lạc	Áp Cây Da, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải	Số 1267/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	0294.3737014
07	Trạm Y tế xã Đôn Châu	Áp La Bang Chợ, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải	Số 1267/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	0294.3776065
08	Trạm Y tế xã Đôn Xuân	Áp Chợ, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải	Số 1267/QĐ-UBND ngày 31/7/2015	0294.3876288

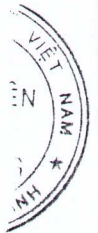
2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

TT	Tên cơ sở phát sinh CTNH	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/ lỏng/ bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
01	Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải	1. Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	Rắn	280	13 01 01
		2. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	01	16 01 06
		3. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
		4. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh, composit,...)	Rắn	50	18 01 04
Tổng số lượng				332	
02	Trạm Y tế TT Long Thành	1. Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	Rắn	24	13 01 01
		2. Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	02	13 01 02
		3. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	01	16 01 06
		4. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
		5. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh, composit,...)	Rắn	15	18 01 04
Tổng số lượng				43	
03	Trạm Y tế xã Long Khánh	1. Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	Rắn	28	13 01 01
		2. Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	02	13 01 02

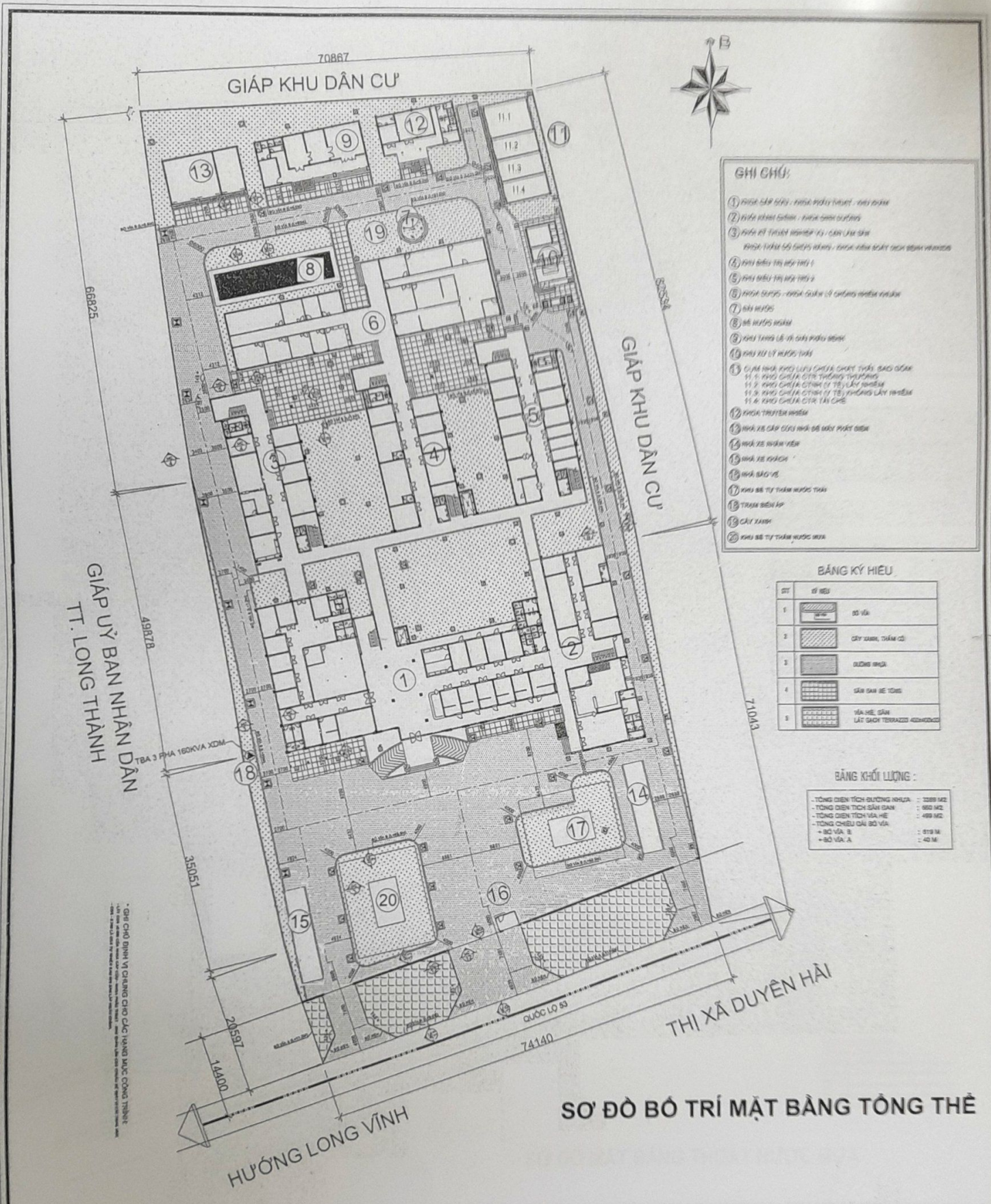
		3. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	01	16 01 06
		4. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
		5. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh, composit,...)	Rắn	20	18 01 04
Tổng số lượng				52	
04	Trạm Y tế xã Ngũ Lạc	1. Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	Rắn	29	13 01 01
		2. Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	02	13 01 02
		3. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	01	16 01 06
		4. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
		5. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh, composit,...)	Rắn	20	18 01 04
Tổng số lượng				53	
05	Trạm Y tế xã Đông Hải	1. Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	Rắn	30	13 01 01
		2. Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	02	13 01 02
		3. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	01	16 01 06
		4. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
		5. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh, composit,...)	Rắn	20	18 01 04

Tổng số lượng			54		
06	Trạm Y tế xã Long Vĩnh	1. Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	Rắn	29	13 01 01
		2. Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	02	13 01 02
		3. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	01	16 01 06
		4. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
		5. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh, composit,...)	Rắn	20	18 01 04
Tổng số lượng			53		
07	Trạm Y tế xã Đôn Châu	1. Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	Rắn	30	13 01 01
		2. Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	02	13 01 02
		3. Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	01	16 01 06
		4. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
		5. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh, composit,...)	Rắn	20	18 01 04
Tổng số lượng			54		
08	Trạm Y tế xã Đôn Xuân	1. Chất thải lây nhiễm (bao gồm các chất thải sắc nhọn)	Rắn	30	13 01 01
		2. Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	02	13 01 02
		3. Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	01	16 01 06

	và các loại thủy tinh hoạt tính thải			
	4. Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	01	08 02 04
	5. Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (thủy tinh, composit,...)	Rắn	20	18 01 04
Tổng số lượng			54	
TỔNG CỘNG			695	



PHỤ LỤC 1.4



- GHI CHÚ:**
- ① NHÀ CẤP ĐIỆN - NHÀ ĐIỆN TỬ - NHÀ ĐIỆN
 - ② NHÀ KHU CÁN BỘ - NHÀ QUẢN LÝ
 - ③ NHÀ TỰ THỰC HIỆN 15 - CÁN LÂM SÂN
 - ④ NHÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH TẬT
 - ⑤ NHÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH TẬT
 - ⑥ NHÀ ĐÀNG - NHÀ ĐÀNG LƯU CHỮA BỆNH
 - ⑦ NHÀ HƯỚNG
 - ⑧ NHÀ HƯỚNG
 - ⑨ NHÀ TẠNG LƯU CHỮA BỆNH
 - ⑩ NHÀ XỬ LÝ HƯỚC THẢI
 - ⑪ CĂN NHÀ KINH LƯU CHỮA BỆNH
 - 11.1. KHU CHỮA BỆNH
 - 11.2. KHU CHỮA BỆNH
 - 11.3. KHU CHỮA BỆNH
 - 11.4. KHU CHỮA BỆNH
 - ⑫ NHÀ TRUYỀN BỆNH
 - ⑬ NHÀ XE CẤP CỨU NHÀ ĐÀNG PHÁP QUÂN
 - ⑭ NHÀ XE HƯỚNG
 - ⑮ NHÀ XE KHU CÁN BỘ
 - ⑯ NHÀ BẢO VỆ
 - ⑰ NHÀ XE TỰ THỰC HIỆN 15
 - ⑱ TRẠM ĐIỆN AP
 - ⑲ CÂY XANH
 - ⑳ NHÀ XE TỰ THỰC HIỆN 15

BẢNG KÝ HIỆU

STT	KÝ HIỆU	Ý NGHĨA
1		BÊ TÔNG
2		BRICK, THẠM CỎ
3		ĐƯỜNG BÊ TÔNG
4		SÀN SÁM HẸ TỶ
5		MẶT SÀN LÁT GẠCH TERRAZZO

BẢNG KHỐI LƯỢNG :

- TỔNG DIỆN TÍCH ĐƯỜNG NỘI	3289 M ²
- TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SÁM	880 M ²
- TỔNG DIỆN TÍCH MẶT SÀN	489 M ²
- TỔNG CHIEU DÀI BỜ VƯỜN	919 M
- BỜ VƯỜN B	42 M
- BỜ VƯỜN A	42 M

GIÁP ỦY BAN NHÂN DÂN
TT. LONG THÀNH

... GIỚI CHỮ ĐINH VÀ CHỮNG CHỮ CẤP HẠNG MẠC CÔNG TRÌNH ...

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ MẶT BẰNG TỔNG THỂ

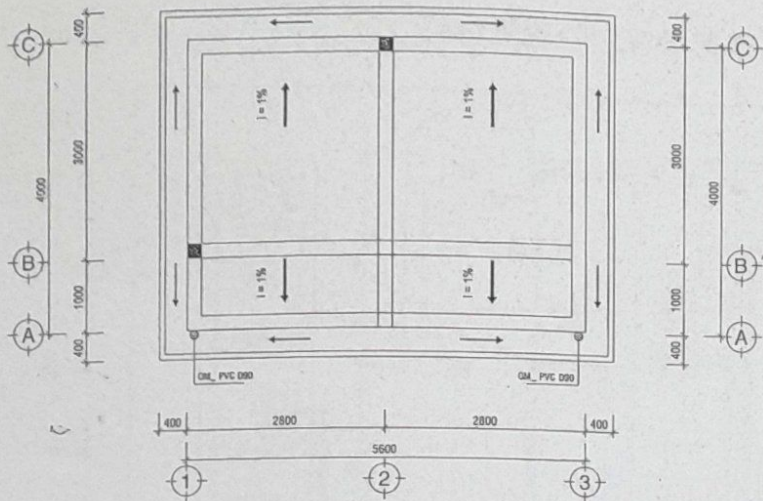
<p>CHỈ DẪN</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>
<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>	<p>PHỤ TẠCH</p>

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HẢI DƯƠNG

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ



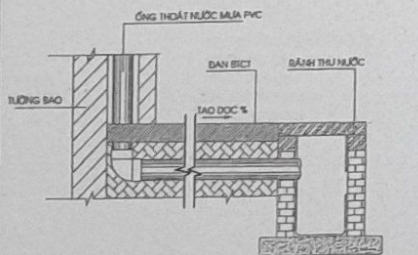
MB THOÁT NƯỚC MƯA MÁI TL: 1/50

GHI CHÚ:

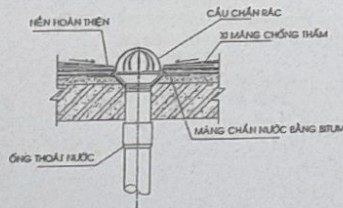
- ỨNG THOÁT NƯỚC MƯA (OM - DÙNG ỨNG PVC)
- CHIỀU NƯỚC CHẢY TRONG ỨNG, ĐỘ ĐỐC $\geq 1/10$
- PVC D90 L3 : LOẠI ỨNG - ĐƯỜNG KÍNH - CHIỀU DÀI ỨNG
- OM_PVC D90: ỨNG THOÁT NƯỚC MƯA MÁI ỨNG PVC D90

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

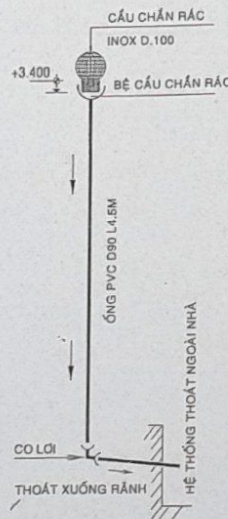
STT	LOẠI VẬT TƯ	KÍ HIỆU	SỐ LƯỢNG	ĐVT	GHI CHÚ
1	ỨNG PVC D.90	—	22	M	50 x 5,3 x 4
2	CỔ PVC D.90	—	2	CÁI	LOẠI DÂY
3	CẦU CHẮN RÁC INOX (204) D.100	—	2	BỘ	LOẠI I



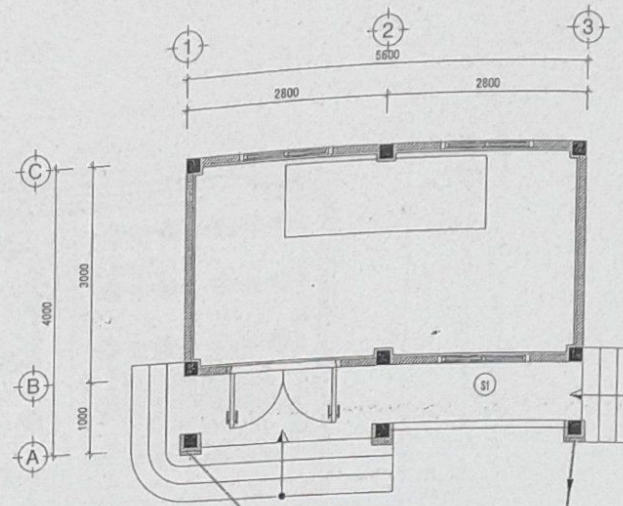
CHI TIẾT THOÁT NƯỚC MƯA TL: 1/10



CHI TIẾT LẮP ĐẶT CẦU CHẮN RÁC TL: 1/10



SƠ ĐỒ KHÔNG GIANG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TL: 1/50



MB THOÁT NƯỚC MƯA HẠ TẦNG TL: 1/50

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 1798/24/ĐE/TT
 Ngày: 24. tháng 08. Năm 2017.
 Ký tên: *[Signature]*
LƯƠNG VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:
SỞ Y TẾ TRÀ VINH

DỰ ÁN:
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN
DUYÊN HẢI

ĐỊA CHỈ: T.7 LONG THÀNH, HUYỆN DUYÊN HẢI,
TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

BỘ MỘT TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT &
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHÀ XINH



PHÓ GIÁM ĐỐC:

THS. NG TUẤN PHƯƠNG	<i>[Signature]</i>
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:	
THS. NG TUẤN PHƯƠNG	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRƯ:	
KS. VŨ THANH CƯỜNG	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ:	
KS. VŨ THANH CƯỜNG	<i>[Signature]</i>
HỌA:	
KS. ĐẶNG NGỌC BÌNH	<i>[Signature]</i>
KÈM:	
KS. ĐÀO VĂN BIỆP	<i>[Signature]</i>

TÊN BẢN VẼ:

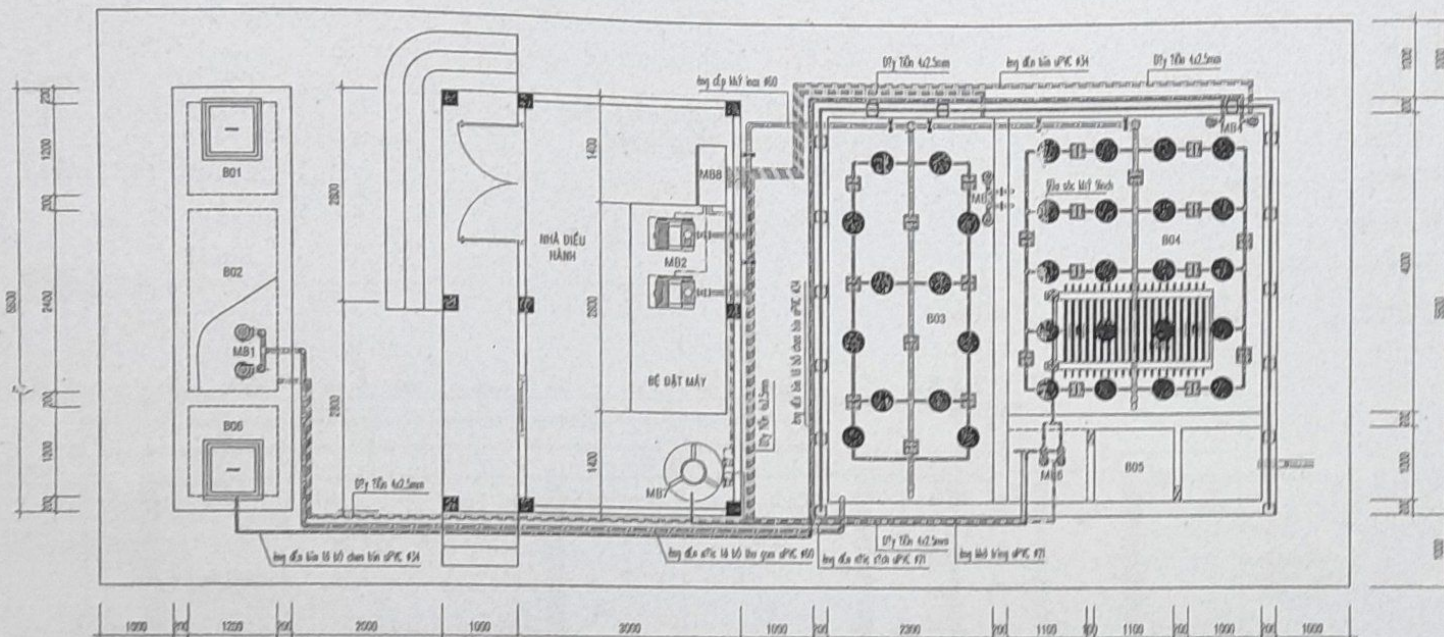
- MB THOÁT NƯỚC MƯA

ĐỊA CHỈ:

PHÁT HÀNH NGÀY	2017
PHÁT HÀNH LẦN	01
LOẠI BẢN VẼ	TKTC
BẢN VẼ SỐ	N - 01/01

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TL 1/50



GHI CHÚ:

- B01. NGĂN DẬP BONG CHẤM RÁC
- B02. BỂ THU GOM
- B03. BỂ ĐIỀU HÒA
- B04. BỂ SINH HỌC MBBR
- B05. BỂ KHỬ THIONG
- B06. BỂ CHỨA BƠM

- MB1. BƠM NHÓNG CHẤM BỂ THU GOM
- MB2. MÁY THỔI KHÍ
- MB3. BƠM NHÓNG CHẤM BỂ ĐIỀU HÒA
- MB4. BƠM NHÓNG CHẤM BỂ SINH HỌC MBBR
- MB5. CỤM MÀNG LỌC MAF
- MB6. BƠM LỌC MÀNG THỰC HOANG
- MB7. CỤM HOÁ CHẤT KHỬ THIONG

THỐNG KÊ VẬT TƯ LẮP ĐẶT

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	ống UPVC Ø90, Ø60, Ø34, Ø21	m	20-75-100-20
2	CỐI UPVC Ø90, Ø60, Ø34, Ø21	c/đ	4-25-30-6
3	T' UPVC Ø60, Ø34, Ø21	c/đ	20-15-2
4	T' ống UPVC Ø34/27	c/đ	32
5	Cột m UPVC Ø60/34, nôi rỗng Ø60	c/đ	08-10
6	Van bướm Ø60	c/đ	04
7	Van 1 chiều 1/2" Ø60	c/đ	
8	Bịch nhão Ø60	c/đ	
9	Van khóa nhão Ø60, Ø34	c/đ	
10	Rtc ca nhão Ø60, Ø34	c/đ	
11	Ống thép thí khí Ø270mm	c/đ	20
12	Ống thép thí khí Ø270mm	c/đ	12
13	ống inox Ø60	m	20
14	Cá inox Ø60	c/đ	10
15	Bịch inox Ø60	c/đ	06
16	Ống thép 4x2.5mm	m	150

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HIỆN TANG VÀNG
CHẤM TRÁ
 Theo Văn bản số: 179924/95/11
 Ngày 24 tháng 04 năm 2017

(Signature)
LƯƠNG VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:
 BỐ Y TẾ TRÀ VINH

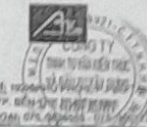
ĐƠN VỊ:
 BỆNH VIỆN ĐA KHOA
 HUYỆN DUYÊN HẢI

ĐƠN VỊ THI CÔNG:
 BÀ CHỊ T.T LONG THÀNH,
 K. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

ĐIỀU KIỆN:
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG LÝ CHẤT THẢI)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KINH THƯƠNG &
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

PHẠM XINH



P. QUẢN ĐỐC:

THS. NG. TUẤN PHƯƠNG

CHỦ NHẬN THIẾT KẾ:

THS. NG. TUẤN PHƯƠNG

CHỦ TRƯỞNG:

KTS. TRẦN NGỌC VINH

THIẾT KẾ:

KTS. CHU THỊ VĂN ANH

HOẠ:

KTS. CHU THỊ VĂN ANH

KIỂM:

KTS. TRẦN NGỌC VINH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ HỆ
 THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WKS.ĐỒ:

PHÁT HÀNH NGÀY:

2017

PHÁT HÀNH LẦN:

01

LOẠI BẢN VẼ:

THIẾT KẾ

BẢN VẼ SỐ:

KT - 01/04

CHỦ ĐẦU TƯ:
SỞ Y TẾ TRÀ VINH

ĐV ANH:
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN DUYÊN HẢI

ĐỊA CHỈ: T.T. LONG THÀNH,
H. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

HANG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(CÔNG NGHỆ MBR THÔNG LY QUẠT TRÁM)
CÔNG SUẤT 50M³/NGÀY.ĐÊM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT &
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHÀ XINH



CÔNG TY
TỔNG TƯ VẤN KỸ THUẬT
ĐIỀU KHIỂN VÀ GIÁM ĐỐC
TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
DIỆN THOẠI: 028. 4444.1111 / 0907. 70...

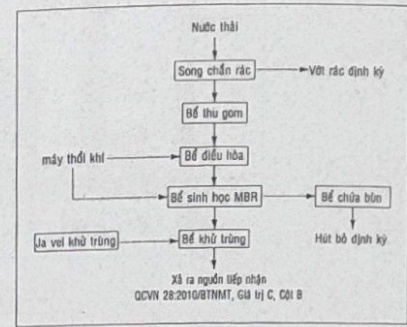
P. GIÁM ĐỐC:
THS. NG. TUẤN PHƯƠNG
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:
THS. NG. TUẤN PHƯƠNG
CHỦ TRƯ:
KTS. TRẦN NGỌC VINH
THIẾT KẾ:
KTS. CHU THỊ VÂN ANH
HỌA:
KTS. CHU THỊ VÂN ANH
KIỂM:
KTS. TRẦN NGỌC VINH

TÊN BẢN VẼ:
MẶT CẮT DỌC HỆ THỐNG
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

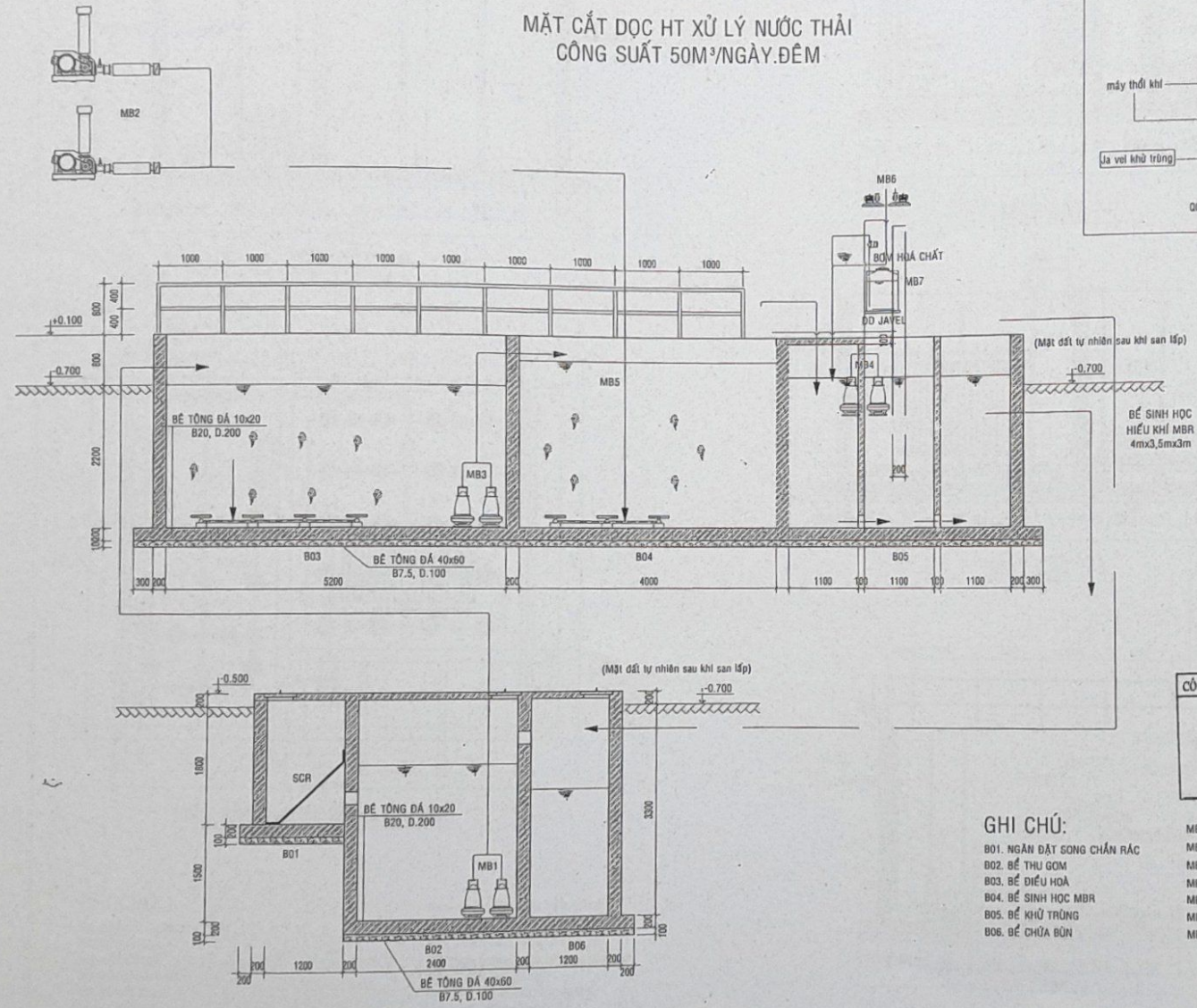
GHỊ CHỮ:

PHÁT HÀNH NGÀY	2017
PHÁT HÀNH LẦN	01
LOẠI BẢN VẼ	TK-KTTC
BẢN VẼ SỐ	KT - 02/04

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ



**MẶT CẮT DỌC HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT 50M³/NGÀY.ĐÊM**



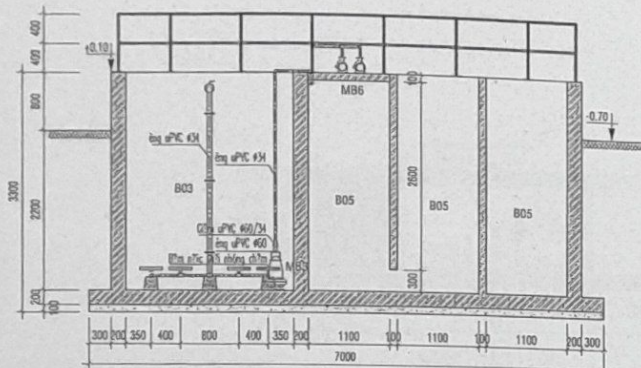
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NIÊN TĂNG VÀNG
THẨM TRA
Theo Văn bản số 70876/BC17
Ngày 24 tháng 08 năm 2017
Ký tên: *[Signature]*

GHỊ CHỮ:

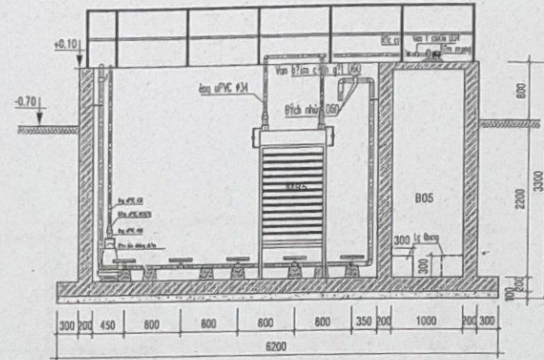
- B01. NGĂN ĐẶT SONG CHẮN RÁC
- B02. BỂ THU GOM
- B03. BỂ ĐIỀU HÒA
- B04. BỂ SINH HỌC MBR
- B05. BỂ KHỬ TRÙNG
- B06. BỂ CHỨA Bùn

- MB1. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ THU GOM
- MB2. MÁY THỔI KHÍ
- MB3. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ ĐIỀU HÒA
- MB4. BƠM NHÚNG CHÌM BỂ SINH HỌC MBR
- MB5. CỤM MÀNG LỌC MF
- MB6. BƠM LỌC MÀNG TRỤC NGANG
- MB7. CỤM HOÀ CHẤT KHỬ TRÙNG

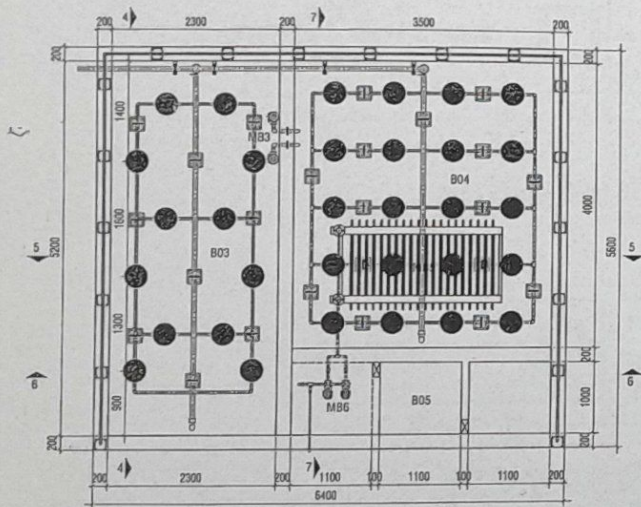
LUÔNG VĂN HẢI



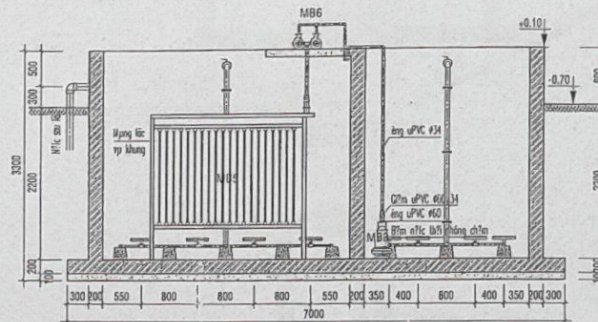
MẶT CẮT 6-6



MẶT CẮT 7-7



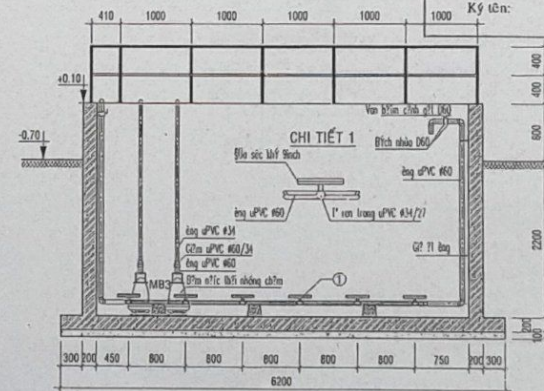
MẶT BẰNG CỤM BỂ SINH HỌC



MẶT CẮT 5-5

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
 Theo Văn bản số 170824/BCTT
 Ngày 24. tháng 8. Năm 2017.
 Ký tên:

LƯƠNG VĂN HẢI



MẶT CẮT 4-4

GHI CHÚ:

- B01. NGĂN DẬP SONG CHẤM RÁC
- B02. BỂ THU GOM
- B03. BỂ ĐIỀU HOÀ
- B04. BỂ SINH HỌC MBR
- B05. BỂ KHỬ TRÙNG
- B06. BỂ CHỨA BÙN

- MB1. BƠM NHỰNG CHẤM BỂ THU GOM
- MB2. MÁY THỔI KHÍ
- MB3. BƠM NHỰNG CHẤM BỂ ĐIỀU HOÀ
- MB4. BƠM NHỰNG CHẤM BỂ SINH HỌC MBR
- MB5. CỤM MĂNG LỌC MF
- MB6. BƠM LỌC MĂNG TRỰC NGANG
- MB7. CỤM HOÁ CHẤT KHỬ TRÙNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
 SỞ Y TẾ TRÀ VINH

DỰ ÁN:
 BỆNH VIỆN ĐA KHOA
 HUYỆN DUYÊN HẢI

ĐỊA CHỈ: T.T. LONG THÁNH,
 H. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG LÝ CHẤT THẢI)

BỘN VỊ TIÊU VẤN:
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT &
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

PHẠ XỊNH



P. GIÁM ĐỐC:

THS. NG. TUẤN PHƯƠNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:

THS. NG. TUẤN PHƯƠNG

CHỦ THÌ:

KTS. TRẦN NGỌC VINH

THIẾT KẾ:

KTS. CHU THỊ VÂN ANH

HỌA:

KTS. CHU THỊ VÂN ANH

KIỂM:

KTS. TRẦN NGỌC VINH

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI

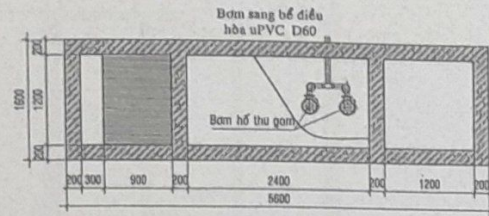
GHI CHÚ:

PHÁT HÀNH NGÀY: 2017

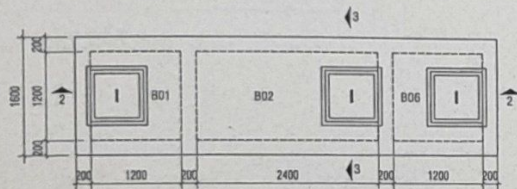
PHÁT HÀNH LẦN: 01

LOẠI BẢN VẼ: THỰC TẾ

BẢN VẼ SỐ: KT - 03/04

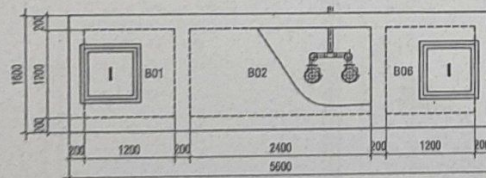


MẶT CẮT 1-1



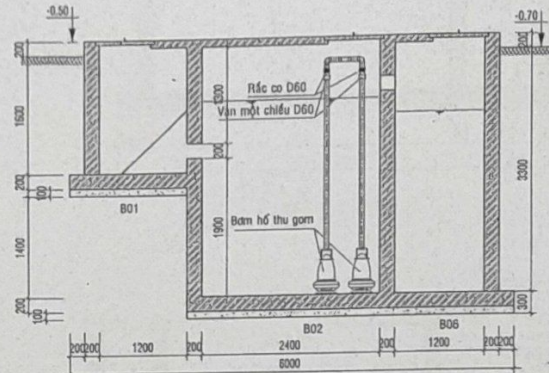
MẶT BẰNG CỤM BỂ

TL 1/50

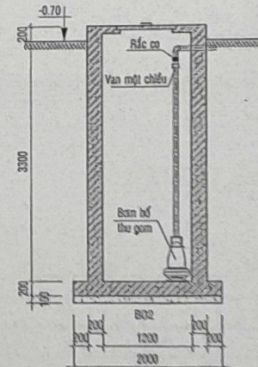


MẶT BẰNG CỤM BỂ

TL 1/50



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 3-3

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHÌN TANG VÀNG
THẨM TRA
 Theo Văn bản số 1111/2011/TT
 Ngày: 11 tháng 11 năm 2011
 Ký tên: *[Signature]*

LƯƠNG VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ
 SỞ Y TẾ TRÀ VINH

ĐƠN VỊ
 BỆNH VIỆN ĐA KHOA
 HUYỆN DUYÊN HẢI

ĐỊA CHỈ: T.T LONG THÀNH,
 H. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH
 HẠNG MỤC:
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG LÝ CHẤT THẢI)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC &
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHÀ KINH



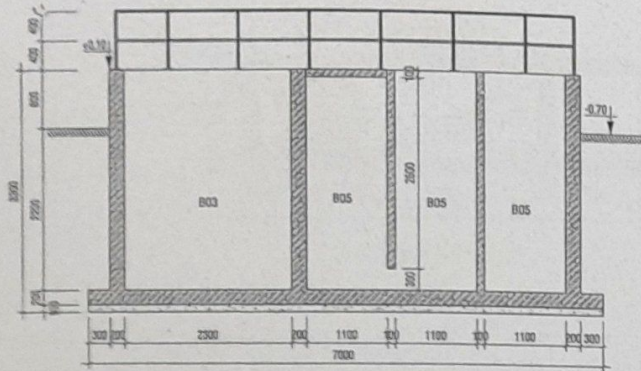
CÔNG TY
 ĐỊA CHỈ: TRẦN VĂN HỮU, SỐ 340, PHƯỜNG 1, TP. BẾN TRÉ, TP. BIÊN HÒA, TỈNH BIÊN HÒA
 ĐIỆN THOẠI: 076.33004188/21.579096770

F. GIÁM ĐỐC: *[Signature]*
 THS. NG. TUẤN PHƯƠNG
 CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:
 THS. NG. TUẤN PHƯƠNG
 CHỦ TRÌ:
 KTS. TRẦN NGỌC VINH
 THIẾT KẾ:
 KTS. CHU THỊ VĂN ANH
 HỌA:
 KTS. CHU THỊ VĂN ANH
 KIỂM:
 KTS. TRẦN NGỌC VINH

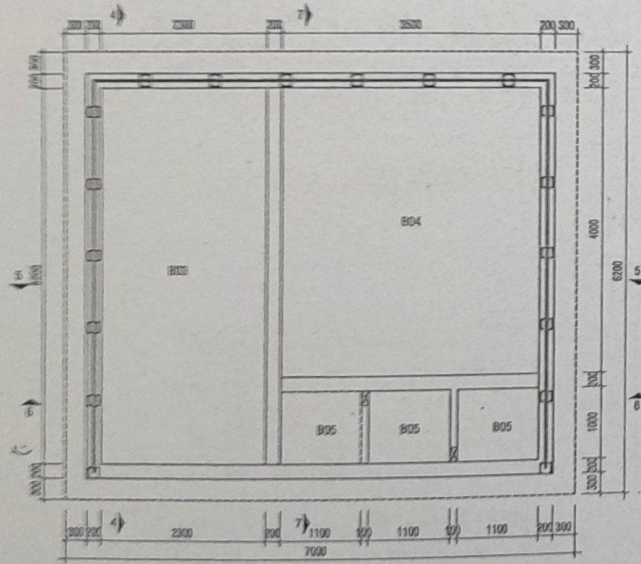
TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI

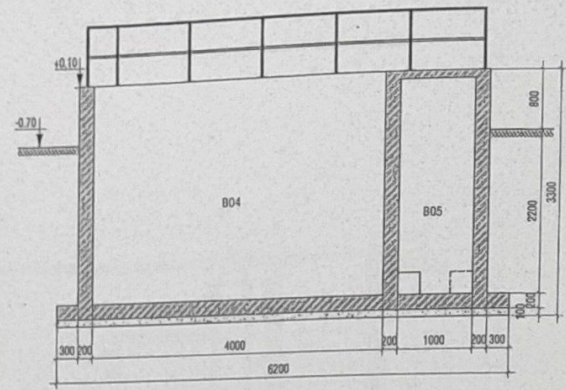
PHẠM VĂN HẢI	2011
PHẠM VĂN HẢI	01
LOẠI BẢN VẼ	TK/HTC
BẢN VẼ SỐ	KT - 01/01



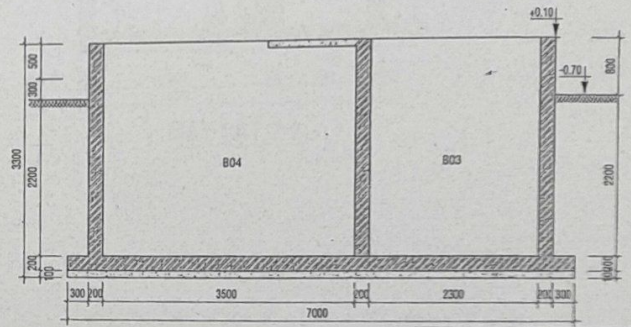
MẶT CẮT 6-6



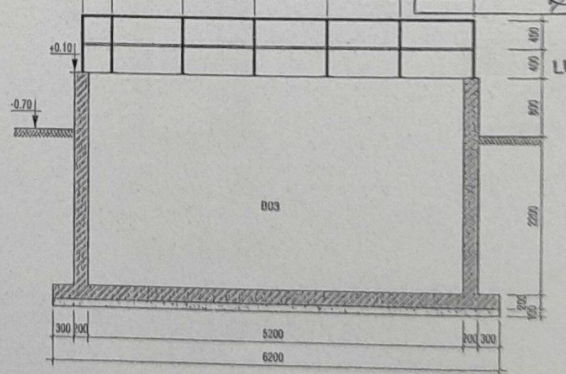
MẶT BẰNG CỤM BỂ SINH HỌC



MẶT CẮT 7-7



MẶT CẮT 5-5



MẶT CẮT 4-4

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG
THẨM TRA
 Theo Văn bản số 1111/2013-
 Ngày 24 tháng 11 năm 2013
 Ký tên: *KAS*

CHỦ ĐẦU TƯ:
 SỞ Y TẾ TRÀ VINH

DỰ ÁN:
 BỆNH VIỆN ĐA KHOA
 HUYỆN DUYÊN HẢI

BIÊN CHẾ T.T LONG THÀNH,
 H. DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH
 HẠNG MỤC:
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
 (BỂ SINH HỌC)

ĐƠN VỊ VÀN:
 CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC &
 ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

NHÀ XINH



P. GIÁM ĐỐC:
 TH.S. NG. TUẤN PHƯƠNG
 CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:
 TH.S. NG. TUẤN PHƯƠNG
 CHỦ TRÌ:
 KTS. TRẦN NGỌC MINH
 THIẾT KẾ:
 KTS. CHU THỊ VÂN ANH
 HDR:
 KTS. CHU THỊ VÂN ANH
 KIỂM:
 KTS. TRẦN NGỌC MINH

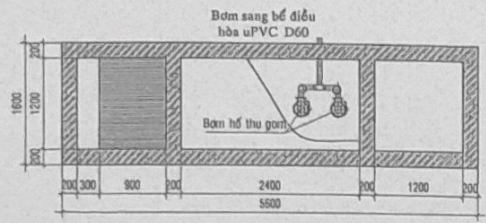
TÊN BÀN VẼ:
 KIẾN TRÚC BỂ SINH HỌC

PHÁT HÀNH NGÀY	2013
PHÁT HÀNH LẦN	01
LỜI BÀN VẼ	TỔNG TỌA
BẢN VẼ SỐ	KT - 01/01

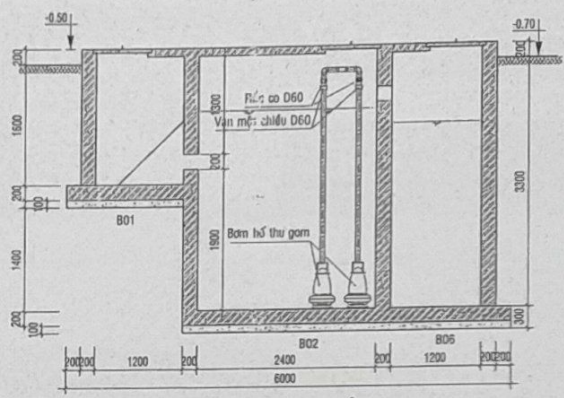


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NHÀ XINH
THẨM TRA
Theo yêu cầu số 10/2017/BCĐ
Ngày 24 tháng 01 năm 2017.
Ký tên: *[Signature]*

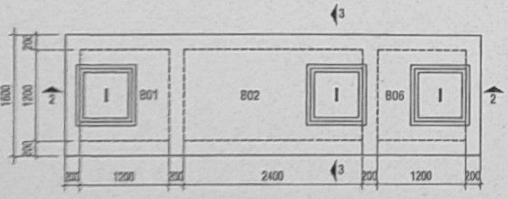
LIÊN XÂY DỰNG



MẶT CẮT 1-1

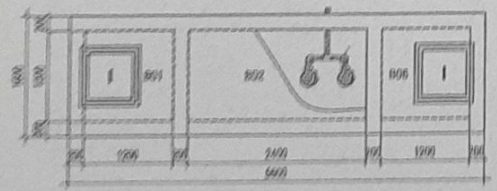


MẶT CẮT 2-2



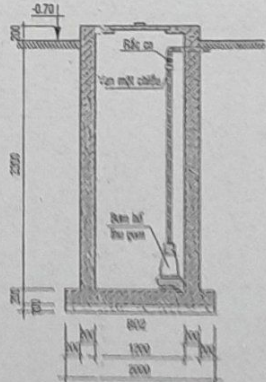
MẶT BẰNG CỤM BỂ

TL 1/50



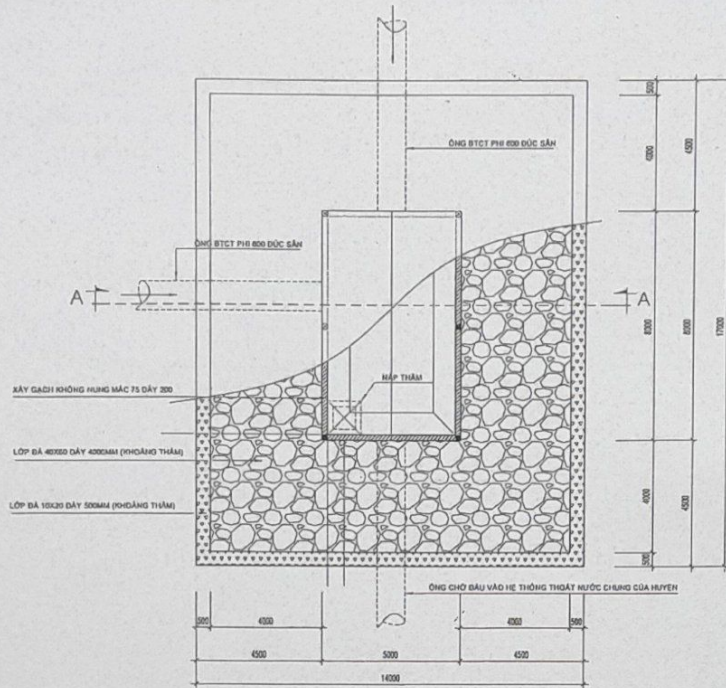
MẶT BẰNG CỤM BỂ

TL 1/50



MẶT CẮT 3-3

TH.Đ. NG. TUẤN PHƯƠNG	01/01/2017
KTS. TRẦN NGỌC VINH	01/01/2017
KTS. CHU THỊ VĂN ANH	01/01/2017
KTS. CHU THỊ VĂN ANH	01/01/2017
KTS. TRẦN NGỌC VINH	01/01/2017

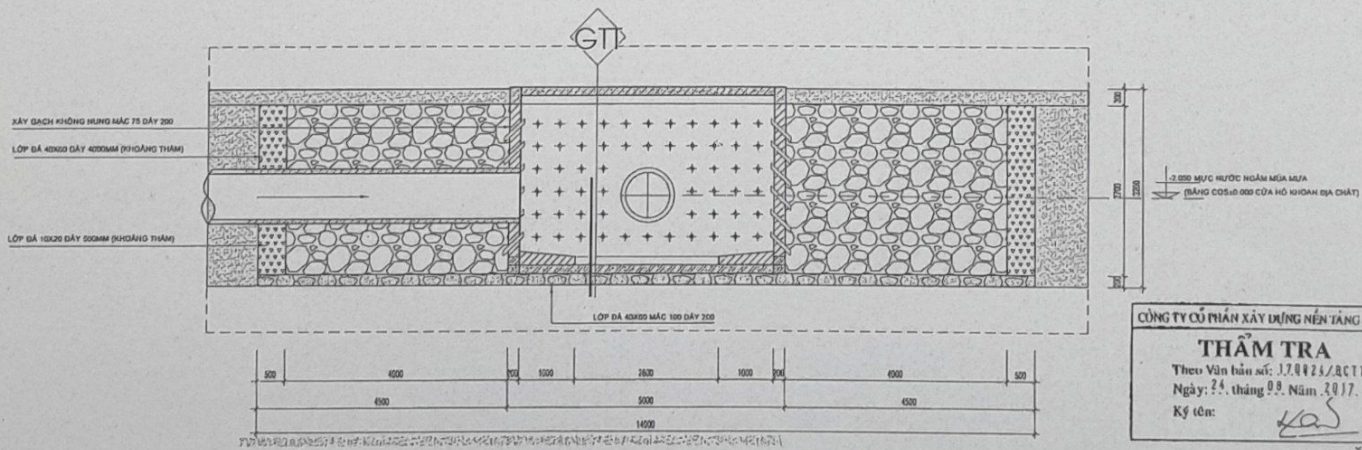


CẤU TẠO GIẾNG TỰ THÂM

- ĐÁN BTCT BÀ 132 MẮC 200(XEM DWG)
- ĐÁNG MỰC CHẾ TẠO TỰ THÂM PH 80, CẢ HỒ 300
- LỚP ĐÁ 40X20 DÂY 400XMM (KHOẢNG THĂM)
- BÉ TÔNG LỖ ĐÁ 40X20 MẮC 100 DÂY 200
- LỚP ĐÁ TỰ NHIÊN SAU KHI ĐÁO HỒ

MẶT BẰNG GIẾNG TỰ THÂM NƯỚC MẶT TL: 1/100
(KÍCH THƯỚC: 5000x8000x3000)-SỐ LƯỢNG: 01CK

MẶT BẰNG GIẾNG TỰ THÂM NƯỚC BÀN TL: 1/100
(KÍCH THƯỚC: 5000x8000x3000)-SỐ LƯỢNG: 01CK



MẶT CẮT A - A TL: 1/50

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NỀN TẢNG VÀNG

THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 1.7.0426/BCTT
 Ngày: 24 tháng 09 Năm 2017.
 Ký tên: *[Signature]*

LƯƠNG VĂN HẢI

CHỦ ĐẦU TƯ:
SỞ Y TẾ TRÀ VINH

ĐƠN VỊ:
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN DUYÊN HẢI

ĐỊA CHỈ THI TRẠ:
TRẦN LÔNG THÀNH,
HUYỆN DUYÊN HẢI - TỈNH TRÀ VINH

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC-GIẾNG THĂM

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾT CẤU &
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

PHÀNG XINH



P. GIÁM ĐỐC:
THS. NG. TUẤN PHƯƠNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:
THS. NG. TUẤN PHƯƠNG

CHỦ TRƯ:
KTS. TRẦN NGỌC VINH

THIẾT KẾ:
KTS. CHU THỊ VĂN ANH

THỂ HIỆN:
KS. NGUYỄN VĂN PHON

KÈM:
KTS. TRẦN NGỌC VINH

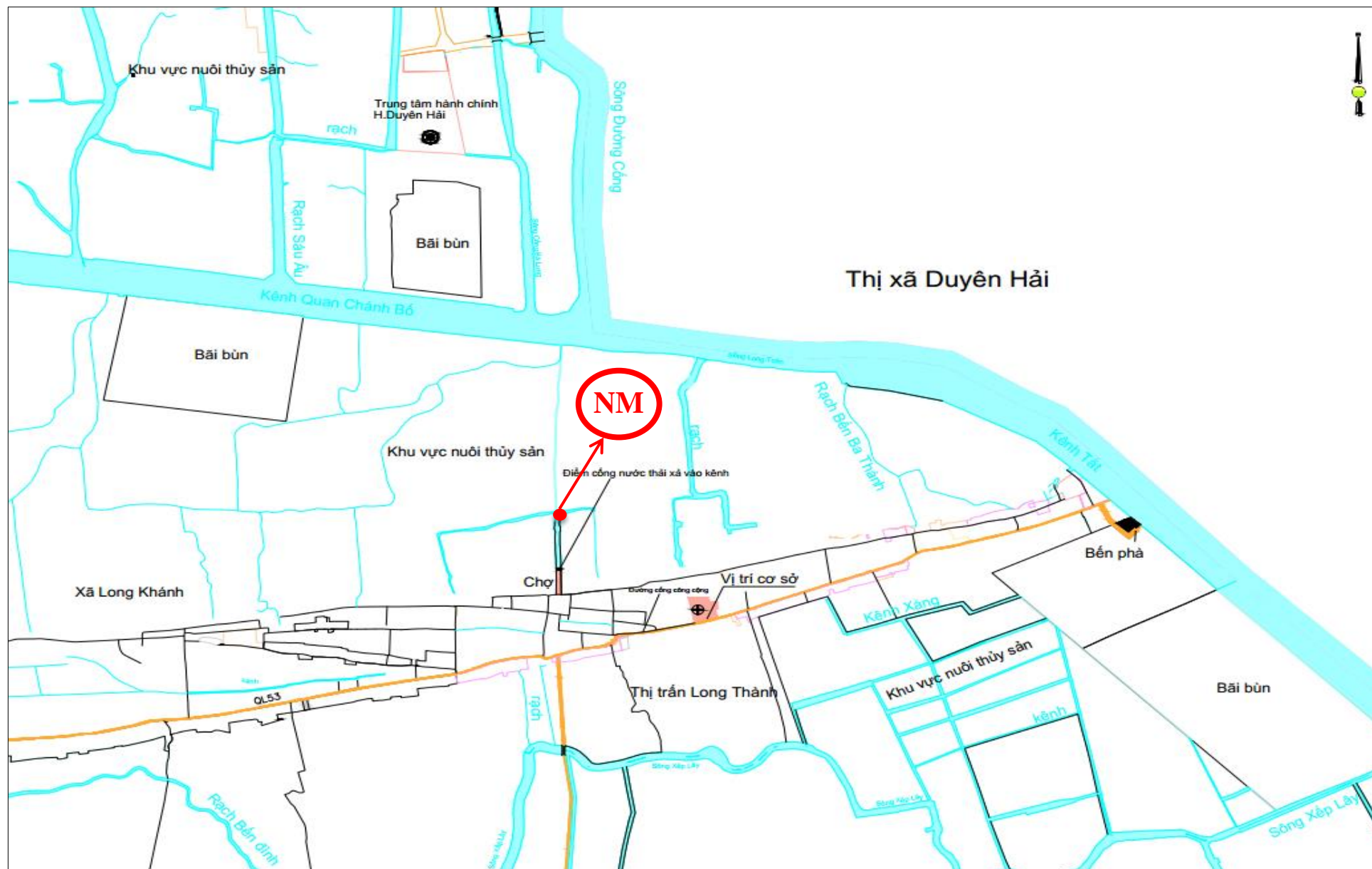
TÊN BẢN VẼ:
BẢNG THỐNG KẾ CẤU TẠO

ÔNG CHỦ:

PHÁT HÀNH NGÀY	2017
PHÁT HÀNH LẦN	01
LỜI BÀN VẼ	TRUKTTC
BẢN VẼ SỐ	KT: 04/28

PHỤ LỤC 1.5

Sơ đồ vị trí quan trắc mẫu nước mặt (dự kiến) Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải



NM: Nước mặt tại kênh nội đồng cách điểm tiếp giáp với cống thoát nước thải 100m theo hướng dòng chảy

PHỤ LỤC 1.6

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH**

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3840 713

E-mail: kttmmtv@yahoo.com.vn

Số: 22348 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**Khách hàng: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 27/5/2022

Địa điểm lấy mẫu: tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Số lượng mẫu: 02 mẫu nước mặt

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5994:1995

Ngày trả kết quả: 16/6/2022

1. Ký hiệu mẫu

TT	Mã số mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu
1	055/22-1	M ₁	Mẫu nước mặt tại vị trí tiếp giáp giữa kênh nội đồng và kênh Quan Chánh Bó
2	055/22-2	M ₂	Mẫu nước mặt cách vị trí tiếp giáp giữa kênh nội đồng và kênh Quan Chánh Bó 2.000m theo hướng hạ nguồn

2. Phương pháp thử nghiệm

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm
1	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220 C:2017
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	SMEWW 4500 NH ₃ F:2017
4	Tổng nitơ (N)	TCVN 6638:2000
5	Tổng photpho (P)	SMEWW 4500 P.B&E:2017

3. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	
			M ₁	M ₂
1	BOD ₅	mg/L	2,2	2,4
2	COD	mg/L	35	28
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,06	0,07
4	Tổng N	mg/L	KPH (LOD=1,7)	KPH (LOD=1,7)
5	Tổng P	mg/L	KPH (LOD=0,06)	KPH (LOD=0,06)

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ khi ban hành phiếu kết quả.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**



Nguyễn Thành Thái

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH**

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3840 713

E-mail: kttnttv@yahoo.com.vn

Số: 22349 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆMKhách hàng: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 30/5/2022

Địa điểm lấy mẫu: tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt cách vị trí tiếp giáp giữa kênh nội đồng và kênh Quan Chánh Bó 2.000m theo hướng hạ nguồn

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5994:1995

Ngày trả kết quả: 16/6/2022

1. Mã số mẫu: 055/22-3

Ký hiệu mẫu: M₂**2. Kết quả thử nghiệm**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	1,4	TCVN 6001-1:2008
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	21	SMEWW 5220 C:2017
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	0,04	SMEWW 4500 NH ₃ F:2017
4	Tổng nitơ (N)	mg/L	KPH (LOD=1,7)	TCVN 6638:2000
5	Tổng photpho (P)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500 P.B&E:2017

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ khi ban hành phiếu kết quả.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG****Nguyễn Thành Thái****KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC****Trần Thị Thu Hiền**



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÀ VINH

Địa chỉ: 478 A Mậu Thân, phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh
Điện thoại: (0294) 3840 166 - 3840 713
E-mail: kttnttv@yahoo.com.vn

Số: 22350 /KQTN-TTKT

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI**

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Ngày nhận/lấy mẫu: lấy mẫu ngày 02/6/2022

Địa điểm lấy mẫu: tại Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Số lượng mẫu: 01 mẫu nước mặt cách vị trí tiếp giáp giữa kênh nội đồng và kênh Quan Chánh Bó 2.000m theo hướng hạ nguồn

Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5994:1995

Ngày trả kết quả: 16/6/2022

1. Mã số mẫu: 055/22-4 Ký hiệu mẫu: M₂

2. Kết quả thử nghiệm

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm
1	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	KPH (LOD=1,3)	TCVN 6001-1:2008
2	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	32	SMEWW 5220 C:2017
3	NH ₄ ⁺ (tính theo N)	mg/L	KPH (LOD=0,03)	SMEWW 4500 NH ₃ F:2017
4	Tổng nitơ (N)	mg/L	KPH (LOD=1,7)	TCVN 6638:2000
5	Tổng photpho (P)	mg/L	KPH (LOD=0,06)	SMEWW 4500 P.B&E:2017

Ghi chú:

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm đo.
- Vị trí, thời gian lấy mẫu theo yêu cầu của khách hàng.
- KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện.
- Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ khi ban hành phiếu kết quả.

**P. TRƯỞNG PHÒNG
KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Thành Thái

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Thu Hiền



Số/No: 22.04.4679	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	05/04/2022 Trang/Page: 1/1
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ *Customer* : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI**
 Địa điểm lấy mẫu/ *Sampling location* : Trước cổng trung tâm (X=1062 763; Y=603 823)
 Địa chỉ/ *Address* : Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
 Loại mẫu/ *Type of sample* : Tiếng ồn & không khí xung quanh
 Ký hiệu mẫu/ *Mark of sample* : KX.031468
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ *Sampling (receiving) date* : 28/03/2022
 Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 29/03/2022 – 04/04/2022
 Điều kiện lấy mẫu/ *Sampling conditions* : Trời nắng, gió nhẹ và các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ *Testing results* :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010(*)	53,3	≤70	-
2	Bụi	µg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	141,0	-	300
3	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	66,2	-	200
4	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	79,5	-	350
5	CO	µg/m ³	SOP.49.LMK_CO	SOP.50.PTK_CO(*)	KPH (MDL=3.800)	-	30.000

Ghi chú/ *Note*:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ *Method is accredited by MONRE.*
 KPH: không phát hiện/ *Not detected*; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method detection limit.*

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy



Dương Hoàng Thành

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./ *Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.*
- Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./ *This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.*

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 (028) 22 647 647 - 0949 825 262
 duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 http://duonghuynhenv.vn



Số/No: 22.04.4678	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	05/04/2022 Trang/Page: 1/1
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : Bên trong khuôn viên (X=1062 770; Y=603 826)
 Địa chỉ/ Address : Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
 Loại mẫu/ Type of sample : Tiếng ồn & không khí xung quanh
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : KX.031467
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 28/03/2022
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 29/03/2022 – 04/04/2022
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : Trời nắng, gió nhẹ và các hoạt động diễn ra bình thường
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp lấy mẫu Sampling method	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 26:2010/ BTNMT	QCVN 05:2013/ BTNMT
1	Độ ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010(*)	52,7	≤70	-
2	Bụi	µg/m ³	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995(*)	124,4	-	300
3	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009(*)	43,9	-	200
4	SO ₂	µg/m ³	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995(*)	57,1	-	350
5	CO	µg/m ³	SOP.49.LMK_CO	SOP.50.PTK_CO(*)	KPH (MDL=3.800)	-	30.000

Ghi chú/ Note:
 (*) Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.
 KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement.
 2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
 (028) 22 647 647 - 0949 825 262
 duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
 Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
 duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23
 P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
 duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
 http://duonghuynhenv.vn



Số/No: 22.04.4680	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	05/04/2022 Trang/Page: 1/1
-------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI**
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **Tại đầu ra HTXL (X=1062 895; Y=603 834)**
 Địa chỉ/ Address : **Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh**
 Loại mẫu/ Type of sample : **Nước thải**
 Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : **NT.032086**
 Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : **28/03/2022**
 Ngày thử nghiệm/ Date of testing : **29/03/2022 – 04/04/2022**
 Điều kiện lấy mẫu/ Sampling conditions : **Trời nắng và các hoạt động diễn ra bình thường**
 Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : **TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016**
 Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN28:2010/ BTNMT, Cột B K=1,2
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	8,36	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	28	120
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	19	60
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017 ^(*)	53	120
5	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	1,10	12
6	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	TCVN 6180:1996 ^(**)	12,4	60
7	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	0,615	12
8	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ² .C&D:2017 ^(**)	0,026	4,8
9	Dầu, mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017 ^(*)	KPH (MDL=0,6)	24
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 8879 : 2011 ^(**)	KPH (MDL=0,029)	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 8879 : 2011 ^(**)	KPH (MDL=0,029)	1,2
12	Coliform	MPN/100mL	TCVN 6187-2:1996 ^(**)	1.800	5.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

(**) : Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động/ Subcontracted test by Consultancy Center of Occupational Safety Health and Environmental Technology (COSHET).

(***) : Chỉ tiêu tham khảo đo đặc phân tích thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

KPH: không phát hiện/ Not detected, MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory

Ths. Huỳnh Ngọc Thúy

Giám đốc
Director

Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, party or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
(028) 22 647 647 - 0949 825 262
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

PHỤ LỤC 1.7

Số: 115 /SINMT-QLMT

Trà Vinh, ngày 14 tháng 01 năm 2022

V/v thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của dự án “BVĐK huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (Hạng mục HTXLNT công suất 50m³/ngày đêm)

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Ngày 31/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (hạng mục hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày đêm) kèm theo Công văn số 1303/CV-TTYT của Trung tâm y tế huyện Duyên Hải;

Căn cứ quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm đối với dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (hạng mục hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày đêm) do Trung tâm y tế huyện Duyên Hải (gọi tắt là Trung tâm) làm chủ đầu tư vào ngày 13/01/2022.

Qua xem xét nội dung Kế hoạch và kết quả kiểm tra thực tế, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả như sau:

1. Trung tâm đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung cho dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (hạng mục hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày đêm) như sau:

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Công suất: 50 m³/ngày đêm.
- Nước thải phát sinh → Bể tự hoại → Song chắn rác → Bể lắng cát → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể hiếu khí + Màng lọc MBR → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (Giếng tự thấm, Chủ dự án sẽ đầu nối vào hệ thống cống thoát nước công cộng khi hệ thống cống thoát nước công cộng của địa phương hoàn thành theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) được phê duyệt).

Qua so sánh quy trình xử lý nước thải thực tế so với quy trình xử lý nước thải được phê duyệt trong báo cáo ĐTM được phê duyệt cho thấy có sự thay đổi như sau:

Nội dung	Theo báo cáo ĐTM được phê duyệt	Theo thực tế
Quy trình xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m ³ /ngày đêm	Nước thải phát sinh → Bể tự hoại → Song chắn rác → Bể lắng cát → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí + Màng lọc MBR → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận	Nước thải phát sinh → Bể tự hoại → Song chắn rác → Bể lắng cát → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể hiếu khí + Màng lọc MBR → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận

Theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 4 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đối với thay đổi quy trình xử lý nước thải nêu trên so với nội dung quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM thì Chủ dự án **tự xem xét, quyết định, chịu trách nhiệm** trước pháp luật và thể hiện trong hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Căn cứ kết quả kiểm tra công trình xử lý nước thải để vận hành thử nghiệm của dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (hạng mục hệ thống xử lý nước thải công suất 50m³/ngày đêm) nêu trên cho thấy công trình của dự án **đã đủ điều kiện** vận hành thử nghiệm.

2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Trung tâm phải tổng hợp đánh giá các số liệu quan trắc chất thải theo quy định tại mục 2.1.4 Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường, kèm theo phiếu phân tích mẫu chất thải.

Sở Tài nguyên và Môi trường **sẽ kiểm tra đột xuất** trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải để đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu đơn) để đối chứng với kết quả quan trắc chất thải của dự án làm cơ sở và xem xét, đánh giá theo quy định.

3. Do hồ sơ thông báo vận hành thử nghiệm Trung tâm nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12/2021 nên các thủ tục thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Do đó, đề nghị Trung tâm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày (**Trước ngày 25/4/2022 theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm của Trung tâm**). Thành phần hồ sơ bao gồm:

- 01 Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- 07 Bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- 01 Bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo ĐTM của dự án.

- 01 Văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

Hồ sơ gửi về **Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Trà Vinh** (địa chỉ: Số 25, đường Võ Nguyên Giáp, Khóm 6, Phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, điện thoại: 0294.3826667 – 3826668) để Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo đề Trung tâm y tế huyện Duyên Hải biết, làm căn cứ triển khai các bước tiếp theo, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Thanh tra Sở;
- Phòng TNMT huyện Duyên Hải;
- Lưu: VT, MT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quốc Tuấn

SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN DUYÊN HẢI

Số: 311.1.BC...TT.YT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Duyên Hải, ngày 27 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả lấy mẫu vận hành thử nghiệm Công trình xử lý chất thải của Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, quy mô 50 giường bệnh - Hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Thông báo số 115/STNMT-QLMT ngày 14/02/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường Trà Vinh về việc thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để vận hành thử nghiệm của Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, quy mô 50 giường bệnh - Hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm.

Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải đã phối hợp với Trung tâm Tư vấn công nghệ môi trường và an toàn vệ sinh lao động (COSHET) và Công ty CP Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện lấy và thử nghiệm mẫu nước thải.

Công tác lấy và thử nghiệm mẫu được thực hiện đúng theo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, quy mô 50 giường bệnh - Hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm đã được chấp thuận, kết quả cụ thể như sau:

1) Kết quả đánh giá hiệu suất của từng công đoạn xử lý

Bảng 1: Đánh giá hiệu suất của bể thu gom và bể điều hòa

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại bể điều hòa							
		pH		TSS (mg/L)		BOD ₅ (mg/L)		COD (mg/L)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	50	6,59	7,35	122	97	91	72	216	156
Lần 2	50	6,48	7,48	114	88	84	68	195	152
Lần 3	50	6,35	7,32	107	76	76	61	182	144
Lần 4	50	6,25	7,45	94	71	82	54	216	132
Lần 5	50	6,42	7,45	96,5	71	85	54	260	132
Hiệu suất xử lý nước thải (%)		-15,46		24,46		26,08		33,02	

Bảng 2: Đánh giá hiệu suất của bể hiếu khí

Lần đo đặc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại bể hiếu khí (màng MBR)											
		pH		TSS (mg/L)		BOD ₅ (mg/L)		COD (mg/L)		NO ₃ ⁻ (mg/L)		PO ₄ ³⁻ (mg/L)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	50	7,35	7,24	97	42	72	28	156	49	32,8	7,6	5,12	3,08
Lần 2	50	7,48	7,11	88	51	68	24	152	44	34,9	25,1	5,52	3,28
Lần 3	50	7,32	7,24	76	55	61	21	144	42	36,8	23,9	6,12	3,75
Lần 4	50	7,45	7,18	71	46	54	33	132	56	32,8	21,6	5,16	3,2
Lần 5	50	7,45	7,18	71	46	54	33	132	56	32,5	21,6	5,09	3,2
Hiệu suất xử lý nước thải (%)		2,97		40,45		55,02		65,50		41,22		38,87	

Bảng 3: Đánh giá hiệu suất của bể hiếu khí (tt)

đo đạc hàng ngày	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại bể hiếu khí (màng MBR)													
		Amoni (mg/L)		Sulfua (mg/L)		Dầu mỡ ĐTV (mg/L)		Coliform MPN/100ml		Salmonella (Vi khuẩn/100 ml)		Shigella (Vi khuẩn/100 ml)		Vibrio Cholerae (Vi khuẩn/100 ml)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	50	18,2	12,5	1,24	0,92	KPH	KPH	9.200	2.000	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	50	16,4	9,6	1,36	0,84	KPH	KPH	8.000	3.000	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	50	14,3	9,2	1,21	0,97	KPH	KPH	9.200	2.700	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	50	11,4	8,8	1,54	0,78	KPH	KPH	11.000	3.300	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	50	11,2	4,86	1,41	0,78	KPH	KPH	11.000	2.700	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
suất xử lý nước thải (%)		37,12		36,54		-		71,69		-		-		-	

Bảng 4: Đánh giá hiệu suất của bể khử trùng

Lần đo đạc, lấy mẫu phân tích; hiệu suất xử lý	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại bể khử trùng											
		pH		TSS (mg/L)		BOD ₅ (mg/L)		COD (mg/L)		NO ₃ ⁻ (mg/L)		PO ₄ ³⁻ (mg/L)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	50	7,24	7,08	42	38	28	25	49	42	7,6	3,27	3,08	0,16
Lần 2	50	7,11	6,89	51	32	24	21	44	48	25,1	3,02	3,28	0,18
Lần 3	50	7,24	6,76	55	29	21	25	42	41	23,9	2,76	3,75	0,15
Lần 4	50	7,18	6,84	46	25	33	22	56	51	21,6	2,16	3,2	0,11
Lần 5	50	7,18	6,84	46	25	33	22	56	48	21,6	2,16	3,2	0,11
Hiệu suất xử lý nước thải (%)		4,28		37,92		17,27		6,88		86,60		95,70	

Bảng 5: Đánh giá hiệu suất của bể khử trùng (tt)

Số lần lấy mẫu phân tích	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số ô nhiễm chính tại bể khử trùng													
		Amoni (mg/L)		Sulfua (mg/L)		Dầu mỡ ĐTV (mg/L)		Coliform MPN/100ml		Salmonella (Vi khuẩn/100 ml)		Shigella (Vi khuẩn/100 ml)		Vibrio Cholerae (Vi khuẩn/100 ml)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
1	50	12,5	6,18	0,92	0,095	KPH	KPH	2.000	4.000	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
2	50	9,6	5,77	0,84	0,11	KPH	KPH	3.000	2.500	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
3	50	9,2	4,28	0,97	0,094	KPH	KPH	2.700	1.300	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
4	50	8,8	3,05	0,78	0,08	KPH	KPH	3.300	1.700	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
5	50	4,86	3,05	0,78	KPH	KPH	KPH	2.700	1.400	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
Hiệu suất xử lý nước thải (%)		50,33		88,96		-		20,44		-		-		-	

Nhận xét, đánh giá: Nồng độ các thông số ô nhiễm sau xử lý tại các bể công trình đơn vị không có sự biến động lớn qua các đợt lấy mẫu, hiệu suất xử lý cao nhất đạt 95,7%.

Như vậy, hiệu suất xử lý nước thải của từng công đoạn xử lý có tính ổn định cao. Nồng độ các thông số ô nhiễm có trong nước thải sau xử lý giảm đáng kể so với nước thải trước xử lý.

2) Kết quả đánh giá sự phù hợp của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải

Bảng 6: Đánh giá hiệu suất của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải

Lần lấy mẫu phân tích	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án									
		pH		TSS (mg/L)		BOD ₅ (mgO ₂ /L)		COD (mgO ₂ /L)		NO ₃ ⁻ (mg/L)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	50	6,36	6,84	112	25	80	22	217	48	33,5	2,16
Lần 2	50	6,36	6,95	112	21	80	20	217	45	33,5	2,40
Lần 3	50	6,36	6,73	112	24	80	22,5	217	50	33,5	2,39
Lần 4	50	6,36	6,7	112	27	80	27	217	50	33,5	3,05
Lần 5	50	6,36	6,45	112	28	80	26	217	46	33,5	2,71
Lần 6	50	6,36	6,07	112	30	80	23	217	51	33,5	3,01
Lần 7	50	6,36	6,53	112	27	80	16	217	38	33,5	2,85
QCVN 28:2010/BTNMT cột B, K=1,2		6,5 - 8,5		120		60		120		60	

Bảng 7: Đánh giá hiệu suất của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải (tt)

Lần lấy mẫu phân tích	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án							
		PO ₄ ³⁻ (mg/L)		Amoni (mg/L)		Sulfua (mg/L)		Dầu mỡ ĐTV (mg/L)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	50	5,74	0,11	17,9	3,05	1,28	KPH	KPH	KPH
Lần 2	50	5,74	0,14	17,9	2,85	1,28	KPH	KPH	KPH
Lần 3	50	5,74	0,17	17,9	3,11	1,28	KPH	KPH	KPH

Lần lấy mẫu phân tích	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án							
		PO ₄ ³⁻ (mg/L)		Amoni (mg/L)		Sulfua (mg/L)		Đầu mỡ ĐTV (mg/L)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 4	50	5,74	0,25	17,9	4,57	1,28	0,18	KPH	KPH
Lần 5	50	5,74	0,10	17,9	4,50	1,28	0,15	KPH	KPH
Lần 6	50	5,74	0,097	17,9	5,20	1,28	0,10	KPH	KPH
Lần 7	50	5,74	0,150	17,9	4,50	1,28	0,12	KPH	KPH
QCVN 28:2010/BTNMT <i>cột B, K = 1,2</i>		12		12		4,8		24	

Bảng 8: Đánh giá hiệu suất của toàn bộ hệ thống xử lý nước thải (tt)

Lần lấy mẫu phân tích	Lưu lượng thải (m ³ /ngày)	Thông số môi trường của dự án							
		Tổng Coliform (MNP/100ml)		Salmonella (vi khuẩn/100ml)		Shigella (vi khuẩn/100ml)		Vibrio Cholerae (vi khuẩn/100ml)	
		Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý	Trước xử lý	Sau xử lý
Lần 1	50	14.10 ³	1,7.10 ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
Lần 2	50	14.10 ³	1,3.10 ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
Lần 3	50	14.10 ³	1,1.10 ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
Lần 4	50	14.10 ³	1,1.10 ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
Lần 5	50	14.10 ³	2,1.10 ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
Lần 6	50	14.10 ³	2,7.10 ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
Lần 7	50	14.10 ³	2,1.10 ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
QCVN 28:2010/BTNMT <i>cột B, K = 1,2</i>		5.000		KPH		KPH		KPH	

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện
 - Giá trị tối đa cho được tính theo công thức: $C_{max} = C \times K$ của QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, trong đó:
 - + C là giá trị của các thông số và các chất gây ô nhiễm, làm cơ sở để tính toán C_{max} (áp dụng cột B).
 - + K là hệ số về quy mô đối với bệnh viện có < 300 giường bệnh ($K = 1,2$).
- Đối với thông số: pH, tổng Coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio Cholerae sử dụng hệ số $K = 1,0$.

Nhận xét, đánh giá: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sau hệ thống xử lý nước thải có giá trị giảm đáng kể so với mẫu nước thải trước xử lý và đạt giới hạn cho phép quy định tại QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, $K = 1,2$.

Kết luận chung:

- Căn cứ trên kết quả vận hành thử nghiệm cho thấy, từng công đoạn của hệ thống xử lý nước thải có hiệu suất xử lý cao và ổn định;
- Hệ thống xử lý nước thải có công suất phù hợp với lưu lượng nước thải phát sinh, công nghệ xử lý phù hợp với tính chất đặc trưng của nước thải và hiệu quả xử lý cao.
- Các kết quả thử nghiệm đều cho thấy, hạng mục Hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm đảm bảo xử lý nước thải phát sinh tại Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, quy mô 50 giường bệnh đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, $K = 1,2$.


Trên đây là Kết quả lấy mẫu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, quy mô 50 giường bệnh- Hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày đêm, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải kính báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét. *nlz*

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;

**TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN DUYÊN HẢI**



Nguyễn Hồng Triệu

UBND TỈNH TRÀ VINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 1252 /STNMT-QLMT

Trà Vinh, ngày 11 tháng 5 năm 2022

V/v phúc đáp Báo cáo kết quả lấy mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh”

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Ngày 05/5/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Báo cáo số 311/BC-TTYT ngày 27/4/2022 của Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải về Báo cáo kết quả lấy mẫu vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (Hạng mục HTXLNT công suất 50m³/ngày đêm). Qua xem xét nội dung Báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

- Dự án “Bệnh viện đa khoa huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh” (Hạng mục HTXLNT công suất 50m³/ngày đêm) đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án tại Công văn số 115/STNMT-QLMT ngày 14/01/2022. Đến thời điểm hiện nay, Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải **đã hoàn thành việc vận hành thử nghiệm** các công trình xử lý chất thải của dự án theo kế hoạch được Sở Tài nguyên và Môi trường chấp thuận và **đã báo cáo** kết quả vận hành thử nghiệm về Sở.

- Mặt khác, ngày 01/01/2022, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường thì Trung tâm thuộc đối tượng **phải có giấy phép môi trường** và Sở đã hướng dẫn Trung tâm lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án tại Công văn số 583/STNMT-QLMT ngày 07/3/2022.

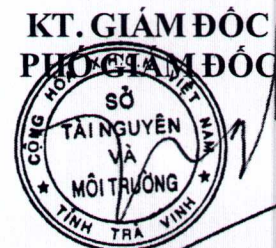
- Về thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Trung tâm phải nộp hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đảm bảo thời điểm phải có giấy phép môi trường sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm nhưng **chậm nhất trước 30 ngày** đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh tính đến thời điểm phải có giấy phép môi trường. Tuy nhiên, đến nay Sở chưa nhận được hồ sơ báo cáo của Trung tâm, do đó Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Trung tâm khẩn trương lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án.

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải khẩn trương thực hiện đúng quy định.

Trân trọng kính gửi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Sở Y tế;
- Phòng TNMT huyện Duyên Hải;
- Lưu: VT, MT.



Nguyễn Quốc Tuấn

Long Thành, ngày 03 tháng 01 năm 2022

Số: 01/HĐ-UBND

HỢP ĐỒNG GIAO KHOẢN

V/v Thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thị trấn Long Thành

Căn cứ Bộ Luật dân sự 91/2015/QH13 của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải về việc phê duyệt phương án thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt bằng xe chở rác chuyên dùng trên địa bàn huyện Duyên Hải;

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của các bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành, chúng tôi gồm có:

Bên A (bên nhận): ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN LONG THÀNH

- Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Mã số thuế: 2100476653
- Số tài khoản: 9527.4.1113216 tại KBNN Duyên Hải
- Đại diện là ông: **Đỗ Minh Nhựt** Chức vụ: Chủ tịch

Bên B (bên giao): TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN DUYÊN HẢI

- Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- Mã số thuế: 2100190904 - 007
- Số tài khoản: 9527.2.1105136 tại KBNN Duyên Hải
- Đại diện là ông: **Nguyễn Hồng Triệu** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thống nhất bên B giao khoán cho bên A thực hiện việc thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt của Trung tâm y tế huyện Duyên Hải những điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng:

Bên B thống nhất giao khoán việc thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt của Trung tâm y tế huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bằng xe ô tô chuyên dụng

Bên A thực hiện đúng theo nội dung Phương án số 95/PA –PTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2020 được Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải phê duyệt tại Quyết định số 3636/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020. Khi thực hiện phải đảm



bảo vệ sinh, đúng kỹ thuật, không làm ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến xung quanh.

Điều 2. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022.

Điều 3. Giá trị hợp đồng, hình thức hợp đồng và phương thức thanh toán

1) Giá trị hợp đồng:

Là khoản kinh phí Bên B cam kết trả cho bên A để thực hiện công việc theo yêu cầu về khối lượng, chất lượng, điều kiện thanh toán, hợp đồng và các yêu cầu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Tổng giá trị hợp đồng là 200.000 đồng/tháng (Bằng chữ: Hai trăm ngàn đồng).

Kinh phí: Bên A tự thu là 200.000 đồng/ tháng (Bằng chữ: Hai trăm ngàn đồng).

2) Hình thức hợp đồng: Hợp đồng chi trả hàng tháng.

3) Phương thức thanh toán:

Bên B sẽ thanh toán tiền công thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt của Trung tâm cho bên A vào ngày cuối của tháng khi bên B tiến hành nghiệm thu và bên A xuất hóa đơn tài chính.

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Tên tài khoản: Công ty TNHH dịch vụ Nguyễn Gia

Số tài khoản: 7341000150728 tại ngân hàng BIDV Trà Vinh, Phòng giao dịch Duyên Hải

Điều 4. Trách nhiệm mỗi bên

1) Trách nhiệm của bên A:

Tổ chức thu phí thu gom và vận chuyển rác thải từ Trung tâm y tế.

Thực hiện tốt việc thu gom và vận chuyển rác thải theo nội dung hợp đồng.

Cung cấp đầy đủ hóa đơn tài chính theo đúng giá trị thực tế nghiệm thu công việc hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện và quản lý, nếu có gặp khó khăn phải báo bên B nắm để phối hợp cùng giải quyết.

2) Trách nhiệm của bên B:

Tạo điều kiện tốt để bên A thực hiện việc thu gom và vận chuyển rác thải trong thời gian thực hiện hợp đồng đã ký kết.

Thanh toán đủ cho bên A toàn bộ số tiền hàng tháng theo hợp đồng ngay sau khi bên A cung cấp đầy đủ chứng từ, hóa đơn tài chính theo quy định.

Chịu trách nhiệm giải quyết hoặc chủ động phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết những vấn đề khó khăn vượt quá khả năng giải quyết của bên A.

Điều 5. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng điều khoản đã ghi trong hợp đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc hai bên phải thông báo cho nhau để tìm cách giải quyết.

Bên B tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển với đơn vị thu gom, vận chuyển khác.

Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh. Phán quyết của Tòa án sẽ là phán quyết cuối cùng, án phí do bên thua kiện chi trả theo quy định.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồng Triệu

**ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Nhựt

Số: 45/2021-BVĐKKVCN

Cầu Ngang, ngày 01 tháng 6 năm 2021

HỢP ĐỒNG THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23/6/2014 có hiệu lực từ ngày 01/01/2015;
- Căn cứ vào Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/6/2015;
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế;
- Căn cứ Quyết định 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Căn cứ Công văn số 4029/UBND-KT ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tại các bệnh viện;
- Căn cứ vào Giấy xác nhận số 22/GXN-STNMT ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Trà Vinh xác nhận Hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án “ Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang”
- Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh, bổ sung mục 2 và phụ lục 3 của Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên (BÊN A và BÊN B);

Chúng tôi đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Địa chỉ : Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : 0294 3738022.

Tài khoản : 9523.2.1105136 tại kho bạc Nhà nước huyện Duyên Hải

Mã số thuế : 2100190904-007.

Đại diện : Ông Nguyễn Hồng Triệu. Chức vụ Giám đốc

BÊN B : BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CẦU NGANG

Địa chỉ : Số 34 Nguyễn Trí Tài, khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại : 02943725151, 02943725117. Fax: 02943725209

Mã số thuế : 2100190904-015

Tài khoản : 3751.0.1030913.00000 tại Kho bạc Nhà nước Cầu Ngang

Đại diện : Ông Đỗ Văn Minh Chức vụ: Giám Đốc

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) theo những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- 1.1 BÊN A đồng ý chọn và BÊN B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh sau quá trình hoạt động của BÊN A.
- 1.2 Nơi thực hiện: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang số 34 Nguyễn Trí Tài, khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
- 1.3 Phương án xử lý: CTNH được xử lý theo phương án thống nhất và được cơ quan chức năng cho phép thực hiện (Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải)
- 1.4 **ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN**

❖ Điều kiện lưu chứa CTNH:

- CTNH được Bên A thu gom, phân loại và tập trung tại kho chứa CTNH riêng biệt và được lưu chứa trong bao bì, thùng chứa chuyên dụng theo quy định của pháp luật và Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 đảm bảo rác thải thu gom lưu giữ an toàn, tránh rò rỉ phát tán ra môi trường.
- Các CTNH khác được chứa trong bao bì chuyên dụng (thùng can bằng sắt, nhựa hoặc bao túi nhựa PP/PE) dán nhãn chất thải theo quy định pháp luật. Tất cả các bao bì chứa CTNH sẽ được xử lý hoặc tiêu hủy cùng với CTNH theo qui định.

❖ Thời gian tiếp nhận:

- Tần suất thu gom chất thải: thu gom tuần 2 kỳ vào thứ hai và thứ sáu hàng tuần.
- Thời gian thu gom chất thải y tế nguy hại : Buổi sáng: Từ 7h30 – 11h00.
- Nếu ngày thu gom trùng vào ngày nghỉ lễ, việc thu gom rác sẽ được chuyển sang ngày trước hoặc sau ngày nghỉ lễ 1 ngày. Các trường hợp khác, hai bên thông báo cho nhau để thỏa thuận ngày thu gom cụ thể.
- Trường hợp Bên A cần thu gom khẩn cấp khi gặp sự cố: Nhân sự phụ trách của Bên A thông báo ngay bằng điện thoại để Bên B lên phương án thu gom và xử lý kịp thời.
- Trong trường hợp phương tiện bên B gặp sự cố đột xuất, Bên B phải thông báo ngay cho bên A biết và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời không để chất thải ứ đọng làm ảnh hưởng đến an toàn vệ sinh môi trường trong khu vực của bên A.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Số lượng và đơn giá xử lý:

- *Số lượng:* Sẽ được xác định theo số lượng thực tế giao nhận giữa hai bên.
- *Đơn giá xử lý* (đã bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý) như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1	Chất thải y tế có tác nhân gây lây nhiễm bao gồm chất thải sắc nhọn	13 01 01	Kg	22.700
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	13 01 02	Kg	22.700
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	22.700
Đơn giá xử lý nêu trên đã bao gồm 10% thuế GTGT				

- *Giá trị hợp đồng* được xác định căn cứ số lượng giao nhận thực tế trên biên bản với đơn giá xử lý nêu trên.

3.2 Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản, tiền Việt Nam Đồng.
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán bản chính bao gồm:
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ.
 - + Bảng tổng kết đối chiếu công nợ hàng tháng.
 - + Chứng từ CTNH đã được Bên B ký xác nhận hoàn tất
- Quá thời hạn thanh toán Bên A chưa thanh toán cho Bên B thì Bên B có quyền ngừng thu gom chất thải nguy hại.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

*** Trách nhiệm của bên A:**

- 4.1 Bên A có trách nhiệm phân loại, đóng gói và lưu giữ chất thải y tế nguy hại căn cứ Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 về việc Quản lý chất thải y tế.
- 4.2 Cụ thể hơn, Bên A đóng gói sẵn rác thải y tế bằng túi nhựa PP/PE. Rác thải sau khi chứa trong túi nhựa được tiếp tục đóng gói trong thùng carton, dán băng keo và dán nhãn chất thải.
- 4.3 Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định của pháp luật (đăng ký chủ nguồn thải CTNH, báo cáo quản lý CTNH, ...)
- 4.4 Bên A cùng Bên B ký xác nhận số lượng CTNH trên biên bản giao nhận, thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo mẫu quy định sau mỗi lần chuyển giao CTNH.
- 4.5 Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có thay đổi thông tin như: tên đơn vị, mã số thuế, địa chỉ viết trên hóa đơn thì Bên A phải thông báo kịp thời cho bên B biết. Trường hợp để xảy ra sai sót, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 4.6 Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng và đúng hạn tại Điều 3.2 của Hợp đồng.
- 4.7 Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực Bên A không được ký hợp đồng với đơn vị thứ ba (03) để xử lý chất thải, hoặc tự ý tiêu hủy chất thải.

*** Trách nhiệm bên B:**

- 4.8 Nhân viên Bên B cần xuất trình giấy giới thiệu hoặc thẻ nhân viên trước khi giao nhận chất thải y tế nguy hại tại kho Bên A.
- 4.9 Bên B cung cấp phương tiện, thiết bị, công nghệ phục vụ cho việc thu gom vận chuyển, xử lý chất thải theo pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường và được cơ quan chức năng cấp phép hoạt động.
- 4.10 Thực hiện đúng trách nhiệm của một chủ quản lý CTNH theo quy định của pháp luật hiện hành. Mặt khác, Bên B hỗ trợ Bên A lập chứng từ CTNH, tư vấn về lưu giữ và quản lý CTNH, ...
- 4.11 Trường hợp phát sinh CTNH ngoài danh mục, Bên B tạo điều kiện hướng dẫn thu gom và xử lý CTNH theo quy định pháp luật.
- 4.12 Sau khi CTNH của bên A giao cho bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 5: TRƯỜNG HỢP CÓ SỰ CỐ

Trường hợp thay đổi về thời gian và người giao nhận chất thải y tế nguy hại thì bên gặp sự cố thông báo cho bên kia về nội dung sự cố và thương thảo giải quyết điều chỉnh đề công việc thu gom, giao nhận được thực hiện không làm chậm tiến độ thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT THÔNG TIN

- 6.1 Tất cả các thông tin từ hợp đồng thỏa thuận này (như giá cả, giấy phép, phương án kỹ thuật, ...) sẽ là tài sản của cả hai bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên còn lại.
- 6.2 Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày **01 /6/2021** đến ngày **31 /5/2022**
- 7.2 Trong trường hợp có bất kỳ nghĩa vụ nào chưa hoàn thành vào thời điểm hết hạn của Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ vẫn có hiệu lực áp dụng cho đến khi nghĩa vụ đó được hoàn thành, và sau khi các bên hoàn thành nghĩa vụ với nhau thì hợp đồng sẽ được tự động thanh lý.
- 7.3 Hai bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa hai bên liên quan đến Hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.
- 7.4 Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng.
- 7.5 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản gốc với đầy đủ chữ ký và con dấu của hai bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Nguyễn Hồng Triệu

ĐẠI DIỆN BÊN B


BSCKII. Đỗ Văn Minh

Số: 37/2022-BVĐKKVCN

Cầu Ngang, ngày 01 tháng 6 năm 2022

**HỢP ĐỒNG THU GOM VẬN CHUYỂN
VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI**

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;
- Căn cứ Quyết định 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;
- Căn cứ Công văn số 4029/UBND-KT ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tại các bệnh viện;
- Căn cứ vào Giấy xác nhận số 22/GXN-STNMT ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Trà Vinh xác nhận Hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án “ Hỗ trợ xử lý chất thải Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang”
- Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc điều chỉnh, bổ sung mục 2 và phụ lục 3 của Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên (BÊN A và BÊN B);

Chúng tôi đại diện hai bên gồm có:

BÊN A

: Trung tâm Y tế huyện Duyên Hải

Địa chỉ : Khóm 3, thị trấn Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : 0294 3738022.

Tài khoản : 9523.0.1105136 tại kho bạc Nhà nước huyện Duyên Hải

Mã số thuế : 2100190904-007.

Đại diện : Ông Nguyễn Hồng Triệu. Chức vụ Giám đốc

BÊN B

: BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC CẦU NGANG

Địa chỉ : Số 34 Nguyễn Trí Tài, khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại : 02943725151, 02943725117. Fax: 02943725209

Mã số thuế : 2100190904-015

Tài khoản : 3751.0.1030913.00000 tại Kho bạc Nhà nước Cầu Ngang

Đại diện : Ông Dương Trung Hiếu Chức vụ: P.Giám Đốc

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) theo những điều khoản sau:

ĐIỀU 1: ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

- 1.1 BÊN A đồng ý chọn và BÊN B đồng ý cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh sau quá trình hoạt động của BÊN A.
- 1.2 Nơi thực hiện: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cầu Ngang số 34 Nguyễn Trí Tài, khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh
- 1.3 Phương án xử lý: CTNH được xử lý theo phương án thống nhất và được cơ quan chức năng cho phép thực hiện (Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải).

1.4 **ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN**

❖ Điều kiện lưu chứa CTNH:

- CTNH được Bên A thu gom, phân loại và tập trung tại kho chứa CTNH riêng biệt và được lưu chứa trong bao bì, thùng chứa chuyên dụng theo quy định của pháp luật và Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 đảm bảo rác thải thu gom lưu giữ an toàn, tránh rò rỉ phát tán ra môi trường.
- Các CTNH khác được chứa trong bao bì chuyên dụng (thùng can bằng sắt, nhựa hoặc bao túi nhựa PP/PE) dán nhãn chất thải theo quy định pháp luật. Tất cả các bao bì chứa CTNH sẽ được xử lý hoặc tiêu hủy cùng với CTNH theo qui định.

❖ Thời gian tiếp nhận:

- Tần suất thu gom chất thải: thu gom tuần 2 kỳ vào thứ hai và thứ sáu hàng tuần.
- Thời gian thu gom chất thải y tế nguy hại : Buổi sáng: Từ 7h30 – 11h00.
- Nếu ngày thu gom trùng vào ngày nghỉ lễ, việc thu gom rác sẽ được chuyển sang ngày trước hoặc sau ngày nghỉ lễ 1 ngày. Các trường hợp khác, hai bên thông báo cho nhau để thỏa thuận ngày thu gom cụ thể.
- Trường hợp Bên A cần thu gom khẩn cấp khi gặp sự cố: Nhân sự phụ trách của Bên A thông báo ngay bằng điện thoại đề Bên B lên phương án thu gom và xử lý kịp thời.
- Trong trường hợp phương tiện bên B gặp sự cố đột xuất, Bên B phải thông báo ngay cho bên A biết và đưa ra biện pháp khắc phục kịp thời không để chất thải ứ đọng làm ảnh hưởng đến an toàn vệ sinh môi trường trong khu vực của bên A.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG – PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Số lượng và đơn giá xử lý:

- *Số lượng*: Sẽ được xác định theo số lượng thực tế giao nhận giữa hai bên.
- *Đơn giá xử lý* (đã bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý) như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	DVT	Đơn giá xử lý (VND)
1	Chất thải y tế có tác nhân gây lây nhiễm bao gồm chất thải sắc nhọn	13 01 01	Kg	22.700
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	13 01 02	Kg	22.700
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Kg	22.700
Đơn giá xử lý nêu trên đã bao gồm 10% thuế GTGT				

- *Giá trị hợp đồng* được xác định căn cứ số lượng giao nhận thực tế trên biên bản với đơn giá xử lý nêu trên.

3.2 Phương thức thanh toán:

- Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản, tiền Việt Nam Đồng.
- + Tên tài khoản: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cầu Ngang
- + Số tài khoản: 3751.0.1030913.00000 tại Kho bạc Nhà nước Cầu Ngang
- Thời hạn thanh toán: Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán bản chính bao gồm:
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ.
 - + Bảng tổng kết đối chiếu công nợ hàng tháng.
 - + Chứng từ CTNH đã được Bên B ký xác nhận hoàn tất
- Quá thời hạn thanh toán Bên A chưa thanh toán cho Bên B thì Bên B có quyền ngừng thu gom chất thải nguy hại.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN:

*** Trách nhiệm của bên A:**

- Bên A có trách nhiệm phân loại, đóng gói và lưu giữ chất thải y tế nguy hại theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;
- 4.1 Cụ thể hơn, Bên A đóng gói sẵn rác thải y tế bằng túi nhựa PP/PE. Rác thải sau khi chứa trong túi nhựa được tiếp tục đóng gói trong thùng carton, dán băng keo và dán nhãn chất thải.
- 4.2 Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định của pháp luật (đăng ký chủ nguồn thải CTNH, báo cáo quản lý CTNH, ...)
- 4.3 Bên A cùng Bên B ký xác nhận số lượng CTNH trên biên bản giao nhận, thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ CTNH theo mẫu quy định sau mỗi lần chuyển giao CTNH.
- 4.4 Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu bên A có thay đổi thông tin như: tên đơn vị, mã số thuế, địa chỉ viết trên hóa đơn thì Bên A phải thông báo kịp thời cho bên B biết. Trường hợp để xảy ra sai sót, bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- 4.5 Thanh toán đầy đủ giá trị hợp đồng và đúng hạn tại Điều 3.2 của Hợp đồng.
- 4.6 Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực Bên A không được ký hợp đồng với đơn vị thứ ba (03) để xử lý chất thải, hoặc tự ý tiêu hủy chất thải.

*** Trách nhiệm bên B:**

- 4.7 Nhân viên Bên B cần xuất trình giấy giới thiệu hoặc thẻ nhân viên trước khi giao nhận chất thải y tế nguy hại tại kho Bên A.
- 4.8 Bên B cung cấp phương tiện, thiết bị, công nghệ phục vụ cho việc thu gom vận chuyển, xử lý chất thải theo pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường và được cơ quan chức năng cấp phép hoạt động.
- 4.9 Thực hiện đúng trách nhiệm của một chủ quản lý CTNH theo quy định của pháp luật hiện hành. Mặt khác, Bên B hỗ trợ Bên A lập chứng từ CTNH, tư vấn về lưu giữ và quản lý CTNH, ...
- 4.10 Trường hợp phát sinh CTNH ngoài danh mục, Bên B tạo điều kiện hướng dẫn thu gom và xử lý CTNH theo quy định pháp luật.
- 4.11 Sau khi CTNH của bên A giao cho bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.12 Sau khi CTNH của bên A giao cho bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 5: TRƯỜNG HỢP CÓ SỰ CỐ

Trường hợp thay đổi về thời gian và người giao nhận chất thải y tế nguy hại thì bên gặp sự cố thông báo cho bên kia về nội dung sự cố và thương thảo giải quyết điều chỉnh để công việc thu gom, giao nhận được thực hiện không làm chậm tiến độ thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 6: BẢO MẬT THÔNG TIN



- 6.1 Tất cả các thông tin từ hợp đồng thỏa thuận này (như giá cả, giấy phép, phương án kỹ thuật, ...) sẽ là tài sản của cả hai bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của bên còn lại.
- 6.2 Trong trường hợp không có thỏa thuận khác, bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày **01 /6/2022** đến ngày **31 /5/2023**
- 7.2 Trong trường hợp có bất kỳ nghĩa vụ nào chưa hoàn thành vào thời điểm hết hạn của Hợp đồng, Hợp đồng này sẽ vẫn có hiệu lực áp dụng cho đến khi nghĩa vụ đó được hoàn thành, và sau khi các bên hoàn thành nghĩa vụ với nhau thì hợp đồng sẽ được tự động thanh lý.
- 7.3 Hai bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Nếu có tranh chấp giữa hai bên liên quan đến Hợp đồng, thì sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp không giải quyết được, sẽ đưa ra Tòa án kinh tế, quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng.
- 7.4 Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng.
- 7.5 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản gốc với đầy đủ chữ ký và con dấu của hai bên. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau. ✓

ĐẠI DIỆN BÊN A 

Nguyễn Hồng Triệu

ĐẠI DIỆN BÊN B 

BSCN Dương Trung Triệu